PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23/2013/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2013*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Kạn

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Kạn.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 10 năm 2013.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH BẮC KẠN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2013/TT-BTNMT ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Kạn được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh tỉnh Bắc Kạn được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thị xã Bắc Kạn và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa, địa danh trong ngoặc đơn là tên gọi khác của địa danh.

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường", TT. là chữ viết tắt của "thị trấn".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TX. là chữ viết tắt của "thị xã", H. là chữ viết tắt của "huyện".

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối".

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH BẮC KẠN

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Kạn gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện
1	Thị xã Bắc Kạn
2	Huyện Ba Bể
3	Huyện Bạch Thông
4	Huyện Chợ Đồn
5	Huyện Chợ Mới
6	Huyện Na Rì
7	Huyện Ngân Sơn
8	Huyện Pác Nặm

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bản Áng	TV	P. Đức Xuân	TX. Bắc Kạn			22° 08' 27"	105° 51' 05"	22° 08' 43"	105° 50' 60"	F-48-44-D-a
thôn Bản Bung	DC	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 10' 34"	105° 47' 42"					F-48-44-D-a
thôn Bản Giềng	DC	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 09' 36"	105° 47' 42"					F-48-44-D-a
thôn Bản Lản	DC	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 11' 13"	105° 47' 31"					F-48-44-D-a
khau Cắm 1	SV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 10' 10"	105° 47' 23"					F-48-44-D-a
núi Cao Lan	SV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 11' 02"	105° 48' 60"					F-48-44-D-a
suối Cao Lan	TV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn			22° 11' 09"	105° 49' 09"	22° 09' 57"	105° 48' 54"	F-48-44-D-a
cầu Dương Quang	KX	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 09' 16"	105° 49' 16"					F-48-44-D-a
khau Kè	SV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 10' 45"	105° 48' 56"					F-48-44-D-a
núi Khuổi Kiếp	SV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 10' 25"	105° 48' 54"					F-48-44-D-a
núi Khuổi Ngủn	SV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 10' 58"	105° 48' 19"					F-48-44-D-a
núi Khuổi Pạu	SV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 11' 20"	105° 48' 27"					F-48-44-D-a
khe Khuổi Pạu	TV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn			22° 11' 37"	105° 47' 51"	22° 11' 34"	105° 47' 23"	F-48-44-D-a
núi Khuổi Quén	SV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 10' 24"	105° 49' 13"					F-48-44-D-a
khe Kiếp	TV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn			22° 11' 06"	105° 48' 24"	22° 10' 57"	105° 47' 37"	F-48-44-D-a
khau Lang	SV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 10' 42"	105° 47' 15"					F-48-44-D-a
thôn Nà Dì	DC	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 09' 43"	105° 48' 18"					F-48-44-D-a
thôn Nà Ỏi	DC	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 09' 22"	105° 49' 16"					F-48-44-D-a
thôn Nà Pẻn	DC	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 10' 01"	105° 48' 50"					F-48-44-D-a
thôn Nà Pết	DC	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 09' 22"	105° 48' 32"					F-48-44-D-a
thôn Nà Rào	DC	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 09' 00"	105° 48' 22"					F-48-44-D-a
suối Nặm Cắt	TV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn			22° 11' 31"	105° 47' 19"	22° 09' 13"	105° 49' 41"	F-48-44-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Nang	SV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 09' 17"	105° 46' 29"					F-48-44-D-a
suối Nóng	TV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn			22° 09' 55"	105° 46' 26"	22° 09' 23"	105° 48' 42"	F-48-44-D-a
thôn Phặc Tràng	DC	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 09' 47"	105° 49' 23"					F-48-44-D-a
núi Pù Mô	SV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 10' 40"	105° 46' 52"					F-48-44-D-a
núi Thôm Pẻn	SV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 10' 08"	105° 48' 09"					F-48-44-D-a
núi Thôm Toong	SV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 11' 44"	105° 48' 31"					F-48-44-D-a
cầu Bắc Kạn	KX	P. Nguyễn Thị Minh Khai	TX. Bắc Kạn	22° 09' 18"	105° 50' 49"					F-48-44-D-a
cầu Pò Danh	KX	P. Nguyễn Thị Minh Khai	TX. Bắc Kạn	22° 09' 23"	105° 50' 48"					F-48-44-D-a
quốc lộ 3	KX	P. Phùng Chí Kiên	TX. Bắc Kạn			22° 08' 22"	105° 49' 55"	22° 07' 25"	105° 50' 16"	F-48-44-D-a F-48-44-D-c
suối Bắc Kạn	TV	P. Phùng Chí Kiên	TX. Bắc Kạn			22° 07' 58"	105° 49' 60"	22° 08' 46"	105° 49' 47"	F-48-44-D-a
cầu Bản	KX	P. Phùng Chí Kiên	TX. Bắc Kạn	22° 08' 17"	105° 49' 43"					F-48-44-D-a
đền Cô	KX	P. Phùng Chí Kiên	TX. Bắc Kạn	22° 08' 46"	105° 49' 41"					F-48-44-D-a
đường tỉnh 257	KX	P. Sông Cầu	TX. Bắc Kạn			22° 08' 22"	105° 47' 42"	22° 08' 49"	105° 49' 32"	F-48-44-D-a
cầu Khuổi Rờm	KX	P. Sông Cầu	TX. Bắc Kạn	22° 08' 52"	105° 49' 15"					F-48-44-D-a
thôn Nà Cưởm	DC	P. Sông Cầu	TX. Bắc Kạn	22° 09' 21"	105° 49' 09"					F-48-44-D-a
thôn Bản Cạu	DC	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 09' 28"	105° 51' 29"					F-48-44-D-a
thôn Bản Ven	DC	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 09' 03"	105° 51' 19"					F-48-44-D-a
suối Bệnh Viện	TV	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn			22° 10' 39"	105° 50' 37"	22° 09' 20"	105° 50' 56"	F-48-44-D-a
sông Cầu	TV	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn			22° 09' 08"	105° 51' 05"	22° 09' 24"	105° 52' 57"	F-48-44-D-a F-48-44-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Cốc Chủ	SV	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 12' 20"	105° 49' 05"					F-48-44-D-a
khuổi Dủm	TV	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn			22° 11' 22"	105° 49' 35"	22° 10' 39"	105° 50' 37"	F-48-44-D-a
thôn Giao Lâm	DC	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 11' 14"	105° 50' 40"					F-48-44-D-a
núi Khẩu Lèng	SV	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 11' 00"	105° 49' 42"					F-48-44-D-a
núi Khau Vuồng	SV	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 11' 35"	105° 49' 44"					F-48-44-D-a
núi Khuổi Đăm	SV	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 10' 55"	105° 51' 27"					F-48-44-D-a
thôn Khuổi Dủm	DC	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 10' 52"	105° 50' 15"					F-48-44-D-a
thôn Khuổi Dủm	DC	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 10' 52"	105° 50' 15"					F-48-44-D-a
thôn Khuổi Hẻo	DC	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 09' 57"	105° 51' 18"					F-48-44-D-a
thôn Khuổi Lặng	DC	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 11' 29"	105° 50' 44"					F-48-44-D-a
thôn Khuổi Pái	DC	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 08' 59"	105° 52' 34"					F-48-44-D-b
thôn Khuổi Thuổm	DC	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 09' 55"	105° 50' 45"					F-48-44-D-a
thôn Lâm Trường	DC	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 10' 45"	105° 50' 39"					F-48-44-D-a
khuổi Lặng	TV	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn			22° 11' 53"	105° 49' 42"	22° 10' 39"	105° 50' 37"	F-48-44-D-a
núi Lĩnh Lỳ	SV	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 11' 17"	105° 50' 10"					F-48-44-D-a
khuổi Mật	TV	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn			22° 10' 44"	105° 51' 24"	22° 09' 52"	105° 51' 06"	F-48-44-D-a
khau Mồ	SV	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 12' 49"	105° 48' 30"					F-48-44-D-a
thôn Nà Pài	DC	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 11' 45"	105° 50' 31"					F-48-44-D-a
thôn Nà Pèn	DC	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 10' 20"	105° 49' 56"					F-48-44-D-a
suối Nà Pèn	TV	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn			22° 10' 46"	105° 49' 41"	22° 09' 36"	105° 50' 19"	F-48-44-D-a
núi Nắm Cơm	SV	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 10' 27"	105° 49' 36"					F-48-44-D-a
thôn Pá Danh	DC	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 10' 09"	105° 50' 32"					F-48-44-D-a
núi Thiêng Phu	SV	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 12' 11"	105° 48' 37"					F-48-44-D-a
thôn Tổng Nẻng	DC	xã Huyền Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 09' 17"	105° 51' 51"					F-48-44-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 3	KX	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn			22° 07' 25"	105° 50' 16"	22° 06' 56"	105° 50' 41"	F-48-44-D-c
suối Bản Rạo	TV	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn			22° 07' 08"	105° 49' 14"	22° 06' 53"	105° 50' 00"	F-48-44-D-c
thôn Cốc Muổng	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 07' 12"	105° 48' 50"					F-48-44-D-c
núi Cốc Ngựu	SV	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 05' 19"	105° 49' 40"					F-48-44-D-c
núi Cột Cờ	SV	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 05' 38"	105° 48' 28"					F-48-44-D-c
khuổi Cuồng	TV	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn			22° 06' 53"	105° 50' 00"	22° 06' 56"	105° 50' 41"	F-48-44-D-c
khau Dạ	SV	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 06' 06"	105° 47' 46"					F-48-44-D-c
khe Kẹn	TV	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn			22° 07' 50"	105° 50' 32"	22° 07' 15"	105° 50' 34"	F-48-44-D-a
thôn Khau Cút	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 07' 23"	105° 48' 22"					F-48-44-D-c
suối Khau Dạ	TV	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn			22° 07' 18"	105° 48' 44"	22° 08' 22"	105° 49' 12"	F-48-44-D-a
thôn Khuổi Cuồng	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 06' 58"	105° 50' 20"					F-48-44-D-c
thôn Khuổi Trang	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 06' 07"	105° 49' 41"					F-48-44-D-c
thôn Nà Bản	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 07' 34"	105° 48' 43"					F-48-44-D-a
thôn Nà Choong	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 07' 52"	105° 48' 50"					F-48-44-D-a
thôn Nà Chuông	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 07' 23"	105° 48' 47"					F-48-44-D-c
thôn Nà Diểu	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 08' 17"	105° 48' 29"					F-48-44-D-a
thôn Nà Kẹn	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 06' 22"	105° 48' 40"					F-48-44-D-c
thôn Nà Nàng	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 08' 13"	105° 48' 43"					F-48-44-D-a
thôn Nà Thinh	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 07' 05"	105° 48' 47"					F-48-44-D-c
thôn Nà Vịt	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 06' 58"	105° 48' 40"					F-48-44-D-c
thôn Nam Đội Thân	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 07' 01"	105° 49' 37"					F-48-44-D-c
suối Nông Thượng	TV	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn			22° 07' 30"	105° 47' 56"	22° 07' 29"	105° 48' 39"	F-48-44-D-c
cầu Phai Kẹc	KX	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 08' 19"	105° 49' 10"					F-48-44-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tân Thành	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 06' 40"	105° 49' 34"					F-48-44-D-c
thôn Thôm Luông	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 07' 23"	105° 49' 59"					F-48-44-D-c
khuổi Trang	TV	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn			22° 06' 08"	105° 49' 04"	22° 06' 01"	105° 50' 16"	F-48-44-D-c
khau Vai	SV	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 05' 27"	105° 50' 00"					F-48-44-D-c
quốc lộ 3	KX	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn			22° 06' 56"	105° 50' 41"	22° 04' 33"	105° 52' 49"	F-48-44-D-c
quốc lộ B	KX	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn			22° 06' 21"	105° 55' 11"	22° 04' 47"	105° 52' 46"	F-48-44-D-d
núi Ba Chỏm	SV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 07' 02"	105° 52' 30"					F-48-44-D-d
thôn Bản Đồn 1	DC	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 06' 00"	105° 52' 34"					F-48-44-D-d
thôn Bản Đồn 2	DC	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 05' 38"	105° 52' 30"					F-48-44-D-d
thôn Bản Pạt (Bản Pjạt)	DC	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 05' 20"	105° 52' 23"					F-48-44-D-c
thôn Bản Rạo	DC	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 06' 11"	105° 50' 56"					F-48-44-D-c
suối Bản Rạo	TV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn			22° 06' 01"	105° 50' 20"	22° 05' 42"	105° 52' 23"	F-48-44-D-c
khe Ban Thác	TV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn			22° 06' 50"	105° 51' 53"	22° 06' 32"	105° 51' 40"	F-48-44-D-c
sông Cầu	TV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn			22° 07' 43"	105° 53' 54"	22° 04' 33"	105° 52' 51"	F-48-44-D-b F-48-44-D-d
núi Co	SV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 07' 34"	105° 52' 16"					F-48-44-D-a
thôn Còi Mò	DC	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 06' 07"	105° 51' 43"					F-48-44-D-c
nặm Dất	TV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn			22° 06' 22"	105° 55' 11"	22° 06' 03"	105° 53' 41"	F-48-44-D-d
thôn Đoàn Kết	DC	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 06' 32"	105° 51' 32"					F-48-44-D-c
núi Lùng	SV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 03' 46"	105° 51' 27"					F-48-44-D-c
núi Lủng Duốc	SV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 03' 23"	105° 51' 51"					F-48-44-D-c
thôn Lủng Hoàn	DC	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 06' 47"	105° 51' 14"					F-48-44-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khe Lủng Hoàn	TV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn			22° 07' 09"	105° 51' 04"	22° 06' 34"	105° 51' 31"	F-48-44-D-c
núi Lủng Luông	SV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 04' 29"	105° 51' 22"					F-48-44-D-c
khuổi Ma	TV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn			22° 06' 43"	105° 55' 03"	22° 06' 55"	105° 53' 51"	F-48-44-D-d
thôn Mai Hiên	DC	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 06' 14"	105° 52' 26"					F-48-44-D-c
thôn Nà Bản	DC	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 06' 00"	105° 52' 01"					F-48-44-D-c
khe Nà Bản	TV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn			22° 05' 35"	105° 51' 22"	22° 06' 02"	105° 51' 54"	F-48-44-D-c
thôn Nà Luông	DC	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 05' 24"	105° 52' 34"					F-48-44-D-d
suối Nà Noọc	TV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn			22° 05' 41"	105° 55' 21"	22° 06' 11"	105° 54' 14"	F-48-44-D-d
mỏ đá Suối Viền	KX	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 04' 30"	105° 51' 54"					F-48-44-D-c
thôn Tân Cư	DC	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 07' 23"	105° 51' 58"					F-48-44-D-c
cầu Thác Diểng	KX	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 05' 10"	105° 53' 13"					F-48-44-D-d
thôn Thác Giềng	DC	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 04' 44"	105° 52' 48"					F-48-44-D-d
khuổi Viền	TV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn			22° 04' 08"	105° 51' 29"	22° 05' 05"	105° 52' 26"	F-48-44-D-c
nhà máy Xi măng Bắc Kạn	KX	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 04' 52"	105° 52' 08"					F-48-44-D-c
cầu Xuất Hóa	KX	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 04' 48"	105° 52' 48"					F-48-44-D-d
tiểu khu 1	DC	TT. Chợ Rã	H. Ba Bể	22° 27' 06"	105° 43' 32"					F-48-44-A-b
tiểu khu 2	DC	TT. Chợ Rã	H. Ba Bể	22° 27' 13"	105° 44' 21"					F-48-44-A-b
tiểu khu 3	DC	TT. Chợ Rã	H. Ba Bể	22° 27' 39"	105° 44' 41"					F-48-44-A-b
tiểu khu 4	DC	TT. Chợ Rã	H. Ba Bể	22° 27' 29"	105° 44' 18"					F-48-44-A-b
tiểu khu 5	DC	TT. Chợ Rã	H. Ba Bể	22° 27' 35"	105° 44' 20"					F-48-44-A-b
tiểu khu 6	DC	TT. Chợ Rã	H. Ba Bể	22° 27' 25"	105° 43' 50"					F-48-44-A-b
tiểu khu 7	DC	TT. Chợ Rã	H. Ba Bể	22° 27' 22"	105° 43' 39"					F-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tiểu khu 8	DC	TT. Chợ Rã	H. Ba Bể	22° 27' 28"	105° 43' 29"					F-48-44-A-b
tiểu khu 9	DC	TT. Chợ Rã	H. Ba Bể	22° 27' 39"	105° 44' 38"					F-48-44-A-b
tiểu khu 10	DC	TT. Chợ Rã	H. Ba Bể	22° 27' 02"	105° 43' 12"					F-48-44-A-b
tiểu khu 11	DC	TT. Chợ Rã	H. Ba Bể	22° 27' 06"	105° 43' 01"					F-48-44-A-b
quốc lộ 279	KX	TT. Chợ Rã	H. Ba Bể			22° 27' 46"	105° 44' 39"	22° 27' 28"	105° 45' 34"	F-48-44-A-b F-44-B-a
cầu Pắc Ko	KX	TT. Chợ Rã	H. Ba Bể	22° 27' 12"	105° 43' 21"					F-48-44-A-b
suối Tả Nghè	TV	TT. Chợ Rã	H. Ba Bể			22° 27' 08"	105° 44' 19"	22° 27' 14"	105° 43' 19"	F-48-44-A-b
đường tỉnh 212	KX	xã Bành Trạch	H. Ba Bể			22° 30' 11"	105° 48' 26"	22° 27' 25"	105° 50' 29"	F-48-32-D; F-48-44-B-a
quốc lộ 279	KX	xã Bành Trạch	H. Ba Bể			22° 27' 28"	105° 45' 35"	22° 27' 03"	105° 48' 17"	F-48-44-B-a
sông Hà Hiệu	TV	xã Bành Trạch	H. Ba Bể			22° 26' 56"	105° 48' 15"	22° 28' 12"	105° 45' 58"	F-48-44-B-a
sông Năng	TV	xã Bành Trạch	H. Ba Bể			22° 32' 59"	105° 46' 37"	22° 28' 24"	105° 45' 36"	F-48-32-D; F-48-44-B-a
thôn Bản Hon	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 17"	105° 46' 40"					F-48-44-B-a
thôn Bản Lấp	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 29' 47"	105° 46' 12"					F-48-44-B-a
thôn Cốc Đứa	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 31' 20"	105° 48' 37"					F-48-32-D
thôn Cốc Lùng	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 31' 41"	105° 47' 12"					F-48-32-D
thôn Cốc Ngàn	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 28"	105° 46' 49"					F-48-44-B-a
thôn Cốc Tát	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 30' 29"	105° 46' 13"					F-48-32-D
thôn Còi Sliểu	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 44"	105° 46' 31"					F-48-44-B-a
thôn Đông Lèo	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 30' 16"	105° 47' 52"					F-48-32-D
thôn Khuổi Khét	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 29' 13"	105° 47' 47"					F-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Km 333	KX	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 14"	105° 46' 32"					F-48-44-B-a
thôn Lũng Điếc	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 17"	105° 46' 10"					F-48-44-B-a
đèo Lủng Điếc	SV	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 27"	105° 45' 36"					F-48-44-B-a
thôn Nà Áng	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 22"	105° 47' 24"					F-48-44-B-a
thôn Nà Cải	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 32"	105° 46' 13"					F-48-44-B-a
thôn Nà Cù	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 23"	105° 47' 02"					F-48-44-B-a
thôn Nà Dụ	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 28' 40"	105° 46' 23"					F-48-44-B-a
thôn Nà Làn	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 15"	105° 47' 31"					F-48-44-B-a
thôn Nà Nần	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 56"	105° 46' 29"					F-48-44-B-a
thôn Nà Niếng	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 28' 11"	105° 46' 14"					F-48-44-B-a
thôn Nà Sli	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 02"	105° 47' 55"					F-48-44-B-a
cầu Nà Sli	KX	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 48"	105° 47' 44"					F-48-44-B-a
thôn Nà Tảo	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 26' 46"	105° 48' 02"					F-48-44-B-a
thôn Nà Úng	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 28' 31"	105° 46' 19"					F-48-44-B-a
thôn Nà Vè 2	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 25' 56"	105° 47' 10"					F-48-44-B-a
thôn Pác Châm	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 28' 15"	105° 46' 06"					F-48-44-B-a
thôn Pác Pỉn	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 28' 57"	105° 46' 45"					F-48-44-B-a
thôn Pàn Han	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 25' 37"	105° 47' 41"					F-48-32-D
thôn Bản Cám	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 28' 08"	105° 36' 10"					F-48-44-A
thôn Bản Phướng	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 29' 30"	105° 38' 49"					F-48-44-A-b
thôn Bản Tầu	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 28' 53"	105° 39' 03"					F-48-44-A-b
núi Cẩu Liền	SV	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 29' 48"	105° 37' 48"					F-48-44-A-b
núi Chẻ Vèng	SV	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 29' 24"	105° 35' 47"					F-48-44-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cốc Lịn	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 28' 53"	105° 36' 53"					F-48-44-A
thôn Cốc Mòn	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 29' 31"	105° 37' 23"					F-48-44-A
thôn Cốc Phát	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 29' 03"	105° 40' 35"					F-48-44-A-b
thôn Hin Lặp	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 28' 57"	105° 40' 12"					F-48-44-A-b
thôn Khau Luông	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 29' 01"	105° 35' 28"					F-48-44-A
thôn Khuổi Hao	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 28' 02"	105° 35' 11"					F-48-44-A
núi Khuổi Phủng	SV	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 27' 51"	105° 38' 14"					F-48-44-A-b
thôn Khuổi Tăng	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 28' 28"	105° 38' 43"					F-48-44-A-b
thôn Nà khau	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 30' 10"	105° 40' 30"					F-48-32-C
thôn Nà Sliến	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 28' 48"	105° 36' 28"					F-48-44-A
thôn Nặm Cắm	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 29' 58"	150° 40' 31"					F-48-44-A-b
sông Năng	TV	xã Cao Thượng	H. Ba Bể			22° 27' 51"	105° 38' 59"	22° 27' 28"	105° 37' 55"	F-48-44-A-b
thôn Pá Lào	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 29' 07"	105° 37' 01"					F-48-44-A
núi Phia Cưởm (Phja Cưởm)	SV	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 28' 55"	105° 37' 37"					F-48-44-A-b
suối Tả Eng	TV	xã Cao Thượng	H. Ba Bể			22° 29' 58"	105° 39' 28"	22° 27' 55"	105° 38' 36"	F-48-44-A-b
thôn Tọt Còn	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 28' 41"	105° 35' 05"					F-48-44-A
thôn Bản Ngù	DC	xã Cao Trĩ	H. Ba Bể	22° 27' 56"	105° 42' 12"					F-48-44-A-b
thôn Bản Phiềng	DC	xã Cao Trĩ	H. Ba Bể	22° 27' 04"	105° 41' 32"					F-48-44-A-b
thôn Dài Khao	DC	xã Cao Trĩ	H. Ba Bể	22° 27' 23"	105° 40' 42"					F-48-44-A-b
đèo Giả Eng	SV	xã Cao Trĩ	H. Ba Bể	22° 27' 08"	105° 42' 23"					F-48-44-A-b
thôn Kéo Pựt	DC	xã Cao Trĩ	H. Ba Bể	22° 27' 10"	105° 41' 11"					F-48-44-A-b
suối Khau Tậu	TV	xã Cao Trĩ	H. Ba Bể			22° 29' 14"	105° 41' 55"	22° 27' 42"	105° 42' 06"	F-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Chả	DC	xã Cao Trĩ	H. Ba Bể	22° 28' 43"	105° 42' 07"					F-48-44-A-b
thôn Nà Hàn	DC	xã Cao Trĩ	H. Ba Bể	22° 28' 07"	105° 40' 10"					F-48-44-A-b
sông Năng	TV	xã Cao Trĩ	H. Ba Bể			22° 27' 34"	105° 42' 58"	22° 27' 25"	105° 40' 26"	F-48-44-A-b
núi Phia Lình (Phja Lình)	SV	xã Cao Trĩ	H. Ba Bể	22° 28' 57"	105° 41' 06"					F-48-44-A-b
núi Phiêng Khẻ (Phjêng Khẻ)	SV	xã Cao Trĩ	H. Ba Bể	22° 27' 55"	105° 40' 27"					F-48-44-A-b
thôn Phiêng Toản (Phjêng Toản)	DC	xã Cao Trĩ	H. Ba Bể	22° 27' 33"	105° 42' 37"					F-48-44-A-b
núi Xum Kheo	SV	xã Cao Trĩ	H. Ba Bể	22° 28' 10"	105° 41' 09"					F-48-44-A-b
suối Tả Cáp	TV	xã Chu Hương	H. Ba Bể			22° 21' 10"	105° 49' 09"	22° 23' 58"	105° 50' 51"	F-48-44-B-c
thôn Bản Xả	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 22' 27"	105° 49' 43"					F-48-44-B-c
thôn Bản Hán	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 21' 39"	105° 49' 18"					F-48-44-B-c
thôn Bản Lài	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 22' 43"	105° 49' 28"					F-48-44-B-a
thôn Bản Lùng	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 21' 47"	105° 49' 15"					F-48-44-B-c
thôn Bản Pục	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 21' 23"	105° 49' 32"					F-48-44-B-c
thôn Bản Trù	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 21' 10"	105° 48' 40"					F-48-44-B-c
suối Bản Trù	TV	xã Chu Hương	H. Ba Bể			22° 20' 50"	105° 48' 04"	22° 21' 21"	105° 49' 21"	F-48-44-B-c
suối Chu Hương	TV	xã Chu Hương	H. Ba Bể			22° 19' 39"	105° 46' 15"	22° 20' 50"	105° 48' 04"	F-48-44-B-c
thôn Đon Dài	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 22' 09"	105° 49' 25"					F-48-44-B-a
thác Khuổi Coóng	TV	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 22' 41"	105° 48' 55"					F-48-44-B-a
thôn Khuổi Ha	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 22' 20"	105° 51' 07"					F-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Kim Nhoàn	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 21' 31"	105° 49' 20"					F-48-44-B-c
thôn Lủng Miều	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 22' 50"	105° 49' 12"					F-48-44-B-a
thôn Nà Cà	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 20' 57"	105° 48' 02"					F-48-44-B-c
thôn Nà Đông	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 21' 05"	105° 48' 11"					F-48-44-B-c
thôn Nà Nao	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 23' 07"	105° 49' 31"					F-48-44-B-a
thôn Nà Ngộm	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 23' 38"	105° 50' 22"					F-48-44-B-a
thôn Nà Phầy	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 23' 21"	105° 49' 59"					F-48-44-B-a
thôn Nà Quang	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 23' 18"	105° 48' 41"					F-48-44-B-a
thôn Pác Chi	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 23' 17"	105° 49' 36"					F-48-44-B-a
núi Phia Théc (Phja Théc)	SV	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 20' 33"	105° 45' 55"					F-48-44-B-c
thôn Phiêng Kẻm (Phjêng Kẻm)	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 22' 15"	105° 49' 46"					F-48-44-B-c
thôn Pù Mắt	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 21' 12"	105° 49' 16"					F-48-44-B-c
cầu Pù Mắt	KX	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 21' 10"	105° 49' 14"					F-48-44-B-c
cầu Trù	KX	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 21' 17"	105° 48' 56"					F-48-44-B-c
đường tỉnh 258	KX	xã Địa Linh	H. Ba Bể			22° 02' 09"	105° 04' 23"	22° 02' 04"	105° 04' 19"	F-48-44-A-b; F-48-44-B-a
thôn Bản Lác	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 25' 02"	105° 44' 24"					F-48-44-A-b
thôn Bản Mạ	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 25' 36"	105° 44' 16"					F-48-44-A-b
thôn Bản Váng	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 25' 29"	105° 44' 40"					F-48-44-A-b
thôn Cốc Cưởm	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 25' 13"	105° 44' 32"					F-48-44-A-b
thôn Cốc Pái	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 23' 26"	105° 45' 11"					F-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Hẩu	TV	xã Địa Linh	H. Ba Bể			22° 23' 52"	105° 43' 20"	22° 25' 12"	105° 46' 01"	F-48-44-A-b; F-48-44-B-a
thôn Khuổi Kẹn	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 25' 30"	105° 45' 37"					F-48-44-B-a
thôn Nà Áng	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 25' 41"	105° 33' 23"					F-48-44-B-a
thôn Nà Cường	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 25' 17"	105° 45' 54"					F-48-44-B-a
thôn Nà Lòn	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 26' 02"	105° 45' 24"					F-48-44-B-a
suối Nà Loòng	TV	xã Địa Linh	H. Ba Bể			22° 25' 06"	105° 45' 04"	22° 25' 45"	105° 45' 26"	F-48-44-B-a
thôn Nà Loỏng	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 26' 13"	105° 44' 42"					F-48-44-A-b
thôn Pác Nghè	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 26' 32"	105° 44' 38"					F-48-44-A-b
núi Phia Bi Oóc (Phja Bjoóc)	SV	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 22' 44"	105° 43' 53"					F-48-44-A
thôn Tát Dài	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 26' 17"	105° 45' 11"					F-48-44-B-a
thôn Tiền Phong	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 24' 39"	105° 45' 27"					F-48-44-A-b
thôn Tổng Chàm	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 25' 16"	105° 46' 22"					F-48-44-B-a
thôn Tổng Phung	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 25' 29"	105° 45' 51"					F-48-44-B-a
núi Lủng Lầu	SV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 16' 37"	105° 46' 20"					F-48-44-B-c
thôn Bản Chán	DC	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 18' 30"	105° 43' 57"					F-48-44-A
thôn Cốc Coọng	DC	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 18' 41"	105° 45' 26"					F-48-44-A
núi Cốc Khương	SV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 20' 53"	105° 45' 13"					F-48-44-B-c
thôn Cốc Phấy	DC	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 19' 48"	105° 44' 26"					F-48-44-A
núi Đin Đăm	SV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 16' 28"	105° 43' 39"					F-48-44-A
thôn Khưa Quang	DC	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 18' 48"	105° 41' 55"					F-48-44-A
núi Khuổi Bon	SV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 17' 18"	105° 47' 08"					F-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khuổi Chán	TV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể			22° 17' 24"	105° 45' 03"	22° 18' 39"	105° 43' 32"	F-48-44-A
suối Khuổi Cọ	TV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể			22° 20' 02"	105° 44' 01"	22° 19' 15"	105° 43' 11"	F-48-44-A
suối Khuổi Khỉa	TV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể			22° 17' 17"	105° 45' 48"	22° 17' 24"	105° 45' 03"	F-48-44-B-c
sông Lèng	TV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể			22° 18' 39"	105° 43' 32"	22° 19' 48"	105° 42' 36"	F-48-44-A
khuổi Lủng Phầy	TV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể			22° 20' 46"	105° 45' 23"	22° 18' 32"	105° 43' 22"	F-48-44-B-c F-48-44-A
thôn Nà Bi Oóc (Nà Bjóoc)	DC	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 19' 10"	105° 42' 57"					F-48-44-A
thôn Nà Cà	DC	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 19' 04"	105° 43' 26"					F-48-44-A
thôn Nà Đứa	DC	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 19' 50"	105° 42' 43"					F-48-44-A
thôn Nà Khâu	DC	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 18' 49"	105° 43' 50"					F-48-44-A
thôn Na Pha	DC	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 19' 20"	105° 43' 59"					F-48-44-A
thôn Nà Thẩu	DC	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 18' 36"	105° 43' 15"					F-48-44-A
núi Phia Bi Oóc (Phja Bjoóc)	SV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 19' 39"	105° 46' 09"					F-48-44-B-c
núi Pù Chàng	SV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 16' 28"	105° 45' 04"					F-48-44-B-c
núi Pù Nựa	SV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 18' 01"	105° 45' 27"					F-48-44-A
suối Tả Loòng	TV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể			22° 17' 26"	105° 42' 32"	22° 18' 39"	105° 45' 32"	F-48-44-A
thôn Tẩn Lùng	DC	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 18' 41"	105° 45' 26"					F-48-44-B-c
thôn Tẩn Lượt	DC	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 19' 17"	106° 43' 26"					F-48-44-A
thôn Bản Duống	DC	xã Hoàng Trĩ	H. Ba Bể	22° 19' 03"	105° 39' 58"					F-48-44-A
suối Bản Duống	TV	xã Hoàng Trĩ	H. Ba Bể			22° 17' 53"	105° 41' 00"	22° 20' 36"	105° 39' 35"	F-48-44-A
thôn Bản Vàng	DC	xã Hoàng Trĩ	H. Ba Bể	22° 20' 10"	105° 38' 47"					F-48-44-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bó Mần	TV	xã Hoàng Trĩ	H. Ba Bể			22° 18' 23"	105° 41' 31"	22° 20' 10"	105° 40' 18"	F-48-44-A
thôn Coóc Mu	DC	xã Hoàng Trĩ	H. Ba Bể	22° 19' 54"	105° 40' 23"					F-48-44-A
thôn Nà Cọ	DC	xã Hoàng Trĩ	H. Ba Bể	22° 20' 05"	105° 39' 24"					F-48-44-A
thôn Nà Diếu	DC	xã Hoàng Trĩ	H. Ba Bể	22° 18' 47"	105° 39' 36"					F-48-44-A
thôn Nà Phả	DC	xã Hoàng Trĩ	H. Ba Bể	22° 20' 04"	105° 39' 09"					F-48-44-A
thôn Nà Slải	DC	xã Hoàng Trĩ	H. Ba Bể	22° 19' 02"	105° 38' 36"					F-48-44-A
suối Tạng Nà	TV	xã Hoàng Trĩ	H. Ba Bể			22° 17' 42"	105° 39' 43"	22° 20' 36"	105° 39' 35"	F-48-44-A
đường tỉnh 258	KX	xã Khang Minh	H. Ba Bể			22° 25' 03"	105° 37' 44"	22° 27' 21"	105° 40' 29"	F-48-44-A-b
núi Pù Slưa	SV	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 27' 07"	105° 39' 48"					F-48-44-A-b
thôn Bản Đâu	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 26' 27"	105° 38' 58"					F-48-44-A-b
thôn Bản Nản	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 26' 23"	105° 39' 12"					F-48-44-A-b
thôn Bản Vài	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 26' 44"	105° 39' 47"					F-48-44-A-b
bến đò Buốc Lốm	KX	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 27' 25"	105° 40' 26"					F-48-44-A-b
thôn Cốc Kè	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 26' 08"	105° 38' 53"					F-48-44-A-b
thôn Củm Pán	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 24' 21"	105° 40' 07"					F-48-44-A-b
núi Đồn Đèn	SV	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 25' 46"	105° 40' 46"					F-48-44-A-b
thôn Khuổi Luông	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 23' 58"	105° 41' 09"					F-48-44-A-b
thôn Nà Cọ	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 24' 30"	105° 39' 34"					F-48-44-A-b
thôn Nà Khiêng	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 25' 19"	105° 38' 40"					F-48-44-A-b
thôn Nà Làng	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 26' 34"	105° 39' 40"					F-48-44-A-b
thôn Nà Mằm	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 25' 10"	105° 38' 22"					F-48-44-A-b
thôn Nà Mơ	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 25' 23"	105° 40' 04"					F-48-44-A-b
thôn Nà Ngỏa	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 25' 45"	105° 38' 50"					F-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Niểm	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 26' 58"	105° 40' 15"					F-48-44-A-b
thôn Nà Niềng	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 23' 52"	105° 39' 47"					F-48-44-A-b
núi Phia Pục (Phja Pục)	SV	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 28' 28"	105° 39' 33"					F-48-44-A-b
suối Tả Lẩu	TV	xã Khang Minh	H. Ba Bể			22° 24' 08"	105° 41' 50"	22° 26' 44"	105° 39' 27"	F-48-44-A-b
núi Thôm Kháp	SV	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 25' 36"	105° 37' 38"					F-48-44-A-b
đường tỉnh 258	KX	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể			22° 18' 25"	105° 51' 07"	22° 21' 08"	105° 49' 11"	F-48-44-B-c
thôn Bản Hậu	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 30"	105° 48' 56"					F-48-44-B-c
suối Bản Hậu	TV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể			22° 19' 44"	105° 47' 16"	22° 20' 25"	105° 49' 37"	F-48-44-B-c
thôn Bi Oóc Ve (Bjoóc Ve)	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 19' 56"	105° 51' 52"					F-48-44-B-c
suối Cạm Vàng	TV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể			22° 18' 28"	105° 50' 27"	22° 18' 59"	105° 50' 58"	F-48-44-B-c
thôn Cốc Sâu	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 42"	105° 49' 34"					F-48-44-B-c
suối Cốc Slâu	TV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể			22° 21' 03"	105° 50' 12"	22° 20' 27"	105° 49' 35"	F-48-44-B-c
thôn Cốc Vác	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 18' 56"	105° 50' 18"					F-48-44-B-c
núi Hoa Sơn	SV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 18' 09"	105° 47' 07"					F-48-44-B-c
thôn Khau Ngòa	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 18' 40"	105° 49' 59"					F-48-44-B-c
núi Khưa Quang	SV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 19' 08"	105° 53' 08"					F-48-44-B-d
thôn Khuổi Khún	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 21"	105° 49' 01"					F-48-44-B-c
núi Khuổi Lùng	SV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 18' 08"	105° 48' 30"					F-48-44-B-c
núi Khuổi Lủng	SV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 33"	105° 51' 14"					F-48-44-B-c
núi Khuổi Lỳ	SV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 00"	105° 52' 32"					F-48-44-B-d
suối Khuổi Nùng	TV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể			22° 18' 29"	105° 48' 30"	22° 18' 42"	105° 49' 29"	F-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khuổi Sliến	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 19' 37"	105° 49' 43"					F-48-44-B-c
núi Khuổi Sliến	SV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 18' 50"	105° 52' 13"					F-48-44-B-c
suối Khuổi Sliến	TV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể			22° 19' 17"	105° 48' 23"	22° 20' 01"	105° 49' 50"	F-48-44-B-c
sông Mỹ Phương	TV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể			22° 18' 41"	105° 49' 29"	22° 21' 11"	105° 49' 09"	F-48-44-B-c
thôn Nà Áng	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 17"	105° 51' 31"					F-48-44-B-c
thôn Nà Bưa	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 18' 55"	105° 49' 53"					F-48-44-B-c
thôn Nà Ca	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 19' 10"	105° 50' 18"					F-48-44-B-c
thôn Nà Cà	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 27"	105° 48' 33"					F-48-44-B-c
thôn Nà Cạm	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 19' 13"	105° 50' 00"					F-48-44-B-c
thôn Nà Chằm	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 18' 52"	105° 50' 49"					F-48-44-B-c
thôn Nà Ít	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 19' 30"	105° 50' 14"					F-48-44-B-c
thôn Nà Lầu	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 09"	105° 51' 37"					F-48-44-B-c
thôn Nà Ngò	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 51"	105° 49' 10"					F-48-44-B-c
thôn Nà Pao (Nà Pjao)	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 19' 37"	105° 51' 39"					F-48-44-B-c
thôn Nà Phiêng (Nà Phjêng)	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 01"	105° 49' 56"					F-48-44-B-c
thôn Nà Pùng	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 19' 14"	105° 51' 45"					F-48-44-B-c
thôn Nà Vè	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 19' 50"	105° 50' 02"					F-48-44-B-c
thôn Nà Ven	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 19' 54"	105° 49' 41"					F-48-44-B-c
suối Nặm Đảng	TV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể			22° 18' 59"	105° 50' 58"	22° 20' 34"	105° 52' 41"	F-48-44-B-c F-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phiêng Luông (Phjêng Luông)	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 11"	105° 52' 15"					F-48-44-B-c
thôn Phiêng Phường (Phjêng Phường)	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 34"	105° 49' 43"					F-48-44-B-c
thôn Thạch Ngõa 1	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 18' 53"	105° 50' 12"					F-48-44-B-c
thôn Thạch Ngõa 2	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 19' 22"	105° 50' 16"					F-48-44-B-c
núi Thôm Ỏ	SV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 37"	105° 52' 05"					F-48-44-B-c
thôn Vằng Kheo	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 19' 36"	105° 47' 28"					F-48-44-B-c
đường tỉnh 212	KX	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể			22° 27' 25"	105° 50' 29"	22° 26' 34"	105° 50' 53"	F-48-44-B-a
quốc lộ 279	KX	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể			22° 26' 27"	105° 49' 47"	22° 24' 30"	105° 52' 01"	F-48-44-B-a
thôn Lủng Cam	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 27' 38"	105° 52' 18"					F-48-44-B-a
thôn Lủng Tráng	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 27' 22"	105° 52' 03"					F-48-44-B-a
suối Bản Hòa	TV	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể			22° 26' 36"	105° 52' 17"	22° 25' 48"	105° 50' 54"	F-48-44-B-a
thôn Bản Mới	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 26' 29"	105° 50' 56"					F-48-44-B-a
cầu Bản Mới	KX	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 26' 36"	105° 50' 51"					F-48-44-B-a
thôn Chợ Giải	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 25' 44"	105° 50' 53"					F-48-44-B-a
thôn Cốc Lót	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 26' 05"	105° 51' 17"					F-48-44-B-a
thôn Cốc Lùng	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 24' 49"	105° 50' 59"					F-48-44-B-a
thôn Đông Đăm	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 28' 05"	105° 52' 48"					F-48-44-B-b
khuổi Duồng	TV	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể			22° 29' 25"	105° 54' 00"	22° 26' 08"	105° 50' 33"	F-48-44-B-a
sông Hà Hiệu	TV	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể			22° 26' 12"	105° 44' 36"	22° 24' 30"	105° 52' 00"	F-48-44-B-a
thôn Khuổi Chu	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 25' 23"	105° 51' 36"					F-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Khuổi Duồng	KX	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 26' 41"	105° 50' 42"					F-48-44-B-a
thôn Khuổi Liên	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 24' 52"	105° 49' 40"					F-48-44-B-a
thôn Khuổi Mản	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 25' 50"	105° 51' 28"					F-48-44-B-a
thôn Khuổi Thốc	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 27' 06"	105° 50' 40"					F-48-44-B-a
khuổi Liên	TV	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể			22° 24' 03"	105° 48' 55"	22° 25' 08"	105° 50' 44"	F-48-44-B-a
thôn Nà Dài	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 26' 18"	105° 50' 17"					F-48-44-B-a
thôn Nà Hin	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 24' 39"	105° 51' 31"					F-48-44-B-a
thôn Nà Ma	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 25' 52"	105° 50' 53"					F-48-44-B-a
thôn Nà Mèo	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 24' 59"	105° 51' 25"					F-48-44-B-a
thôn Nà Vài	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 26' 19"	105° 50' 47"					F-48-44-B-a
núi Phia Thán (Phja Thán)	SV	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 29' 44"	105° 54' 07"					F-48-44-B-b
núi Pù Củm	SV	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 26' 48"	105° 50' 32"					F-48-44-B-a
thôn Thẳm San	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 29' 18"	105° 53' 28"					F-48-44-B-b
thôn Thôm Lẹng	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 26' 05"	105° 51' 00"					F-48-44-B-a
thôn Vằng Kè	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 25' 18"	105° 51' 04"					F-48-44-B-a
hồ Ba Bể	TV	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 25' 15"	105° 36' 49"					F-48-44-A
vườn quốc gia Ba Bể	KX	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 25' 10"	105° 37' 27"					F-48-44-A
thôn Bản Cám	DC	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 27' 31"	105° 37' 01"					F-48-44-A
thôn Bó Lù	DC	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 23' 55"	105° 36' 58"					F-48-44-A
suối Chợ Lèng	TV	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể			22° 22' 25"	105° 38' 48"	22° 23' 34"	105° 38' 02"	F-48-44-A
thôn Cốc Tộc	DC	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 24' 12"	105° 36' 12"					F-48-44-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Đán Mẩy	SV	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 25' 31"	105° 33' 42"					F-48-44-A
thôn Đầu Đẳng	DC	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 27' 17"	105° 34' 19"					F-48-44-A
thôn Khau Qua	DC	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 24' 42"	105° 34' 51"					F-48-44-A
núi Kho Cổm	SV	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 26' 42"	105° 34' 45"					F-48-44-A
thôn Nà Áng	DC	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 27' 05"	105° 33' 29"					F-48-44-A
núi Nà Dường	SV	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 26' 58"	105° 37' 21"					F-48-44-A
thôn Nà Phấy	DC	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 24' 55"	105° 34' 41"					F-48-44-A
thôn Nặm Dài	DC	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 25' 39"	105° 35' 05"					F-48-44-A
sông Năng	TV	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể			22° 26' 54"	105° 33' 18"	22° 27' 27"	105° 37' 55"	F-48-44-A
núi Nộc Chắp	SV	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 25' 52"	105° 34' 30"					F-48-44-A
thôn Pác Ngòi	DC	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 23' 23"	105° 38' 08"					F-48-44-A
quốc lộ 279	KX	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể			22° 27' 03"	105° 48' 17"	22° 26' 27"	105° 49' 47"	F-48-44-B-a
khuổi Chả	TV	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể			22° 30' 48"	105° 50' 34"	22° 29' 48"	105° 48' 39"	F-48-44-B-a F-48-32-D
thôn Bản Luộc	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 27' 37"	105° 49' 39"					F-48-44-B-a
thôn Cốc Bó	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 29' 08"	105° 51' 09"					F-48-44-B-a
thôn Cốc Diển	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 29' 21"	105° 51' 08"					F-48-44-B-a
thôn Cốc Muồi	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 29' 44"	105° 52' 50"					F-48-44-B-b
sông Hà Hiệu	TV	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể			22° 26' 12"	105° 49' 36"	22° 26' 56"	105° 48' 15"	F-48-44-B-a
thôn Kéo Tẻn	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 27' 36"	105° 50' 23"					F-48-44-B-a
thôn Khau Cà	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 30' 45"	105° 44' 53"					F-48-32-D
thôn Khuổi Liên	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 25' 21"	105° 49' 07"					F-48-44-B-a
thôn Khuổi Luội	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 25' 50"	105° 49' 15"					F-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khuổi Pìa (Khuổi Pjà)	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 28' 37"	105° 50' 04"					F-48-44-B-a
thôn Khuổi Tẩu	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 29' 33"	105° 49' 01"					F-48-44-B-a
thôn Lủng Pầu (Lủng Pjầu)	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 24' 49"	105° 48' 03"					F-48-44-B-a
suối Lủng Pầu (Lủng Pjầu)	TV	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể			22° 24' 58"	105° 48' 12"	22° 26' 13"	105° 49' 00"	F-48-44-B-a
khuổi Luội	TV	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể			22° 24' 28"	105° 48' 45"	22° 26' 45"	105° 49' 23"	F-48-44-B-a
khuổi Mỉ	TV	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể			22° 29' 57"	105° 53' 50"	22° 26' 47"	105° 49' 14"	F-48-44-B-b F-48-44-B-a
thôn Nà Đổng	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 29' 37"	105° 48' 33"					F-48-44-B-a
thôn Nà Đuổn	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 27' 48"	105° 49' 54"					F-48-44-B-a
thôn Nà Hỏi	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 28' 11"	105° 49' 57"					F-48-44-B-a
thôn Nà Khao	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 26' 51"	105° 49' 24"					F-48-44-B-a
thôn Nà Ma	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 29' 27"	105° 50' 22"					F-48-44-B-a
thôn Nặm Hùa	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 30' 35"	105° 51' 43"					F-48-32-D
thôn Nặm Pẻn	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 29' 23"	105° 51' 45"					F-48-44-B-a
cầu Phiêng Giản	KX	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 26' 48"	105° 49' 16"					F-48-44-B-a
thôn Phiêng Giản (Phjêng Giản)	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 26' 47"	105° 49' 11"					F-48-44-B-a
cầu Phúc Lộc I	KX	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 27' 54"	105° 50' 08"					F-48-44-B-a
cầu Phúc Lộc II	KX	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 28' 40"	105° 50' 02"					F-48-44-B-a
khuổi Pìa (Pjà)	TV	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể			22° 30' 50"	105° 51' 53"	22° 27' 53"	105° 50' 04"	F-48-44-B-a F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Tẩu	TV	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể			22° 29' 03"	105° 49' 15"	22° 30' 02"	105° 48' 17"	F-48-44-B-a F-48-32-D
suối Thẩm Làng	TV	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể			22° 29' 37"	105° 49' 53"	22° 29' 17"	105° 49' 18"	F-48-44-B-a
thôn Thiêng Điểm	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 27' 48"	105° 50' 14"					F-48-44-B-a
thôn Vằng Quan	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 27' 10"	105° 48' 31"					F-48-44-B-a
thôn Bản Pạc (Bản Pjạc)	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 21' 09"	105° 40' 10"					F-48-44-A
thôn Bản Pàn (Bản Pjàn)	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 21' 21"	105° 40' 35"					F-48-44-A
thôn Chợ Lèng	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 20' 51"	105° 41' 11"					F-48-44-A
núi Động Tưởng	SV	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 20' 28"	105° 39' 54"					F-48-44-A
núi Kéo Cáng Lò	SV	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 23' 56"	105° 42' 19"					F-48-44-A
núi Làng Phai	SV	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 21' 17"	105° 45' 21"					F-48-44-B-c
thôn Lẻo Keo	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 21' 34"	105° 40' 01"					F-48-44-A
thôn Lủng Quang	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 22' 13"	105° 39' 04"					F-48-44-A
thôn Nà Chom	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 20' 40"	105° 42' 04"					F-48-44-A
thôn Nà Chom	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 20' 28"	105° 41' 33"					F-48-44-A
thôn Nà Đon	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 20' 56"	105° 42' 08"					F-48-44-A
thôn Nà Hai	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 22' 08"	105° 41' 48"					F-48-44-A
thôn Nà Lẻ	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 20' 50"	105° 41' 23"					F-48-44-A
thôn Nà Vài	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 22' 45"	105° 41' 20"					F-48-44-A
khuổi Phảng	TV	xã Quảng Khê	H. Ba Bể			22° 20' 39"	105° 43' 50"	22° 19' 53"	105° 42' 30"	F-48-44-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Phia Bi Oóc (Phja Bjoóc)	SV	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 22' 44"	105° 43' 53"					F-48-44-A
núi Phia Dâm (Phja Dâm)	SV	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 21' 31"	105° 41' 51"					F-48-44-A
núi Phia Slứt (Phja Slứt)	SV	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 22' 34"	105° 39' 38"					F-48-44-A
núi Pù Lì	SV	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 21' 39"	105° 38' 51"					F-48-44-A
thôn Pù Lùng	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 20' 14"	105° 42' 11"					F-48-44-A
khuổi Slao	TV	xã Quảng Khê	H. Ba Bể			22° 21' 53"	105° 43' 52"	22° 20' 37"	105° 41' 30"	F-48-44-A
thôn Tổng Chảo	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 19' 53"	105° 42' 37"					F-48-44-A
thôn Bản Pục	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 24' 52"	105° 41' 43"					F-48-44-A-b
suối Bản Pục	TV	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể			22° 25' 17"	105° 43' 19"	22° 27' 02"	105° 43' 24"	F-48-44-A-b
thôn Cốc Phát	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 28' 01"	105° 44' 37"					F-48-44-A-b
thôn Cốc Phường	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 28' 24"	105° 44' 45"					F-48-44-A-b
thôn Khuổi Bốc	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 25' 14"	105° 43' 05"					F-48-44-A-b
suối Khuổi Cáp	TV	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể			22° 24' 20"	105° 42' 15"	22° 26' 24"	105° 42' 19"	F-48-44-A-b
thôn Lủng Mầu (Lủng Mjầu)	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 25' 53"	105° 43' 17"					F-48-44-A-b
thôn Mạ Khao	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 28' 51"	105° 43' 45"					F-48-44-A-b
thôn Nà Ché	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 28' 12"	105° 44' 56"					F-48-44-A-b
thôn Nà Đon	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 26' 24"	105° 43' 43"					F-48-44-A-b
thôn Nà Khuổi	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 26' 19"	105° 43' 35"					F-48-44-A-b
thôn Nà Lìn	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 25' 50"	105° 41' 44"					F-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Lùng	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 25' 35"	105° 43' 18"					F-48-44-A-b
thôn Nà Tạ	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 28' 08"	105° 44' 20"					F-48-44-A-b
thôn Nà Xăm	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	25° 25' 31"	105° 42' 50"					F-48-44-A-b
sông Năng	TV	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể			22° 27' 27"	105° 42' 35"	22° 28' 24"	105° 45' 35"	F-48-44-A-b
thôn Pác Phai	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 26' 31"	105° 42' 42"					F-48-44-A-b
thôn Pác Vạt	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 28' 12"	105° 44' 54"					F-48-44-A-b
thôn Phe Khao	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 24' 54"	105° 41' 48"					F-48-44-A-b
thôn Phia Khao (Phja Khao)	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 25' 52"	105° 42' 47"					F-48-44-A-b
thôn Phia Mèo (Phja Mèo)	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 27' 56"	105° 43' 49"					F-48-44-A-b
thôn Phiêng Chì (Phjêng Chì)	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 27' 22"	105° 42' 50"					F-48-44-A-b
thôn Tin Đồn	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 25' 59"	105° 43' 50"					F-48-44-A-b
dãy Cứu Quốc	SV	xã Yến Dương	H. Ba Bể							F-48-44-B-c
đèo Kéo Doọc	SV	xã Yến Dương	H. Ba Bể	22° 22' 11"	105° 48' 21"					F-48-44-B-c
thôn Bản Lạ	DC	xã Yến Dương	H. Ba Bể	22° 21' 54"	105° 47' 44"					F-48-44-B-c
suối Khuổi Lịa	TV	xã Yến Dương	H. Ba Bể			22° 21' 08"	105° 46' 53"	22° 22' 23"	105° 47' 55"	F-48-44-B-c
thôn Khuổi Luổm	DC	xã Yến Dương	H. Ba Bể	22° 24' 50"	105° 46' 58"					F-48-44-B-a
thôn Khuổi Nhù	DC	xã Yến Dương	H. Ba Bể	22° 24' 07"	105° 47' 15"					F-48-44-B-a
thôn Loỏng Lứng	DC	xã Yến Dương	H. Ba Bể	22° 24' 20"	105° 47' 08"					F-48-44-B-a
thôn Nà Chúa	DC	xã Yến Dương	H. Ba Bể	22° 24' 06"	105° 46' 47"					F-48-44-B-a
thôn Nà Giảo	DC	xã Yến Dương	H. Ba Bể	22° 23' 49"	105° 47' 11"					F-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Lầy	DC	xã Yến Dương	H. Ba Bể	22° 24' 36"	105° 47' 03"					F-48-44-B-a
thôn Nà Pài	DC	xã Yến Dương	H. Ba Bể	22° 23' 29"	105° 45' 39"					F-48-44-B-a
thôn Nà Phai	DC	xã Yến Dương	H. Ba Bể	22° 24' 42"	105° 46' 47"					F-48-44-B-a
thôn Nà Viến	DC	xã Yến Dương	H. Ba Bể	22° 23' 19"	105° 47' 27"					F-48-44-B-a
thôn Nặm Lìn	DC	xã Yến Dương	H. Ba Bể	22° 22' 52"	105° 47' 43"					F-48-44-B-a
suối Nặm Lìn	TV	xã Yến Dương	H. Ba Bể			22° 22' 23"	105° 47' 55"	22° 25' 01"	105° 46' 17"	F-48-44-B-a F-48-44-B-c
thôn Nặm Tốc	DC	xã Yến Dương	H. Ba Bể	22° 23' 02"	105° 45' 12"					F-48-44-B-a
thôn Phiêng Khăm (Phjêng Khăm)	DC	xã Yến Dương	H. Ba Bể	22° 21' 42"	105° 46' 30"					F-48-44-B-c
suối Phiêng Khăm (Phjêng Khăm)	TV	xã Yến Dương	H. Ba Bể			22° 21' 25"	105° 45' 20"	22° 22' 23"	105° 47' 55"	F-48-44-B-c
thôn Phiêng Muồng (Phjêng Muồng)	DC	xã Yến Dương	H. Ba Bể	22° 22' 44"	105° 45' 42"					F-48-44-B-a
núi Thôm Phà	SV	xã Yến Dương	H. Ba Bể	22° 21' 43"	105° 45' 44"					F-48-44-B-c
phố Nà Hái	DC	TT. Phủ Thông	H. Bạch Thông	22° 15' 58"	105° 52' 48"					F-48-44-B-c
phố Ngã Ba	DC	TT. Phủ Thông	H. Bạch Thông	22° 16' 34"	105° 52' 30"					F-48-44-B-c
cầu Phủ Thông	KX	TT. Phủ Thông	H. Bạch Thông	22° 16' 28"	105° 52' 35"					F-48-44-B-d
quốc lộ 3	KX	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông			22° 13' 10"	105° 52' 19"	22° 11' 48"	105° 50' 55"	F-48-44-D-a
thôn Ba Phương	DC	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 12' 43"	105° 52' 37"					F-48-44-D-b
thôn Bó Bả	DC	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 11' 49"	105° 50' 56"					F-48-44-D-a
cầu Bó Bả	KX	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 11' 48"	105° 50' 54"					F-48-44-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Cốc Xá	SV	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 11' 36"	105° 51' 53"					F-48-44-D-a
núi Còi Choóc	SV	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 12' 55"	105° 51' 42"					F-48-44-D-a
núi Đầu Cầu	SV	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 12' 26"	105° 51' 56"					F-48-44-D-a
thôn Khuổi Chanh	DC	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 12' 36"	105° 51' 43"					F-48-44-D-a
thôn Khuổi Dấm	DC	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 11' 46"	105° 51' 50"					F-48-44-D-a
núi Khuổi Mật	SV	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 11' 23"	105° 51' 20"					F-48-44-D-a
thôn Nà Cù	DC	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 13' 05"	105° 52' 19"					F-48-44-D-a
cầu Nà Cù	KX	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 12' 28"	105° 52' 40"					F-48-44-D-b
thôn Nà Ngăm	DC	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 12' 00"	105° 51' 14"					F-48-44-D-a
thôn Nà Tu	DC	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 12' 18"	105° 52' 37"					F-48-44-D-b
thôn Nà Xỏm	DC	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 12' 50"	105° 52' 05"					F-48-44-D-a
suối Pác Miềng	TV	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông			22° 12' 18"	105° 51' 05"	22° 12' 05"	105° 52' 16"	F-48-44-D-a
suối Tà Hón	TV	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông			22° 13' 08"	105° 52' 02"	22° 12' 05"	105° 52' 35"	F-48-44-D-a F-48-44-D-b
núi Vằng Ngược	SV	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 12' 34"	105° 51' 29"					F-48-44-D-a
khe Bầu Rằng	TV	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông			22° 10' 15"	105° 57' 40"	22° 10' 24"	105° 56' 32"	F-48-44-D-b
núi Bềnh Đằng	SV	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 12' 30"	105° 57' 17"					F-48-44-D-b
núi Cốc Cành	SV	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 11' 30"	105° 59' 10"					F-48-44-D-b
suối Hang Kèo	TV	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông			22° 08' 31"	105° 57' 40"	22° 09' 54"	105° 56' 06"	F-48-44-D-b
núi Khao Kang	SV	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 10' 54"	105° 58' 01"					F-48-44-D-b
thôn Khau Cà	DC	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 11' 13"	105° 59' 35"					F-48-44-D-b
thôn Lủng Cháp	DC	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 11' 13"	106° 00' 32"					F-48-45-C-a
thôn Lủng Chuông	DC	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 11' 49"	106° 00' 07"					F-48-45-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lủng Lỳ	DC	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 10' 26"	106° 00' 14"					F-48-45-C-a
núi Lủng Muồi	SV	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 10' 21"	105° 58' 60"					F-48-44-D-b
suối Nà Cái	TV	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông			22° 11' 54"	105° 57' 17"	22° 09' 54"	105° 56' 06"	F-48-44-D-b
thôn Nà Cáy	DC	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 10' 23"	105° 56' 24"					F-48-44-D-b
núi Pé Tàu	SV	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 11' 06"	105° 56' 56"					F-48-44-D-b
núi Phe Bó	SV	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 10' 19"	105° 56' 05"					F-48-44-D-b
núi Sam Còi	SV	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 10' 18"	105° 57' 48"					F-48-44-D-b
thôn Thôm Khoan	DC	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 11' 28"	105° 59' 46"					F-48-44-D-b
núi Thôm Khoan	SV	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 11' 60"	105° 58' 29"					F-48-44-D-b
thôn Thôm Phụ	DC	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 10' 44"	105° 58' 52"					F-48-44-D-b
suối Thôm Phụ	TV	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông			22° 10' 32"	105° 58' 27"	22° 11' 05"	105° 59' 23"	F-48-44-D-b
thôn Bản Chiêng	DC	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 12' 11"	105° 45' 18"					F-48-44-D-a
suối Bản Chiêng	TV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông			22° 11' 41"	105° 45' 24"	22° 10' 05"	105° 46' 09"	F-48-44-D-a
thôn Bản Chịt	DC	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 09' 47"	105° 44' 02"					F-48-44-C
thôn Bản Đán	DC	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 11' 02"	105° 45' 43"					F-48-44-D-a
khau Bản Đán	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 10' 50"	105° 46' 45"					F-48-44-D-a
thôn Bản Vén	DC	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 09' 36"	105° 46' 08"					F-48-44-D-a
pù Cà	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 15' 34"	105° 45' 34"					F-48-44-B-c
nặm Cắt	TV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông			22° 13' 41"	105° 44' 05"	22° 11' 31"	105° 47' 19"	F-48-44-D-a F-48-44-C
núi Cột Cờ	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 16' 32"	105° 47' 18"					F-48-44-B-c
khuổi Cúm	TV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông			22° 09' 26"	105° 44' 02"	22° 09' 41"	105° 44' 01"	F-48-44-C
khuổi Cướp	TV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông			22° 14' 13"	105° 44' 59"	22° 12' 56"	105° 44' 54"	F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nặm Đông	TV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông			22° 15' 41"	105° 47' 28"	22° 14' 45"	105° 45' 18"	F-48-44-B-c F-48-44-D-a
núi Khau Cùa	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 08' 46"	105° 44' 12"					F-48-44-C
núi Khuổi Dân	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 12' 57"	105° 46' 13"					F-48-44-D-a
núi Khuổi Luông	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 13' 03"	105° 47' 41"					F-48-44-D-a
suối Khuổi Luông	TV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông			22° 12' 51"	105° 48' 17"	22° 12' 11"	105° 46' 32"	F-48-44-D-a
thôn Khuổi Ruồi	DC	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 09' 40"	105° 43' 48"					F-48-44-C
suối Khuổi Tốc	TV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông			22° 11' 03"	105° 42' 08"	22° 10' 13"	105° 42' 32"	F-48-44-C
núi Khuổi Vài	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 10' 40"	105° 46' 32"					F-48-44-D-a
khuổi Lịa	TV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông			22° 09' 12"	105° 44' 24"	22° 09' 42"	105° 44' 24"	F-48-44-C
núi Lũng Khuông	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 12' 03"	105° 47' 25"					F-48-44-D-a
thôn Lủng Lầu	DC	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 15' 22"	105° 46' 55"					F-48-44-B-c
núi Lũng Mỡ	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 13' 57"	105° 46' 18"					F-48-44-D-a
núi Lũng Mới	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 13' 16"	105° 45' 55"					F-48-44-D-a
pù Mô	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 10' 58"	105° 46' 14"					F-48-44-D-a
khau Mồ	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 11' 40"	105° 47' 53"					F-48-44-D-a
thôn Nà Đán	DC	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 09' 50"	105° 46' 12"					F-48-44-D-a
pù Nà Han	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 10' 30"	105° 46' 11"					F-48-44-D-a
thôn Nà Lồm	DC	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 14' 17"	105° 45' 25"					F-48-44-D-a
suối Nà Lồm	TV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông			22° 15' 43"	105° 44' 49"	22° 14' 13"	105° 44' 59"	F-48-44-A F-48-44-D-a
thôn Nà Pán	DC	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 09' 50"	105° 44' 42"					F-48-44-C
thôn Nà Váng	DC	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 10' 16"	105° 45' 07"					F-48-44-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Nặm Phiêng	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 14' 35"	105° 45' 25"					F-48-44-D-a
núi Pà Nà Không	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 11' 35"	105° 46' 24"					F-48-44-D-a
núi Pác Bó	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 11' 21"	105° 46' 29"					F-48-44-D-a
khe Pai	TV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông			22° 11' 39"	105° 47' 47"	22° 11' 33"	105° 47' 19"	F-48-44-D-a
núi Phia Tang (Phja Tang)	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 09' 29"	105° 42' 13"					F-48-44-C
nặm Phiêng (Phjêng)	TV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông			22° 14' 45"	105° 46' 42"	22° 14' 20"	105° 45' 06"	F-48-44-D-a
núi Pù Leo	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 11' 09"	105° 43' 00"					F-48-44-C
núi Pù Mạ	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 11' 01"	105° 45' 04"					F-48-44-D-a
khuổi Ruồi	TV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông			22° 09' 59"	105° 41' 46"	22° 10' 02"	105° 45' 23"	F-48-44-C F-48-44-D-a
pù Tai Lùng	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 16' 23"	105° 46' 13"					F-48-44-B-c
núi Tam Bông	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 12' 06"	105° 45' 09"					F-48-44-D-a
núi Tam Poong	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 12' 12"	105° 42' 30"					F-48-44-C
thôn Vằng Bó	DC	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 12' 29"	105° 45' 29"					F-48-44-D-a
pù Vằng Vỉnh	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 12' 09"	105° 45' 53"					F-48-44-D-a
đường tỉnh 257	KX	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 07' 20"	105° 39' 58"	22° 07' 03"	105° 44' 45"	F-48-44-C
khuổi Bắc	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 07' 30"	105° 42' 59"	22° 07' 05"	105° 42' 58"	F-48-44-C
thôn Bản Chàn	DC	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 06' 32"	105° 43' 16"					F-48-44-C
thôn Bản Mún	DC	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 07' 55"	105° 43' 34"					F-48-44-C
thôn Bản Pè	DC	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 06' 29"	105° 40' 16"					F-48-44-C
sông Cầu	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 07' 19"	105° 40' 01"	22° 07' 04"	105° 44' 46"	F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Chàn	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 06' 06"	105° 43' 07"	22° 06' 52"	105° 43' 26"	F-48-44-C
khuổi Chạp	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 05' 60"	105° 41' 60"	22° 06' 52"	105° 41' 34"	F-48-44-C
khuổi Cò	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 06' 27"	105° 43' 49"	22° 06' 57"	105° 43' 41"	F-48-44-C
khuổi Cuồng	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 07' 53"	105° 41' 28"	22° 07' 08"	105° 42' 15"	F-48-44-C
khuổi Huốp	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 07' 32"	105° 40' 32"	22° 07' 16"	105° 40' 00"	F-48-44-C
dốc Kéo Bon	KX	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 06' 55"	105° 43' 53"					F-48-44-C
núi Kéo Pẹt	SV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 06' 33"	105° 39' 01"					F-48-44-C
núi Khau Bắc	SV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 05' 31"	105° 41' 58"					F-48-44-C
núi Khau Đăm	SV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 06' 31"	105° 42' 12"					F-48-44-C
núi Khau Đảm	SV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 05' 32"	105° 39' 55"					F-48-44-C
thôn Khuổi Cò	DC	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 06' 50"	105° 43' 37"					F-48-44-C
khuổi Lèng	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 05' 37"	105° 41' 46"	22° 06' 22"	105° 41' 07"	F-48-44-C
khuổi Mai	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 05' 54"	105° 40' 37"	22° 06' 32"	105° 40' 53"	F-48-44-C
khuổi Mú	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 07' 17"	105° 40' 46"	22° 06' 29"	105° 40' 41"	F-48-44-C
khuổi Mún	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 07' 55"	105° 43' 29"	22° 07' 32"	105° 44' 00"	F-48-44-C
thôn Nà Chèn	DC	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 07' 05"	105° 40' 08"					F-48-44-C
thôn Nà Coọng	DC	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 07' 01"	105° 42' 40"					F-48-44-C
khuổi Ngược	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 05' 49"	105° 40' 28"	22° 06' 26"	105° 40' 37"	F-48-44-C
núi Phia Tang (Phja Tang)	SV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 09' 16"	105° 43' 06"					F-48-44-C
khuổi Pịt	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 06' 21"	105° 42' 37"	22° 06' 59"	105° 43' 07"	F-48-44-C
khuổi Quăn	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 07' 09"	105° 41' 16"	22° 06' 47"	105° 41' 23"	F-48-44-C
khuổi Quang	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 06' 52"	105° 39' 21"	22° 06' 29"	105° 39' 51"	F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Quéng	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 08' 46"	105° 43' 40"	22° 07' 55"	105° 43' 29"	F-48-44-C
khuổi Thảnh	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 05' 50"	105° 40' 01"	22° 06' 23"	105° 40' 13"	F-48-44-C
suối Thôm Pùng	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 05' 42"	105° 40' 39"	22° 06' 40"	105° 41' 35"	F-48-44-C
thôn Tống Mú	DC	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 06' 22"	105° 40' 48"					F-48-44-C
thôn Tổng Ngay	DC	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 06' 36"	105° 41' 35"					F-48-44-C
khuổi Tuối	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 07' 18"	105° 42' 36"	22° 07' 07"	105° 42' 48"	F-48-44-C
khuổi Vài	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 08' 34"	105° 41' 33"	22° 07' 55"	105° 43' 29"	F-48-44-C
khuổi Vằm	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 06' 11"	105° 44' 24"	22° 07' 08"	105° 44' 30"	F-48-44-C
thôn Vằng Ngòa	DC	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 07' 37"	105° 43' 48"					F-48-44-C
núi Ba Chạc	SV	xã Hà Vị	H. Bạch Thông	22° 13' 21"	105° 48' 54"					F-48-44-D-a
pù Cáy	SV	xã Hà Vị	H. Bạch Thông	22° 12' 48"	105° 50' 19"					F-48-44-D-a
thôn Cốc Xả	DC	xã Hà Vị	H. Bạch Thông	22° 13' 08"	105° 50' 28"					F-48-44-D-a
thôn Đon Mỏ	DC	xã Hà Vị	H. Bạch Thông	22° 13' 16"	105° 50' 42"					F-48-44-D-a
suối Khau Ma	TV	xã Hà Vị	H. Bạch Thông			22° 12' 45"	105° 49' 56"	22° 13' 48"	105° 50' 59"	F-48-44-D-a
thôn Khuổi Thiêu	DC	xã Hà Vị	H. Bạch Thông	22° 12' 04"	105° 50' 49"					F-48-44-D-a
thôn Lủng Kén	DC	xã Hà Vị	H. Bạch Thông	22° 13' 23"	105° 49' 37"					F-48-44-D-a
thôn Nà Cà	DC	xã Hà Vị	H. Bạch Thông	22° 13' 48"	105° 50' 13"					F-48-44-D-a
thôn Nà Khuổi	DC	xã Hà Vị	H. Bạch Thông	22° 13' 30"	105° 50' 38"					F-48-44-D-a
suối Tả Cải	TV	xã Hà Vị	H. Bạch Thông			22° 12' 30"	105° 50' 43"	22° 12' 18"	105° 51' 05"	F-48-44-D-a
suối Tả Liềng	TV	xã Hà Vị	H. Bạch Thông			22° 13' 22"	105° 49' 44"	22° 13' 35"	105° 50' 51"	F-48-44-D-a
khuổi Thiêu	TV	xã Hà Vị	H. Bạch Thông			22° 12' 23"	105° 50' 10"	22° 11' 48"	105° 50' 54"	F-48-44-D-a
khao Vai	SV	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 51"	105° 47' 17"					F-48-44-D-a
núi Ba Chòm	SV	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 20"	105° 47' 21"					F-48-44-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bản Piềng	DC	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 15' 09"	105° 49' 56"					F-48-44-B-c
thôn Cao Lộc	DC	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 18"	105° 49' 12"					F-48-44-D-a
suối Cao Lộc	TV	xã Lục Bình	H. Bạch Thông			22° 14' 09"	105° 49' 44"	22° 14' 22"	105° 50' 13"	F-48-44-D-a
núi Cột Cờ	SV	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 57"	105° 47' 57"					F-48-44-D-a
đồi Cứu Quốc	SV	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 56"	105° 50' 35"					F-48-44-D-a
núi Keo Cầy	SV	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 15' 45"	105° 49' 46"					F-48-44-B-c
suối Lanh Chang	TV	xã Lục Bình	H. Bạch Thông			22° 15' 06"	105° 50' 45"	22° 14' 05"	105° 50' 44"	F-48-44-D-c F-48-44-D-a
suối Lục Bình	TV	xã Lục Bình	H. Bạch Thông			22° 14' 27"	105° 50' 12"	22° 13' 60"	105° 50' 49"	F-48-44-D-a
thôn Lủng Chang	DC	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 51"	105° 49' 45"					F-48-44-D-a
suối Lủng Chang	TV	xã Lục Bình	H. Bạch Thông			22° 14' 40"	105° 47' 55"	22° 14' 27"	105° 50' 12"	F-48-44-D-a
thôn Nà Chuông	DC	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 10"	105° 50' 13"					F-48-44-D-a
thôn Nà Nghịu	DC	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 15' 06"	105° 50' 44"					F-48-44-B-c
núi Pác Chang	SV	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 33"	105° 49' 47"					F-48-44-D-a
núi Phia Bi Oóc (Phja Bjoóc)	SV	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 13' 54"	105° 47' 22"					F-48-44-D-a
suối Tả Liềng	TV	xã Lục Bình	H. Bạch Thông			22° 14' 13"	105° 48' 08"	22° 14' 09"	105° 49' 44"	F-48-44-D-a
thôn Thôm Pá	DC	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 06"	105° 50' 56"					F-48-44-D-a
thôn Bản Châng	DC	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông	22° 09' 43"	105° 55' 05"					F-48-44-D-d
thôn Bản Luông	DC	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông	22° 08' 56"	105° 54' 07"					F-48-44-D-b
sông Cầu	TV	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông			22° 09' 23"	105° 52' 57"	22° 07' 43"	105° 53' 54"	F-48-44-D-b
suối Châng	TV	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông			22° 10' 24"	105° 55' 29"	22° 09' 06"	105° 54' 35"	F-48-44-D-b
thôn Gốc Thị	DC	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông	22° 08' 17"	105° 54' 04"					F-48-44-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Kéo Slao	SV	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông	22° 08' 13"	105° 53' 16"					F-48-44-D-b
thôn Khau Ca	DC	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông	22° 08' 31"	105° 53' 46"					F-48-44-D-b
khuổi Kheo	TV	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông			22° 09' 54"	105° 56' 06"	22° 09' 54"	105° 55' 02"	F-48-44-D-b
khau Khuất	SV	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông	22° 08' 00"	105° 55' 28"					F-48-44-D-b
thôn Khuổi Ái	DC	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông	22° 10' 19"	105° 55' 01"					F-48-44-D-b
khuổi Loòng	TV	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông			22° 07' 56"	105° 57' 39"	22° 08' 20"	105° 54' 03"	F-48-44-D-b
khuổi Miềng	TV	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông			22° 09' 28"	105° 55' 20"	22° 09' 34"	105° 54' 60"	F-48-44-D-b
thôn Nà Cà	DC	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông	22° 10' 16"	105° 55' 16"					F-48-44-D-b
thôn Nà Mèng		xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông	22° 09' 09"	105° 53' 25"					F-48-44-D-b
thôn Phiêng Kham (Phjêng Kham)	DC	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông	22° 09' 11"	105° 54' 32"					F-48-44-D-b
khuổi Slưa	TV	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông			22° 08' 43"	105° 56' 29"	22° 09' 36"	105° 56' 15"	F-48-44-D-b
khau Tằm	SV	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông	22° 08' 58"	105° 53' 01"					F-48-44-D-b
thôn Bản Quăn	DC	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 12' 00"	105° 53' 10"					F-48-44-D-b
suối Bản Quăn	TV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông			22° 12' 19"	105° 53' 44"	22° 12' 02"	105° 52' 38"	F-48-44-D-b
khau Bao	SV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 12' 36"	105° 55' 30"					F-48-44-D-b
khuổi Bốc	TV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông			22° 13' 45"	105° 54' 59"	22° 12' 14"	105° 54' 44"	F-48-44-D-b
suối Cẩm Giàng	TV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông			22° 09' 27"	105° 53' 06"	22° 11' 17"	105° 53' 02"	F-48-44-D-b
thôn Cáng Lò	DC	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 11' 24"	105° 55' 37"					F-48-44-D-b
suối Chông	TV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông			22° 12' 36"	105° 55' 50"	22° 10' 24"	105° 55' 29"	F-48-44-D-b
núi Cốc Lùng	SV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 10' 39"	105° 53' 24"					F-48-44-D-b
pù Còi Choóc	SV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 13' 05"	105° 53' 36"					F-48-44-D-b
khuổi Kén	TV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông			22° 10' 40"	105° 54' 23"	22° 10' 22"	105° 53' 32"	F-48-44-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Kéo Dằm	SV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 14' 03"	105° 55' 11"					F-48-44-D-b
thôn Khuổi Bốc	DC	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 13' 16"	105° 54' 54"					F-48-44-D-b
núi Khuổi Mẹc	SV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 14' 29"	105° 54' 10"					F-48-44-D-b
pù Khuổi Mèo	SV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 12' 20"	105° 53' 01"					F-48-44-D-b
núi Khuổi Nhào	SV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 10' 28"	105° 54' 30"					F-48-44-D-b
thôn Khuổi Ổ	DC	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 14' 35"	105° 54' 47"					F-48-44-D-b
núi Khuổi Phong	SV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 11' 05"	105° 54' 37"					F-48-44-D-b
núi Lũng Duốc	SV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 12' 02"	105° 56' 39"					F-48-44-D-b
khau Mạ	SV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 11' 58"	105° 55' 43"					F-48-44-D-b
pù Mạy Có	SV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 13' 54"	105° 53' 38"					F-48-44-D-b
khuổi Mẹc	TV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông			22° 11' 06"	105° 54' 28"	22° 11' 16"	105° 53' 02"	F-48-44-D-b
pù Min Đứt	SV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 13' 22"	105° 52' 42"					F-48-44-D-b
thôn Nà Cà	DC	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 12' 22"	105° 53' 42"					F-48-44-D-b
thôn Nà Lốc	DC	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 11' 17"	105° 52' 59"					F-48-44-D-b
núi Nà Lốc	SV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 11' 23"	105° 52' 07"					F-48-44-D-a
pù Nà Lộc	SV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 13' 42"	105° 53' 22"					F-48-44-D-b
thôn Nà Muồng	DC	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 10' 59"	105° 55' 12"					F-48-44-D-b
thôn Nà Ngoàn	DC	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 13' 01"	105° 53' 53"					F-48-44-D-b
thôn Nà Rảo	DC	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 11' 38"	105° 52' 55"					F-48-44-D-b
suối Nặm Bó	TV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông			22° 12' 14"	105° 54' 44"	22° 11' 27"	105° 55' 29"	F-48-44-D-b
núi Nặm Thâu	SV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 12' 18"	105° 53' 24"					F-48-44-D-b
núi Năm Trăm	SV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 12' 01"	105° 54' 03"					F-48-44-D-b
thôn Nam Yên	DC	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 12' 11"	105° 54' 54"					F-48-44-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Pác Thiên	DC	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 10' 30"	105° 52' 34"					F-48-44-D-b
pù Than Bô	SV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 12' 50"	105° 54' 25"					F-48-44-D-b
quốc lộ 3	KX	xã Phương Linh	H. Bạch Thông			22° 17' 51"	105° 54' 13"	22° 16' 34"	105° 52' 46"	F-48-44-B-d
thôn Chi Quảng A	DC	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 16' 41"	105° 52' 55"					F-48-44-B-d
thôn Chi Quảng B	DC	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 16' 41"	105° 52' 12"					F-48-44-B-c
khuổi Cụ	TV	xã Phương Linh	H. Bạch Thông			22° 18' 02"	105° 52' 47"	22° 16' 39"	105° 52' 29"	F-48-44-B-d F-48-44-B-c
cầu Đeng	KX	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 16' 44"	105° 52' 29"					F-48-44-B-c
thôn Đèo Giàng	DC	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 17' 02"	105° 53' 06"					F-48-44-B-d
thôn Khuổi Chả	DC	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 16' 19"	105° 53' 02"					F-48-44-B-d
thôn Khuổi Chàm	DC	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 16' 08"	105° 52' 55"					F-48-44-B-d
thôn Khuổi Cụ	DC	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 17' 20"	105° 52' 41"					F-48-44-B-d
thôn Khuổi Lừa	DC	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 17' 42"	105° 52' 08"					F-48-44-B-c
cầu Khuổi Phước	KX	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 17' 05"	105° 53' 09"					F-48-44-B-d
cầu Khuổi Tẩu	KX	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 17' 10"	105° 53' 17"					F-48-44-B-d
khuổi Lừa	TV	xã Phương Linh	H. Bạch Thông			22° 17' 56"	105° 51' 44"	22° 17' 39"	105° 52' 13"	F-48-44-B-c
thôn Nà Món	DC	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 16' 41"	105° 52' 55"					F-48-44-B-d
cầu Nà Món	KX	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 16' 42"	105° 52' 56"					F-48-44-B-d
thôn Nà Phải	DC	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 16' 48"	105° 52' 08"					F-48-44-B-c
núi Pù Chí Vịt	SV	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 18' 22"	105° 51' 33"					F-48-44-B-c
quốc lộ 3	KX	xã Quân Bình	H. Bạch Thông			22° 13' 58"	105° 52' 21"	22° 13' 10"	105° 52' 19"	F-48-44-D-a
pù Cốc Phay	SV	xã Quân Bình	H. Bạch Thông	22° 13' 29"	105° 51' 02"					F-48-44-D-a
đồi Khuổi Luông	SV	xã Quân Bình	H. Bạch Thông	22° 13' 34"	105° 52' 42"					F-48-44-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Búng	DC	xã Quân Bình	H. Bạch Thông	22° 13' 41"	105° 51' 18"					F-48-44-D-a
núi Pù Dìa	SV	xã Quân Bình	H. Bạch Thông	22° 13' 58"	105° 51' 12"					F-48-44-D-a
núi Pù Phya Ngần	SV	xã Quân Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 25"	105° 51' 17"					F-48-44-D-a
thôn Thái Bình	DC	xã Quân Bình	H. Bạch Thông	22° 13' 30"	105° 51' 54"					F-48-44-D-a
thôn Thái Bình Trườmg	DC	xã Quân Bình	H. Bạch Thông	22° 13' 52"	105° 51' 29"					F-48-44-D-a
thôn Thôm Mò	DC	xã Quân Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 02"	105° 52' 05"					F-48-44-D-a
suối Vi Hương	TV	xã Quân Bình	H. Bạch Thông			22° 14' 01"	105° 52' 17"	22° 13' 08"	105° 52' 02"	F-48-44-D-a
đường tỉnh 257	KX	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông			22° 08' 22"	105° 47' 42"	22° 07' 03"	105° 44' 45"	F-48-44-D-a F-48-44-C
suối Bản Lìu	TV	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông			22° 08' 31"	105° 46' 24"	22° 08' 20"	105° 47' 01"	F-48-44-D-a
khuổi Bốc	TV	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông			22° 06' 18"	105° 47' 07"	22° 07' 56"	105° 46' 53"	F-48-44-D-c
sông Cầu	TV	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông			22° 07' 20"	105° 44' 14"	22° 08' 25"	105° 47' 37"	F-48-44-C F-48-44-D-a
khuổi Chạp	TV	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông			22° 06' 10"	105° 45' 10"	22° 06' 50"	105° 45' 25"	F-48-44-D-c
khau Cùa	SV	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 08' 52"	105° 45' 34"					F-48-44-D-a
khuổi Cùa	TV	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông			22° 08' 38"	105° 45' 19"	22° 07' 40"	105° 45' 40"	F-48-44-D-a
khuổi Hiu	TV	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông			22° 07' 39"	105° 47' 28"	22° 07' 51"	105° 46' 58"	F-48-44-D-a
núi Khau Khít	SV	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 07' 32"	105° 44' 46"					F-48-44-C
cầu Khuổi Bốc	KX	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 07' 52"	105° 46' 55"					F-48-44-D-a
thôn Khuổi Pẩu (Khuổi Pjẩu)	DC	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 06' 50"	105° 46' 16"					F-48-44-D-c
cầu Khuổi Piều	KX	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 07' 29"	105° 46' 15"					F-48-44-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Chạp	DC	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 06' 54"	105° 45' 32"					F-48-44-D-c
thôn Nà Đinh	DC	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 06' 47"	105° 45' 04"					F-48-44-C
thôn Nà Hin	DC	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 08' 28"	105° 46' 08"					F-48-44-D-a
thôn Nà Kha	DC	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 07' 26"	105° 46' 16"					F-48-44-D-c
thôn Nà Lẹng	DC	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 07' 34"	105° 46' 30"					F-48-44-D-a
thôn Nà Lìu	DC	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 08' 31"	105° 46' 48"					F-48-44-D-a
thôn Nà Thoi	DC	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 07' 30"	105° 45' 47"					F-48-44-D-a
thôn Nà Vài	DC	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 07' 55"	105° 47' 02"					F-48-44-D-a
cầu Pác Chạp	KX	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 06' 47"	105° 45' 25"					F-48-44-D-c
thôn Phiêng An 1 (Phjêng An 1)	DC	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 08' 06"	105° 47' 28"					F-48-44-D-a
thôn Phiêng An 2 (Phjêng An 2)	DC	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 08' 20"	105° 47' 06"					F-48-44-D-a
khuổi Piểu	TV	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông			22° 06' 16"	105° 46' 02"	22° 07' 32"	105° 46' 15"	F-48-44-D-c
núi Thôm Pết	SV	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 08' 25"	105° 46' 41"					F-48-44-D-a
núi Chất Tát	SV	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 15' 03"	105° 55' 01"					F-48-44-B-d
núi Kéo Dầm	SV	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 13' 18"	105° 57' 07"					F-48-44-D-b
thôn Khau Cưởm	DC	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 16' 26"	105° 55' 55"					F-48-44-B-d
núi Khau Mực	SV	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 17' 37"	105° 56' 20"					F-48-44-B-d
núi Khưa Quang	SV	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 15' 22"	105° 54' 58"					F-48-44-B-d
thôn Khuổi Đẳng	DC	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 13' 26"	105° 55' 59"					F-48-44-D-b
núi Khuổi Ỏ	SV	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 12"	105° 55' 28"					F-48-44-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lọ Cặp	DC	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 16' 34"	105° 55' 16"					F-48-44-B-d
thôn Nà Cà	DC	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 15' 47"	105° 55' 23"					F-48-44-B-d
thôn Nà Lẹng	DC	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 16' 55"	105° 55' 16"					F-48-44-B-d
thôn Nà Loạn	DC	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 16' 55"	105° 55' 52"					F-48-44-B-d
suối Nà Phia (Nà Phja)	TV	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông			22° 14' 37"	105° 55' 52"	22° 14' 22"	105° 55' 36"	F-48-44-D-b
suối Nậm Lẩu	TV	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông			22° 14' 03"	105° 56' 26"	22° 13' 39"	105° 55' 59"	F-48-44-D-b
núi Phia Lạ (Phja Lạ)	SV	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 16' 20"	105° 55' 04"					F-48-44-B-d
núi Phia Ngà (Phja Ngà)	SV	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 15' 53"	105° 55' 44"					F-48-44-B-d
núi Phia Ngần (Phja Ngần)	SV	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 45"	105° 55' 53"					F-48-44-D-b
thôn Phiêng Bủng (Phjêng Bủng)	DC	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 16' 12"	105° 56' 35"					F-48-44-B-d
thôn Pù Cà	DC	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 12' 54"	105° 56' 02"					F-48-44-D-b
suối Pù Cà	TV	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông			22° 14' 22"	105° 55' 36"	22° 12' 36"	105° 55' 50"	F-48-44-D-b
núi Sleng Slí	SV	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 13' 44"	105° 57' 03"					F-48-44-D-b
thôn 2	DC	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông	22° 14' 56"	105° 53' 06"					F-48-44-D-b
quốc lộ 3	KX	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông			22° 15' 22"	105° 52' 33"	22° 13' 58"	105° 52' 21"	F-48-44-B-d F-48-44-D-a
thôn 7	DC	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông	22° 14' 17"	105° 52' 44"					F-48-44-D-b
thôn Bản Lạnh	DC	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông	22° 15' 00"	105° 52' 16"					F-48-44-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cốc Pái	DC	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông	22° 15' 08"	105° 52' 13"					F-48-44-B-c
thôn Còi Mò	DC	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông	22° 14' 53"	105° 52' 44"					F-48-44-D-b
suối Khuổi Kheo	TV	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông			22° 14' 54"	105° 53' 35"	22° 15' 01"	105° 53' 05"	F-48-44-D-b F-48-44-B-d
suối Khuổi Mỏ	TV	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông			22° 14' 28"	105° 53' 33"	22° 14' 07"	105° 52' 26"	F-48-44-D-b F-48-44-D-a
suối Khuổi Thén	TV	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông			22° 15' 59"	105° 54' 06"	22° 14' 60"	105° 52' 23"	F-48-44-B-d F-48-44-D-a
thôn Một	DC	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông	22° 15' 07"	105° 53' 13"					F-48-44-B-d
thôn Nà Hoan	DC	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông	22° 14' 54"	105° 52' 31"					F-48-44-D-b
núi Nà Nàng	SV	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông	22° 14' 06"	105° 53' 36"					F-48-44-D-b
suối Nà Tu	TV	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông			22° 15' 22"	105° 52' 31"	22° 14' 01"	105° 52' 17"	F-48-44-B-c
thôn	DC	xã Tú Trĩ	H. Bạch Thông	22° 16' 01"	105° 50' 20"					F-48-44-B-c
thôn Cốc Nao	DC	xã Tú Trĩ	H. Bạch Thông	22° 16' 05"	105° 50' 06"					F-48-44-B-c
thôn Cốc Xau	DC	xã Tú Trĩ	H. Bạch Thông	22° 15' 54"	105° 51' 11"					F-48-44-B-c
thôn Nà Chỉa	DC	xã Tú Trĩ	H. Bạch Thông	22° 15' 43"	105° 51' 07"					F-48-44-B-c
thôn Nà Phát	DC	xã Tú Trĩ	H. Bạch Thông	22° 15' 40"	105° 52' 44"					F-48-44-B-d
thôn Nà Tà	DC	xã Tú Trĩ	H. Bạch Thông	22° 16' 01"	105° 50' 38"					F-48-44-B-c
thôn Pác Kéo	DC	xã Tú Trĩ	H. Bạch Thông	22° 15' 32"	105° 51' 18"					F-48-44-B-c
thôn Quan Làng	DC	xã Tú Trĩ	H. Bạch Thông	22° 15' 43"	105° 52' 23"					F-48-44-B-c
suối Tả Ẻng	TV	xã Tú Trĩ	H. Bạch Thông			22° 16' 00"	105° 49' 60"	22° 15' 17"	105° 52' 27"	F-48-44-B-c
đường tỉnh 258	KX	xã Vi Hương	H. Bạch Thông			22° 18' 25"	105° 51' 07"	22° 17' 16"	105° 51' 43"	F-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bó Lịn	DC	xã Vi Hương	H. Bạch Thông	22° 17' 17"	105° 50' 38"					F-48-44-B-c
thôn Cốc Thốc	DC	xã Vi Hương	H. Bạch Thông	22° 18' 00"	105° 50' 02"					F-48-44-B-c
thôn Địa Cát	DC	xã Vi Hương	H. Bạch Thông	22° 17' 42"	105° 50' 02"					F-48-44-B-c
thôn Đon Bây	DC	xã Vi Hương	H. Bạch Thông	22° 16' 59"	105° 51' 04"					F-48-44-B-c
thôn Đon Choóc	DC	xã Vi Hương	H. Bạch Thông	22° 17' 16"	105° 51' 14"					F-48-44-B-c
thôn Nà Ít	DC	xã Vi Hương	H. Bạch Thông	22° 17' 46"	105° 50' 31"					F-48-44-B-c
thôn Nà Pái	DC	xã Vi Hương	H. Bạch Thông	22° 17' 30"	105° 51' 04"					F-48-44-B-c
thôn Nà Slang	DC	xã Vi Hương	H. Bạch Thông	22° 17' 02"	105° 51' 43"					F-48-44-B-c
thôn Phiêng Mồ	DC	xã Vi Hương	H. Bạch Thông	22° 17' 18"	105° 50' 17"					F-48-44-B-c
suối Vi Hương	TV	xã Vi Hương	H. Bạch Thông			22° 17' 04"	105° 48' 33"	22° 16' 53"	105° 52' 04"	F-48-44-B-c
thôn Choóc Vẻn	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 14' 46"	105° 57' 32"					F-48-44-D-b
thôn Còi Có	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 14' 46"	105° 57' 54"					F-48-44-D-b
thôn Còi Cói	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 15' 22"	105° 58' 34"					F-48-44-B-d
thôn Đâng Bun	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 15' 25"	105° 56' 31"					F-48-44-B-d
thôn Đon Cọn	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 15' 07"	105° 57' 36"					F-48-44-B-d
thôn Đon Quản	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 15' 14"	105° 57' 22"					F-48-44-B-d
thôn Kéo Lình	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 15' 22"	105° 57' 47"					F-48-44-B-d
khuổi Khoang	TV	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông			22° 17' 42"	105° 56' 56"	22° 15' 37"	105° 57' 44"	F-48-44-B-d
thôn Lũng Cân	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 17' 06"	105° 57' 18"					F-48-44-B-d
thôn Lũng Xiên	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 12' 54"	105° 58' 30"					F-48-44-D-b
thôn Nà Kén	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 14' 56"	105° 57' 22"					F-48-44-D-b
thôn Nà Khoang	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 16' 01"	105° 57' 29"					F-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Pết	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 13' 26"	105° 58' 19"					F-48-44-D-b
núi Nậm Lẩu	SV	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 13' 29"	105° 57' 33"					F-48-44-D-b
núi Ngườm Liêm	SV	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 14' 25"	105° 58' 35"					F-48-44-D-b
thôn Phác Chúp	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 14' 24"	105° 57' 18"					F-48-44-D-b
núi Phai Phác	SV	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 13' 15"	105° 57' 50"					F-48-44-D-b
thôn Tân Lập	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 15' 29"	105° 57' 25"					F-48-44-B-d
thôn Tốc Lù	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 14' 20"	105° 57' 40"					F-48-44-D-b
suối Vũ Muộn	TV	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông			22° 15' 37"	105° 57' 44"	22° 14' 29"	105° 56' 58"	F-48-44-B-d F-48-44-D-b
đường tỉnh 257	KX	TT. Chợ Đồn	H. Chợ Đồn			22° 09' 26"	105° 35' 42"	22° 10' 22"	105° 37' 34"	F-48-44-C
tổ Bản Duồng	DC	TT. Chợ Đồn	H. Chợ Đồn	22° 08' 56"	105° 36' 07"					F-48-44-C
suối Bản Duồng	TV	TT. Chợ Đồn	H. Chợ Đồn			22° 11' 28"	105° 36' 02"	22° 08' 05"	105° 35' 49"	F-48-44-C
tổ Bản Tàn	DC	TT. Chợ Đồn	H. Chợ Đồn	22° 09' 37"	105° 34' 26"					F-48-44-C
đèo Kéo Cún	SV	TT. Chợ Đồn	H. Chợ Đồn	22° 08' 13"	105° 36' 32"					F-48-44-C
thôn Khuổi Loỏng	DC	TT. Chợ Đồn	H. Chợ Đồn	22° 09' 49"	105° 35' 31"					F-48-44-C
thôn Khuổi Tráng	DC	TT. Chợ Đồn	H. Chợ Đồn	22° 09' 37"	105° 36' 43"					F-48-44-C
thôn Lò Vôi	DC	TT. Chợ Đồn	H. Chợ Đồn	22° 09' 59"	105° 35' 17"					F-48-44-C
thôn Ngựa Thồ	DC	TT. Chợ Đồn	H. Chợ Đồn	22° 09' 23"	105° 35' 13"					F-48-44-C
thôn Pá Ỏ	DC	TT. Chợ Đồn	H. Chợ Đồn	22° 10' 11"	105° 35' 20"					F-48-44-C
thôn Pác Là	DC	TT. Chợ Đồn	H. Chợ Đồn	22° 09' 36"	105° 35' 49"					F-48-44-C
suối Bản Nhài	TV	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn			22° 14' 12"	105° 30' 37"	22° 12' 43"	105° 31' 56"	F-48-44-C
thôn Bản Nhài	DC	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 13' 04"	105° 31' 23"					F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bản Nhượng	DC	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 13' 26"	105° 29' 24"					F-48-43-D
núi Bản Thi	SV	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 13' 57"	105° 30' 19"					F-48-44-C
thôn Bản Thi	DC	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 14' 19"	105° 30' 22"					F-48-44-C
suối Bản Thi	TV	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn			22° 12' 16"	105° 28' 49"	22° 13' 03"	105° 29' 20"	F-48-43-B F-48-43-D
thôn Chính Thi	DC	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 14' 25"	105° 31' 08"					F-48-44-C
thôn Đèo An	DC	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 14' 59"	105° 32' 13"					F-48-44-C
núi Khuổi Bốc	SV	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 12' 32"	105° 31' 50"					F-48-44-C
thôn Phia Khao (Phja Khao)	DC	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 15' 40"	105° 31' 23"					F-48-44-A
thôn Phiêng Lầm (Phjêng Lầm)	DC	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 13' 30"	105° 32' 02"					F-48-44-C
núi Slam Tan	SV	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 16' 26"	105° 30' 06"					F-48-44-A
núi Tam Tát	SV	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 17' 28"	105° 31' 30"					F-48-44-A
thôn Thâm Tầu	DC	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 14' 24"	105° 32' 17"					F-48-44-C
núi Thăm Then	SV	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 16' 28"	105° 28' 33"					F-48-43-B
thôn Việt Trì Ao	DC	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 13' 33"	105° 30' 07"					F-48-44-C
đường tỉnh 254	KX	xã Bằng Lãng	H. Chợ Đồn			22° 05' 57"	105° 31' 43"	22° 08' 39"	105° 35' 04"	F-48-44-C
đường tỉnh 255	KX	xã Bằng Lãng	H. Chợ Đồn			22° 06' 31"	105° 32' 51"	22° 07' 35"	105° 32' 29"	F-48-44-C
thôn Bản Lắc	DC	xã Bằng Lãng	H. Chợ Đồn	22° 08' 46"	105° 34' 12"					F-48-44-C
thôn Bản Nhì	DC	xã Bằng Lãng	H. Chợ Đồn	22° 06' 28"	105° 35' 25"					F-48-44-C
núi Chản Tăng	SV	xã Bằng Lãng	H. Chợ Đồn	22° 09' 02"	105° 33' 20"					F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Đáy	TV	xã Bằng Lãng	H. Chợ Đồn			22° 08' 32"	105° 34' 11"	22° 06' 03"	105° 32' 10"	F-48-44-C
đèo Kéo Lếch	SV	xã Bằng Lãng	H. Chợ Đồn	22° 05' 57"	105° 31' 43"					F-48-44-C
sông Khau Cúm	TV	xã Bằng Lãng	H. Chợ Đồn			22° 08' 32"	105° 34' 11"	22° 09' 17"	105° 34' 12"	F-48-44-C
thôn Nà Duồng	DC	xã Bằng Lãng	H. Chợ Đồn	22° 06' 35"	105° 33' 00"					F-48-44-C
thôn Nà Khắt	KX	xã Bằng Lãng	H. Chợ Đồn	22° 07' 50"	105° 35' 35"					F-48-44-C
thôn Nà Loọc	SV	xã Bằng Lãng	H. Chợ Đồn	22° 07' 00"	105° 35' 53"					F-48-44-C
thôn Nà Niếng	TV	xã Bằng Lãng	H. Chợ Đồn	22° 06' 39"	105° 35' 17"					F-48-44-C
thôn Tổng Mụ	DC	xã Bằng Lãng	H. Chợ Đồn		105° 34' 05"					F-48-44-C
thôn Tủm Tó	DC	xã Bằng Lãng	H. Chợ Đồn	22° 07' 17"	105° 34' 05"					F-48-44-C
cầu Tủm Tó	KX	xã Bằng Lãng	H. Chợ Đồn	22° 07' 27"	105° 34' 07"					F-48-44-C
thôn Bản Chang	DC	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 16' 43"	105° 40' 16"					F-48-44-A
thôn Bản Khiếu	DC	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 16' 45"	105° 41' 38"					F-48-44-A
thôn Bản Màn	DC	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 13' 59"	105° 40' 24"					F-48-44-A
thôn Bản Quân	DC	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 16' 29"	105° 40' 55"					F-48-44-A
thôn Bản Vả	DC	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 16' 58"	105° 41' 53"					F-48-44-A
suối Cắp Kẻ	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn			22° 16' 40"	105° 40' 52"	22° 16' 20"	105° 39' 14"	F-48-44-A
thôn Khuổi Cưởng	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 15' 53"	105° 39' 58"					F-48-44-A
thôn Nà Bây	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 15' 49"	105° 40' 19"					F-48-44-A
thôn Nà Cà	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 16' 38"	105° 40' 41"					F-48-44-A
thôn Nà Diếu	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 16' 35"	105° 40' 05"					F-48-44-A
thôn Nà Hồng	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 16' 48"	105° 40' 59"					F-48-44-A
thôn Nà Lạ	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 16' 54"	105° 42' 11"					F-48-44-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Lẹng	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 16' 05"	105° 40' 30"					F-48-44-A
thôn Nà Luông	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 17' 01"	105° 42' 25"					F-48-44-A
thôn Nà Nghiều	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 16' 03"	105° 40' 05"					F-48-44-A
thôn Nà Pài	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 16' 15"	105° 40' 30"					F-48-44-A
thôn Nà Pết	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 16' 14"	105° 40' 12"					F-48-44-A
núi Phia Yêng (Phja Yêng)	SV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 15' 43"	105° 42' 16"					F-48-44-A
suối Pò Phia (Pò Phja)	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn			22° 16' 40"	105° 40' 52"	22° 15' 22"	105° 38' 51"	F-48-44-A
đường tỉnh 254 A	KX	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn			22° 02' 36"	105° 32' 30"	22° 00' 51"	105° 35' 31"	F-48-44-C
thôn Bản Ca	KX	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 02' 33"	105° 33' 58"					F-48-44-C
thôn Bản Cha	DC	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 00' 55"	105° 31' 55"					F-48-44-C
thôn Bản Điếng	DC	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 26"	105° 33' 07"					F-48-44-C
cầu Bản Điếng	KX	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 12"	105° 33' 31"					F-48-44-C
thôn Bản Pèo	DC	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	21° 19' 01"	105° 32' 49"					F-48-56-A
thôn Bản Tuốm	DC	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 34"	105° 33' 07"					F-48-44-C
khuổi Chang	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn			22° 00' 01"	105° 33' 08"	22° 00' 40"	105° 32' 43"	F-48-44-C
núi Khau Hai	SV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	21° 57' 31"	105° 33' 14"					F-48-56-A
núi Khau Khao	SV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 00' 14"	105° 32' 43"					F-48-44-C
núi Khau Riềng	SV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 00' 23"	105° 30' 13"					F-48-44-C
thôn Khuổi Áng	SV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 27"	105° 32' 53"					F-48-44-C
thôn Khuổi Liên	SV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 29"	105° 34' 55"					F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Loọc	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn			22° 01' 00"	105° 31' 07"	22° 00' 15"	105° 31' 41"	F-48-44-C
khuổi Muồi	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn			22° 00' 39"	105° 30' 35"	22° 00' 14"	105° 31' 41"	F-48-44-C
thôn Mương	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	21° 59' 20"	105° 32' 28"					F-48-56-A
thôn Nà Đon	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 11"	105° 34' 52"					F-48-44-C
thôn Nà Hấn	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 15"	105° 34' 26"					F-48-44-C
thôn Nà Oóc	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 07"	105° 34' 16"					F-48-44-C
thôn Nà Oóc	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 27"	105° 34' 37"					F-48-44-C
thôn Nà Phầy	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 17"	105° 34' 01"					F-48-44-C
thôn Nà Quân	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 55"	105° 34' 08"					F-48-44-C
thôn Pác Nghiên	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 02' 04"	105° 32' 56"					F-48-44-C
thôn Pác Pạu	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 18"	105° 33' 07"					F-48-44-C
thôn Pác Sló	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 19"	105° 35' 06"					F-48-44-C
sông Phó Đáy	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn			22° 02' 28"	105° 32' 18"	21° 58' 06"	105° 31' 58"	F-48-44-C F-48-56-A
khuổi Pụt	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn			21° 59' 37"	105° 34' 12"	22° 01' 09"	105° 33' 01"	F-48-56-A F-48-44-C
thôn Tông Quận	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 41"	105° 34' 59"					F-48-44-C
thôn Vằng Doọc	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	21° 59' 28"	105° 32' 02"					F-48-56-A
thôn Vằng Quân	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 13"	105° 32' 49"					F-48-44-C
thôn Bản Sáo	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 05' 57"	105° 37' 55"					F-48-44-C
khuổi Chém	TV	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn			22° 05' 24"	105° 39' 19"	22° 06' 02"	105° 38' 20"	F-48-44-C
sông Đáy	TV	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn			22° 07' 54"	105° 37' 16"	22° 04' 37"	105° 37' 59"	F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khau Hương	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 06' 16"	105° 38' 17"					F-48-44-C
thôn Khuổi Đứa	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 06' 36"	105° 36' 47"					F-48-44-C
thôn Nà Bá	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 07' 13"	105° 37' 12"					F-48-44-C
núi Nà Cà	SV	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 04' 55"	105° 37' 06"					F-48-44-C
thôn Nà Cóc	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 06' 32"	105° 37' 08"					F-48-44-C
thôn Nà Dả	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 08' 51"	105° 37' 48"					F-48-44-C
thôn Nà Đẻ	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 06' 00"	105° 38' 17"					F-48-44-C
thôn Nà Khảo	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 06' 40"	105° 37' 05"					F-48-44-C
thôn Nà Lả	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 06' 07"	105° 38' 10"					F-48-44-C
thôn Nà Lài	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 06' 58"	105° 37' 23"					F-48-44-C
thôn Nà Lại	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 07' 26"	105° 37' 37"					F-48-44-C
thôn Nà Làng	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 08' 43"	105° 37' 44"					F-48-44-C
thôn Nà Lùng	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 08' 17"	105° 37' 01"					F-48-44-C
thôn Nà Luông	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 07' 59"	105° 37' 23"					F-48-44-C
thôn Nà Mũ	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 08' 01"	105° 37' 12"					F-48-44-C
thôn Nà Muồi	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 08' 38"	105° 37' 34"					F-48-44-C
thôn Nà Ngà	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 04' 51"	105° 37' 52"					F-48-44-C
thôn Nà Nghiều	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 08' 03"	105° 37' 23"					F-48-44-C
thôn Nà Nhật	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 06' 33"	105° 37' 44"					F-48-44-C
thôn Nà Pìn	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 07' 06"	105° 37' 52"					F-48-44-C
thôn Nà Tả	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 09' 04"	105° 37' 59"					F-48-44-C
thôn Nà Yếu	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 07' 58"	105° 37' 01"					F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Pác Lẻo	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 07' 12"	105° 38' 02"					F-48-44-C
thôn Pài Lỉnh	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 06' 07"	105° 37' 48"					F-48-44-C
khuổi Pẩu	TV	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn			22° 05' 20"	105° 38' 45"	22° 05' 28"	105° 38' 14"	F-48-44-C
khuổi Pè	TV	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn			22° 05' 24"	105° 39' 19"	22° 06' 02"	105° 38' 20"	F-48-44-C
núi Phia Peeng (Phja Peeng)	SV	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 09' 01"	105° 36' 33"					F-48-44-C
thôn Phiêng Cà (Phjêng Cà)	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 07' 00"	105° 37' 44"					F-48-44-C
thôn Thôm Hẩu	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 06' 54"	105° 37' 41"					F-48-44-C
đường tỉnh 254	KX	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn			22° 17' 38"	105° 34' 36"	22° 21' 17"	105° 35' 28"	F-48-44-A
thôn Bản Duồn	DC	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 17' 51"	105° 34' 44"					F-48-44-A
thôn Bản Tràng	DC	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 19' 29"	105° 34' 30"					F-48-44-A
suối Chàng	TV	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn			22° 19' 26"	105° 34' 39"	22° 20' 03"	105° 34' 18"	F-48-44-A
suối Khuổi Lạp	TV	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn			22° 18' 25"	105° 35' 57"	22° 19' 46"	105° 35' 02"	F-48-44-A
thôn Khuổi Ó	DC	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 20' 13"	105° 35' 06"					F-48-44-A
suối Khuổi Vào	TV	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn			22° 19' 07"	105° 34' 19"	22° 21' 18"	105° 35' 39"	F-48-44-A
suối Khuổi Vầu	TV	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn			22° 16' 13"	105° 33' 00"	22° 19' 07"	105° 34' 19"	F-48-44-A
thôn Nà Áng	DC	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 18' 28"	105° 34' 05"					F-48-44-A
thôn Nà Dấu	DC	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 20' 57"	105° 35' 17"					F-48-44-A
thôn Nà Lèo	DC	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 21' 13"	105° 35' 28"					F-48-44-A
thôn Nà Ón	DC	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 19' 43"	105° 34' 41"					F-48-44-A
thôn Nà Pha	DC	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 19' 07"	105° 34' 16"					F-48-44-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Tùm	DC	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 20' 19"	105° 35' 24"					F-48-44-A
thôn Nà Va	DC	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 20' 33"	105° 35' 20"					F-48-44-A
thôn Phiêng Đén (Phjêng Đén)	DC	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 19' 09"	105° 36' 40"					F-48-44-A
dãy núi Slưa Tèo	SV	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 18' 01"	105° 33' 09"					F-48-44-A
suối Tà Điểng	TV	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn			22° 17' 37"	105° 34' 45"	22° 19' 07"	105° 34' 19"	F-48-44-A
núi Thôm Pán (Thôm Pján)	SV	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 20' 45"	105° 34' 07"					F-48-44-A
thôn Thôm Phả	SV	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 18' 26"	105° 34' 30"					F-48-44-A
đường tỉnh 257	KX	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn			22° 09' 27"	105° 39' 37"	22° 07' 20"	105° 39' 58"	F-48-44-C
thôn Bản Cáu	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 09' 06"	105° 40' 01"					F-48-44-C
núi Cốc Lùng	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 08' 08"	105° 40' 51"					F-48-44-C
thôn Khau Chủ	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 08' 25"	105° 39' 47"					F-48-44-C
thôn Khuổi Phầy	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 09' 39"	105° 40' 37"					F-48-44-C
thôn Khuổi Vắc	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 08' 09"	105° 38' 35"					F-48-44-C
thôn Khuổi Viền	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 09' 05"	105° 39' 47"					F-48-44-C
thôn Khuổi Ý	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 08' 01"	105° 38' 31"					F-48-44-C
thôn Lèo Luông	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 08' 15"	105° 39' 58"					F-48-44-C
thôn Nà Chang	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 07' 36"	105° 39' 18"					F-48-44-C
thôn Nà Hu	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 08' 24"	105° 40' 19"					F-48-44-C
thôn Nà Kệt	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 07' 59"	105° 39' 18"					F-48-44-C
thôn Nà Lào	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 07' 27"	105° 38' 28"					F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Mèo	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 07' 46"	105° 39' 36"					F-48-44-C
thôn Nà Pèng	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 07' 33"	105° 38' 49"					F-48-44-C
thôn Nà Vằn	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 09' 21"	105° 39' 43"					F-48-44-C
khuổi Nà Vằn	TV	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn			22° 10' 00"	105° 40' 53"	22° 09' 03"	105° 39' 54"	F-48-44-C
thôn Bản Diếu	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 06' 35"	105° 28' 30"					F-48-43-D
suối Bản Đó	TV	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn			22° 03' 51"	105° 28' 24"	22° 03' 58"	105° 30' 35"	F-48-44-C F-48-43-D
thôn Bản Đố	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 03' 53"	105° 30' 14"					F-48-44-C
thôn Bản Mòn	TV	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 07' 05"	105° 30' 22"					F-48-44-C
thôn Bản Quăng	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 06' 00"	105° 29' 24"					F-48-43-D
thôn Bản Thít	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 05' 18"	105° 30' 58"					F-48-44-C
thôn Bản Ven	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 05' 25"	105° 30' 14"					F-48-44-C
thôn Búc Duộng	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 05' 21"	105° 28' 12"					F-48-43-D
thôn Nà Bưa	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 06' 04"	105° 29' 02"					F-48-43-D
thôn Nà Chiếm	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 06' 24"	105° 29' 28"					F-48-43-D
thôn Nà Lùng	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 05' 49"	105° 29' 49"					F-48-43-D
thôn Nà Mương	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 04' 28"	105° 30' 14"					F-48-44-C
thôn Nà Phả	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 05' 15"	105° 28' 48"					F-48-43-D
thôn Nà Tẳng	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 05' 47"	105° 30' 58"					F-48-44-C
núi Pù Hòn	SV	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 08' 41"	105° 30' 12"					F-48-44-C
thôn Tham Thẩu	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 05' 39"	105° 30' 25"					F-48-44-C
thôn Bản Chảy	DC	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 22' 11"	105° 36' 25"					F-48-44-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bản Lồm	DC	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 21' 15"	105° 38' 24"					F-48-44-A
thôn Bản Mới	DC	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 22' 27"	105° 35' 53"					F-48-44-A
thôn Bản Quá	DC	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 22' 12"	105° 37' 19"					F-48-44-A
thôn Cốc Lùng	DC	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 22' 39"	105° 36' 07"					F-48-44-A
thôn Cọn Poỏng	DC	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 22' 44"	105° 36' 04"					F-48-44-A
thôn Nà Cáy	DC	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 21' 23"	105° 35' 24"					F-48-44-A
thôn Nà Hin	DC	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 21' 23"	105° 35' 42"					F-48-44-A
thôn Nà Liền	DC	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 21' 52"	105° 35' 24"					F-48-44-A
thôn Nà Mèo	DC	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 22' 04"	105° 35' 24"					F-48-44-A
núi Nả Phoòng	SV	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 22' 55"	105° 37' 33"					F-48-44-A
sông Nam Cường	TV	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn			22° 22' 49"	105° 36' 42"	22° 21' 18"	105° 35' 39"	F-48-44-A
núi Pù Luông	SV	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 21' 34"	105° 37' 29"					F-48-44-A
núi Pù Phia Slấn (Pù Phja Slấn)	SV	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 20' 29"	105° 37' 28"					F-48-44-A
thôn Thôm Luông	DC	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 21' 37"	105° 35' 28"					F-48-44-A
thôn Bản Bằng	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 01' 48"	105° 31' 12"					F-48-44-C
thôn Bản Lạp	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 02' 43"	105° 32' 06"					F-48-44-C
thôn Bột Giấy	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 05' 04"	105° 31' 19"					F-48-44-C
khuổi Đăm	TV	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn			22° 02' 57"	105° 31' 26"	22° 03' 01"	105° 31' 47"	F-48-44-C
khuổi Đó	TV	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn			22° 03' 58"	105° 30' 35"	22° 04' 09"	105° 31' 46"	F-48-44-C
nặm Đu	TV	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn			22° 05' 12"	105° 31' 12"	22° 03' 55"	105° 31' 58"	F-48-44-C
thôn Khau Quản	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 02' 57"	105° 31' 59"					F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khuổi Cọ	TV	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn			22° 02' 32"	105° 30' 53"	22° 02' 28"	105° 32' 18"	F-48-44-C
thôn Khuổi Đó	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 01' 24"	105° 30' 40"					F-48-44-C
thôn Khuổi Khít	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 05' 33"	105° 32' 38"					F-48-44-C
thôn Khuổi Lai	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 02' 14"	105° 31' 55"					F-48-44-C
thôn Khuổi Linh	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 04' 54"	105° 31' 26"					F-48-44-C
thôn Khuổi Tậu	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 02' 34"	105° 31' 52"					F-48-44-C
thôn Khuổi Thôm	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 03' 39"	105° 31' 37"					F-48-44-C
thôn Nà Cà	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 04' 51"	105° 33' 07"					F-48-44-C
suối Nà Cà	TV	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn			22° 04' 40"	105° 33' 35"	22° 04' 46"	105° 32' 32"	F-48-44-C
thôn Nà Chang	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 04' 25"	105° 31' 44"					F-48-44-C
thôn Nà Đẩy	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 03' 51"	105° 31' 44"					F-48-44-C
thôn Nà Éc	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 03' 21"	105° 31' 41"					F-48-44-C
thôn Nà Kem	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 02' 46"	105° 32' 17"					F-48-44-C
thôn Nà Khằn	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 03' 16"	105° 31' 48"					F-48-44-C
cầu Nà Khằn	KX	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 03' 20"	105° 31' 46"					F-48-44-C
thôn Nà Kiến	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 04' 35"	105° 32' 17"					F-48-44-C
thôn Nà Phắng	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 03' 44"	105° 31' 44"					F-48-44-C
thôn Nà Tảng	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 05' 09"	105° 31' 19"					F-48-44-C
thôn Nà Tông	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 04' 13"	105° 31' 44"					F-48-44-C
nặm Nàm	TV	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn			22° 04' 52"	105° 32' 30"	22° 03' 55"	105° 31' 58"	F-48-44-C
hồ Nghĩa Tá	TV	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 05' 26"	105° 32' 25"					F-48-44-C
thôn Phiêng Dòa (Phjêng Dòa)	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 04' 02"	105° 32' 06"					F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tác Khài	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 03' 51"	105° 31' 59"					F-48-44-C
thôn Thủy Điện	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 04' 48"	105° 32' 28"					F-48-44-C
thôn Tông Khun	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 01' 49"	105° 30' 29"					F-48-44-C
thôn Tông Nọt	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 01' 37"	105° 31' 16"					F-48-44-C
núi Ba Bồ	SV	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn	22° 09' 47"	105° 33' 24"					F-48-44-C
thôn Bản Diếu	DC	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn	22° 12' 22"	105° 34' 41"					F-48-44-C
thôn Bản Ỏm	DC	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn	22° 11' 18"	105° 34' 37"					F-48-44-C
thôn Bản Quân	DC	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn	22° 13' 48"	105° 34' 12"					F-48-44-C
suối Khau Củm	TV	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn			22° 10' 09"	105° 34' 33"	22° 10' 45"	105° 34' 47"	F-48-44-C
đèo Khau Thăm	SV	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn	22° 13' 23"	105° 35' 01"					F-48-44-C
thôn Lạo Dè	DC	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn	22° 09' 56"	105° 33' 20"					F-48-44-C
khuổi Lèo	TV	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn			22° 12' 29"	105° 33' 04"	22° 11' 12"	105° 34' 38"	F-48-44-C
núi Lũng Luông	SV	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn	22° 13' 15"	105° 34' 04"					F-48-44-C
thôn Nà Bưa	DC	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn	22° 10' 40"	105° 34' 30"					F-48-44-C
thôn Nà Tùm	DC	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn	22° 10' 24"	105° 34' 37"					F-48-44-C
khuổi Ném	TV	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn			22° 10' 52"	105° 33' 29"	22° 11' 07"	105° 34' 40"	F-48-44-C
thôn Phiêng Liềng (Phjêng Liềng)	DC	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn	22° 11' 07"	105° 34' 55"					F-48-44-C
thôn Bản Chang	DC	xã Phong Xuân	H. Chợ Đồn	22° 03' 48"	105° 35' 10"					F-48-44-C
thôn Bản Cưa	DC	xã Phong Xuân	H. Chợ Đồn	22° 05' 28"	105° 34' 10"					F-48-44-C
đèo Kéo Pụt	SV	xã Phong Xuân	H. Chợ Đồn	22° 03' 27"	105° 36' 24"					F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khuổi Xỏm	DC	xã Phong Xuân	H. Chợ Đồn	22° 05' 28"	105° 36' 40"					F-48-44-C
thôn Nà Chợ	DC	xã Phong Xuân	H. Chợ Đồn	22° 03' 52"	105° 35' 56"					F-48-44-C
thôn Nà Làng	DC	xã Phong Xuân	H. Chợ Đồn	22° 04' 40"	105° 35' 53"					F-48-44-C
thôn Nà Mạng	DC	xã Phong Xuân	H. Chợ Đồn	22° 04' 45"	105° 35' 46"					F-48-44-C
thôn Nà Tấc	DC	xã Phong Xuân	H. Chợ Đồn	22° 04' 10"	105° 34' 59"					F-48-44-C
thôn Pác Cộp	DC	xã Phong Xuân	H. Chợ Đồn	22° 03' 26"	105° 35' 13"					F-48-44-C
thôn Thôm Hồ	DC	xã Phong Xuân	H. Chợ Đồn	22° 03' 43"	105° 35' 53"					F-48-44-C
suối Vằng Hồ	TV	xã Phong Xuân	H. Chợ Đồn			22° 05' 17"	105° 35' 44"	22° 03' 06"	105° 35' 16"	F-48-44-C
đường tỉnh 257	KX	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn			22° 10' 22"	105° 37' 34"	22° 10' 27"	105° 39' 12"	F-48-44-C
thôn Bản Làn	DC	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn	22° 10' 22"	105° 38' 38"					F-48-44-C
thôn Bản Lanh	DC	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn	22° 11' 06"	105° 38' 10"					F-48-44-C
sông Cầu	TV	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn			22° 11' 47"	105° 37' 41"	22° 10' 28"	105° 39' 13"	F-48-44-C
thôn Choong	DC	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn	22° 11' 29"	105° 38' 24"					F-48-44-C
thôn Khuổi Van	DC	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn	22° 12' 49"	105° 39' 00"					F-48-44-C
thôn Nà Càng	DC	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn	22° 12' 15"	105° 38' 56"					F-48-44-C
suối Nà Càng	TV	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn			22° 13' 47"	105° 39' 12"	22° 11' 16"	105° 38' 28"	F-48-44-C
thôn Nà Đon	DC	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn	22° 12' 43"	105° 38' 24"					F-48-44-C
thôn Nà Làng	DC	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn	22° 11' 48"	105° 38' 42"					F-48-44-C
thôn Nà Mặn	DC	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn	22° 10' 43"	105° 38' 49"					F-48-44-C
ngòi Sông Cầu	TV	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn			22° 12' 30"	105° 36' 18"	22° 11' 47"	105° 37' 41"	F-48-44-C
núi Thôm Pinh	SV	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn	22° 11' 45"	105° 36' 18"					F-48-44-C
thôn Tồng Chiêu	DC	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn	22° 11' 53"	105° 37' 23"					F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tổng Lường	DC	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn	22° 11' 46"	105° 37' 56"					F-48-44-C
đường tỉnh 254	KX	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn			22° 14' 31"	105° 33' 41"	22° 17' 38"	105° 34' 36"	F-48-44-C F-48-44-A
thôn Bản Khắt	DC	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 16' 07"	105° 36' 22"					F-48-44-A
thôn Bản Lác	DC	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 15' 05"	105° 35' 17"					F-48-44-A
thôn Bản Mạ	DC	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 17' 28"	105° 34' 37"					F-48-44-A
thôn Bó Phia (Bó Phja)	DC	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 15' 21"	105° 33' 40"					F-48-44-A
núi Chè Mèn	SV	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 15' 20"	105° 34' 26"					F-48-44-A
suối Cốc Cưởm	TV	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn			2° 21' 51"	105° 35' 07"	22° 13' 30"	105° 36' 38"	F-48-44-A F-48-44-C
suối Khắt	TV	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn			22° 16' 46"	105° 34' 56"	22° 15' 18"	105° 37' 21"	F-48-44-A
núi Khau Của	SV	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 13' 24"	105° 36' 45"					F-48-44-C
núi Khau Thăm	SV	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 16' 33"	105° 36' 06"					F-48-44-A
thôn Khuổi Đăm	DC	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 16' 20"	105° 34' 34"					F-48-44-A
suối Khuổi Đăm	TV	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn			22° 16' 00"	105° 34' 35"	22° 17' 37"	105° 34' 46"	F-48-44-A
suối Khuổi Giao	TV	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn			22° 16' 19"	105° 34' 31"	22° 16' 02"	105° 34' 11"	F-48-44-A
thôn Khuổi Phi	DC	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 16' 04"	105° 34' 30"					F-48-44-A
thôn Khuổi Vùa	DC	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 15' 05"	105° 35' 55"					F-48-44-C
khuổi Lai	TV	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn			22° 03' 59"	105° 37' 15"	22° 03' 32"	105° 37' 18"	F-48-44-C
thôn Nà Nòn	DC	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 16' 26"	105° 34' 52"					F-48-44-A
thôn Phiêng Luông (Phjêng Luông)	DC	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 16' 53"	105° 34' 52"					F-48-44-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pù Quéng	SV	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 16' 08"	105° 35' 12"					F-48-44-A
núi Tam Tao	SV	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 14' 16"	105° 37' 14"					F-48-44-C
thôn Bản Chói	DC	xã Rã Bản	H. Chợ Đồn	22° 10' 10"	105° 39' 29"					F-48-44-C
suối Bản Hun	TV	xã Rã Bản	H. Chợ Đồn			22° 12' 34"	105° 40' 32"	22° 10' 39"	105° 39' 40"	F-48-44-C
thôn Cốc Quang	DC	xã Rã Bản	H. Chợ Đồn	22° 09' 46"	105° 39' 36"					F-48-44-C
khuổi Dà	TV	xã Rã Bản	H. Chợ Đồn			22° 09' 10"	105° 38' 24"	22° 10' 06"	105° 39' 37"	F-48-44-C
thôn Kéo Hấy	DC	xã Rã Bản	H. Chợ Đồn	22° 11' 32"	105° 39' 11"					F-48-44-C
thôn Kéo Nạp	DC	xã Rã Bản	H. Chợ Đồn	22° 11' 14"	105° 39' 11"					F-48-44-C
thôn Khuổi Già	DC	xã Rã Bản	H. Chợ Đồn	22° 09' 46"	105° 39' 29"					F-48-44-C
thôn Nà Cà	DC	xã Rã Bản	H. Chợ Đồn	22° 12' 20"	105° 40' 19"					F-48-44-C
suối Nà Cà	TV	xã Rã Bản	H. Chợ Đồn			22° 12' 44"	105° 40' 45"	22° 12' 34"	105° 40' 32"	F-48-44-C
thôn Nà Phung	DC	xã Rã Bản	H. Chợ Đồn	22° 11' 03"	105° 39' 43"					F-48-44-C
thôn Nà Tải	DC	xã Rã Bản	H. Chợ Đồn	22° 10' 30"	105° 39' 29"					F-48-44-C
thôn Nà Tâm	DC	xã Rã Bản	H. Chợ Đồn	22° 11' 58"	105° 40' 01"					F-48-44-C
thôn Pác Già	DC	xã Rã Bản	H. Chợ Đồn	22° 09' 58"	105° 39' 32"					F-48-44-C
thôn Bản Chang	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 02"	105° 36' 07"					F-48-44-A
thôn Bản Điếng	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 02"	105° 35' 38"					F-48-44-A
thôn Chộc Hẩu	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 12"	105° 36' 29"					F-48-44-A
khuổi Khuổi Lừa	TV	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn			22° 17' 15"	105° 36' 13"	22° 18' 27"	105° 37' 19"	F-48-44-A
thôn Khuổi Sao	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 16' 07"	105° 37' 16"					F-48-44-A
thôn Nà Cà	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 08"	105° 35' 31"					F-48-44-A
thôn Nà Chắc	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 08"	105° 35' 53"					F-48-44-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Dằm	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 16' 57"	105° 36' 14"					F-48-44-A
thôn Nà Kèo	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 02"	105° 36' 43"					F-48-44-A
thôn Nà Lịn	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 16"	105° 36' 50"					F-48-44-A
thôn Nà Lược	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 21"	105° 36' 22"					F-48-44-A
thôn Nà Luông	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 16' 54"	105° 36' 07"					F-48-44-A
thôn Nà Mu	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 19"	105° 36' 11"					F-48-44-A
thôn Nà Ngần	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 16"	105° 35' 56"					F-48-44-A
thôn Nà Sắm	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 12"	105° 38' 28"					F-48-44-A
thôn Nà Slắm	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 19"	105° 37' 16"					F-48-44-A
thôn Nà Ve	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 27"	105° 37' 08"					F-48-44-A
thôn Nặm Lìn	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 19' 19"	105° 37' 02"					F-48-44-A
núi Pù Bung	SV	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 18' 27"	105° 37' 47"					F-48-44-A
núi Pù Ngà	SV	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 16' 47"	105° 37' 11"					F-48-44-A
suối Tả Điểng	TV	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn			22° 17' 05"	105° 35' 08"	22° 17' 15"	105° 37' 02"	F-48-44-A
thôn Bản Eng	DC	xã Xuân Lạc	H. Chợ Đồn	22° 20' 19"	105° 31' 48"					F-48-44-A
thôn Bản He	DC	xã Xuân Lạc	H. Chợ Đồn	22° 23' 48"	105° 31' 55"					F-48-44-A
thôn Bản Hỏ	DC	xã Xuân Lạc	H. Chợ Đồn	22° 23' 18"	105° 31' 52"					F-48-44-A
thôn Bản Khang	DC	xã Xuân Lạc	H. Chợ Đồn	22° 20' 11"	105° 33' 11"					F-48-44-A
thôn Bản Ó	DC	xã Xuân Lạc	H. Chợ Đồn	22° 22' 08"	105° 33' 00"					F-48-44-A
thôn Bản Puống	DC	xã Xuân Lạc	H. Chợ Đồn	22° 21' 42"	105° 31' 55"					F-48-44-A
thôn Bản Tưn	DC	xã Xuân Lạc	H. Chợ Đồn	22° 20' 57"	105° 32' 38"					F-48-44-A
dãy núi Lủng Luồng	SV	xã Xuân Lạc	H. Chợ Đồn	22° 18' 57"	105° 32' 21"					F-48-44-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Dạ	DC	xã Xuân Lạc	H. Chợ Đồn	22° 20' 09"	105° 31' 26"					F-48-44-A
thôn Pù Lùng	DC	xã Xuân Lạc	H. Chợ Đồn	22° 23' 56"	105° 33' 43"					F-48-44-A
sông Tà Han	TV	xã Xuân Lạc	H. Chợ Đồn			22° 19' 05"	105° 30' 24"	22° 23' 19"	105° 34' 47"	F-48-44-A
thôn Bản Dàng	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 03' 33"	105° 41' 28"					F-48-44-C
thôn Bản Lự	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 03' 28"	105° 37' 59"					F-48-44-C
thôn Bản Vọng	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 04' 08"	105° 38' 28"					F-48-44-C
khuổi Chắp	TV	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn			22° 04' 28"	105° 37' 31"	22° 04' 20"	105° 38' 00"	F-48-44-C
thôn Cốc Chao	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 03' 21"	105° 38' 06"					F-48-44-C
thôn Còi Trang	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 02' 48"	105° 39' 04"					F-48-44-C
đèo Khau Hâu	SV	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 05' 24"	105° 40' 27"					F-48-44-C
thôn Khuổi Tạo	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 02' 51"	105° 39' 25"					F-48-44-C
khuổi Lai	TV	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn			22° 03' 32"	105° 37' 18"	22° 03' 59"	105° 37' 15"	F-48-44-C
khuổi Lùng	TV	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn			22° 04' 40"	105° 39' 30"	22° 03' 52"	105° 38' 14"	F-48-44-C
khuổi Luộc	TV	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn			22° 03' 00"	105° 39' 50"	22° 03' 54"	105° 38' 31"	F-48-44-C
thôn Nà Can	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 04' 06"	105° 39' 54"					F-48-44-C
thôn Nà Chàn	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 03' 38"	105° 38' 13"					F-48-44-C
thôn Nà Dỏ	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 03' 24"	105° 37' 41"					F-48-44-C
thôn Nà Kha	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 03' 53"	105° 37' 59"					F-48-44-C
thôn Nà Lẹng	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 04' 36"	105° 39' 36"					F-48-44-C
thôn Nà Lùng	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 04' 38"	105° 39' 00"					F-48-44-C
khuổi Nhầu	TV	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn			22° 04' 52"	105° 38' 29"	22° 04' 12"	105° 38' 13"	F-48-44-C
thôn Pác Khoang	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 03' 46"	105° 40' 26"					F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Pạu	TV	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn			22° 03' 10"	105° 37' 52"	22° 03' 20"	105° 37' 30"	F-48-44-C
thôn Phân Trường	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 03' 55"	105° 40' 12"					F-48-44-C
thôn Phiêng Dìa (Phjêng Dìa)	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 03' 33"	105° 41' 02"					F-48-44-C
sông Phó Đáy	TV	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn			22° 03' 52"	105° 38' 14"	22° 03' 19"	105° 37' 24"	F-48-44-C
thôn Pù Mòn	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 04' 13"	105° 38' 06"					F-48-44-C
thôn Pù Phầy	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 03' 50"	105° 38' 20"					F-48-44-C
khuổi Tạo	TV	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn			22° 03' 05"	105° 39' 25"	22° 03' 54"	105° 38' 31"	F-48-44-C
thôn Ùm Đon	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 04' 04"	105° 38' 13"					F-48-44-C
đường tỉnh 255	KX	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn			22° 13' 43"	105° 26' 01"	22° 10' 56"	105° 29' 40"	F-48-43-D
thôn Bản Cậu	DC	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 12' 06"	105° 28' 12"					F-48-43-D
suối Bản Cậu	TV	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn			22° 12' 06"	105° 28' 47"	22° 12' 15"	105° 26' 19"	F-48-43-D
thôn Bản Đồn	DC	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 11' 05"	105° 29' 35"					F-48-43-D
thôn Bản Loàn	DC	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 12' 29"	105° 27' 25"					F-48-43-D
núi Bản Thi	SV	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 13' 17"	105° 29' 46"					F-48-43-D
suối Bản Thi	TV	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn			22° 13' 04"	105° 29' 19"	22° 12' 06"	105° 28' 47"	F-48-43-D
thôn Bản Vay	DC	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 13' 52"	105° 26' 53"					F-48-43-D
thôn Bó Bủn	DC	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 11' 25"	105° 29' 42"					F-48-43-D
thôn Bó Kè	DC	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 12' 03"	105° 28' 59"					F-48-43-D
thôn Bó Pết	DC	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 11' 46"	105° 29' 13"					F-48-43-D
núi Khen Cáy	SV	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 12' 59"	105° 26' 38"					F-48-43-D
thôn Nà Pi Át (Nà Pját)	DC	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 11' 58"	105° 28' 41"					F-48-43-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Pác Cuồng	DC	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 11' 41"	105° 29' 02"					F-48-43-D
núi Pù Sliêu	SV	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 16' 01"	105° 27' 04"					F-48-43-B
thôn Tông Ven	DC	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 11' 26"	105° 29' 28"					F-48-43-D
đường tỉnh 254 B	KX	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn			22° 00' 51"	105° 35' 31"	22° 00' 34"	105° 35' 37"	F-48-44-C
thôn Bản Chang	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 01' 58"	105° 36' 07"					F-48-44-C
thôn Bản Leng	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 03' 00"	105° 36' 29"					F-48-44-C
thôn Bản Noỏng	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 03' 03"	105° 36' 43"					F-48-44-C
thôn Bản Quăng	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 03' 03"	105° 37' 19"					F-48-44-C
thôn Bản Tắm	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 02' 05"	105° 35' 06"					F-48-44-C
thôn Đon Mạ	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 03' 11"	105° 37' 04"					F-48-44-C
khuổi Hiển	TV	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn			22° 02' 36"	105° 34' 36"	22° 01' 49"	105° 35' 13"	F-48-44-C
thôn Kéo Có	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 03' 59"	105° 37' 12"					F-48-44-C
dốc Kéo Pụt	KX	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 03' 27"	105° 36' 24"					F-48-44-C
thôn Khau Toọc	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 02' 22"	105° 35' 17"					F-48-44-C
thôn Khau Troọc	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 02' 52"	105° 35' 13"					F-48-44-C
núi Khe Phượng	SV	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 01' 28"	105° 37' 44"					F-48-44-C
khuổi Khôn	TV	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn			22° 01' 16"	105° 37' 06"	22° 02' 03"	105° 36' 53"	F-48-44-C
thôn Khôn Tong	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 02' 11"	105° 36' 14"					F-48-44-C
suối Khôn Tong	TV	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn			22° 02' 04"	105° 38' 24"	22° 02' 21"	105° 36' 07"	F-48-44-C
thôn Khuổi Pục	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 01' 13"	105° 35' 43"					F-48-44-C
núi Khuổi Toong	SV	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 01' 10"	105° 36' 42"					F-48-44-C
khuổi Lai	TV	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn			22° 03' 32"	105° 37' 18"	22° 04' 00"	105° 37' 15"	F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Muồi	TV	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn			22° 02' 51"	105° 38' 02"	22° 02' 59"	105° 37' 06"	F-48-44-C
thôn Nà Dảo	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 01' 47"	105° 35' 20"					F-48-44-C
thôn Nà Lại	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 01' 42"	105° 36' 14"					F-48-44-C
thôn Nà Lo	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 01' 51"	105° 35' 10"					F-48-44-C
thôn Pác Đá	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 02' 45"	105° 36' 47"					F-48-44-C
thôn Pác Là	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 02' 19"	105° 35' 57"					F-48-44-C
thôn Pác Toong	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 02' 19"	105° 35' 56"					F-48-44-C
khe Phượng	TV	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn			22° 01' 37"	105° 37' 30"	22° 02' 04"	105° 37' 06"	F-48-44-C
đèo So	SV	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 00' 45"	105° 35' 35"					F-48-44-C
thôn Bản Bây	DC	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn	22° 10' 00"	105° 30' 47"					F-48-44-C
thôn Bản Liên	DC	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn	22° 09' 20"	105° 30' 47"					F-48-44-C
thôn Che Ngù	DC	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn	22° 10' 43"	105° 31' 08"					F-48-44-C
suối Che Ngù	TV	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn			22° 09' 50"	105° 31' 14"	22° 10' 59"	105° 29' 48"	F-48-44-C
suối Liên	TV	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn			22° 09' 50"	105° 31' 14"	22° 09' 20"	105° 30' 08"	F-48-44-C
thôn Nà Cà	DC	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn	22° 10' 46"	105° 30' 07"					F-48-44-C
thôn Nà Huống	DC	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn	22° 11' 01"	105° 30' 11"					F-48-44-C
thôn Nà Khuốt	DC	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn	22° 10' 49"	105° 29' 46"					F-48-43-D
thôn Nà Mền	DC	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn	22° 09' 42"	105° 31' 55"					F-48-44-C
thôn Nà Mòn	DC	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn	22° 11' 01"	105° 31' 55"					F-48-44-C
thôn Nà Nhàm	DC	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn	22° 09' 15"	105° 32' 17"					F-48-44-C
thôn Pác Cộp	DC	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn	22° 09' 54"	105° 31' 26"					F-48-44-C
núi Pao Tao	SV	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn	22° 08' 39"	105° 31' 24"					F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Ổ Gà	KX	TT. Chợ Mới	H. Chợ Mới	21° 52' 58"	105° 46' 11"					F-48-56-B-a
đền Thắm	KX	TT. Chợ Mới	H. Chợ Mới	21° 52' 45"	105° 46' 55"					F-48-56-B-a
núi Trường Bia	SV	TT. Chợ Mới	H. Chợ Mới	21° 53' 21"	105° 46' 37"					F-48-56-B-a
Vườn Ươm	DC	TT. Chợ Mới	H. Chợ Mới	21° 53' 09"	105° 46' 45"					F-48-56-B-a
khau Tiếm	SV	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 55' 25"	105° 53' 47"					F-48-56-B-b
thôn Bản Mới	DC	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 54' 50"	105° 54' 32"					F-A-56-B-b
đèo Cặm Bé	SV	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 54' 18"	105° 53' 41"					F-48-56-B-b
suối Cốc Pục	TV	xã Bình Văn	H. Chợ Mới			21° 56' 18"	105° 53' 55"	21° 55' 51"	105° 53' 29"	F-48-56-B-b
suối Cốc Túm	TV	xã Bình Văn	H. Chợ Mới			21° 55' 50"	105° 53' 28"	21° 54' 21"	105° 51' 55"	F-48-56-B-b F-48-56-B-a
thôn Đon Cọt	DC	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 55' 16"	105° 54' 18"					F-A-56-B-b
núi Hang Lọ	SV	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 55' 28"	105° 52' 48"					F-48-56-B-b
thôn Khôn Tắng	DC	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 54' 36"	105° 55' 44"					F-A-56-B-b
thôn Khuổi Tái	DC	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 54' 50"	105° 55' 16"					F-A-56-B-b
núi Mô Tổ	SV	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 56' 05"	105° 54' 18"					F-48-56-B-b
núi Mu Tồ	SV	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 56' 11"	105° 52' 53"					F-48-56-B-b
thôn Nà Mố	DC	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 55' 34"	105° 54' 47"					F-A-56-B-b
núi Pắc Rạt	SV	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 53' 51"	105° 52' 53"					F-48-56-B-b
suối Quang Khám	TV	xã Bình Văn	H. Chợ Mới			21° 55' 42"	105° 54' 01"	21° 55' 50"	105° 53' 31"	F-48-56-B-b
thôn Tài Chang	DC	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 54' 40"	105° 55' 01"					F-A-56-B-b
thôn Thôm Bó	DC	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 54' 36"	105° 54' 36"					F-A-56-B-b
thôn Thôm Thoi	DC	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 55' 12"	105° 54' 00"					F-A-56-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 3	KX	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới			22° 02' 21"	105° 50' 53"	22° 00' 20"	105° 49' 46"	F-48-44-D-c
thôn Bản Phố	DC	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 01' 30"	105° 49' 55"					F-48-44-D-c
cầu Cao kỳ	KX	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 01' 29"	105° 49' 28"					F-48-44-D-c
sông Cầu	TV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới			22° 02' 22"	105° 50' 54"	22° 00' 19"	105° 49' 47"	F-48-44-D-c
núi Chợ Mới	SV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	21° 59' 07"	105° 53' 48"					F-48-56-B-b
thôn Chộc Toòng (Chôộc Toòng)	DC	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 02' 02"	105° 50' 24"					F-48-44-D-c
thôn Công Tum	DC	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 02' 13"	105° 50' 38"					F-48-44-D-c
suối Coóc	TV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới			22° 01' 05"	105° 50' 03"	22° 01' 01"	105° 49' 42"	F-48-44-D-c
thôn Hua Phai	DC	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 01' 44"	105° 50' 02"					F-48-44-D-c
thôn Khau Lồm	DC	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 00' 04"	105° 52' 26"					F-48-44-D-c
khuổi Lò	TV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới			22° 00' 11"	105° 55' 20"	22° 00' 32"	105° 54' 49"	F-48-44-D-d
khau Luông	SV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 01' 44"	105° 48' 20"					F-48-44-D-c
khuổi Mèn	TV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới			22° 01' 24"	105° 49' 14"	22° 01' 30"	105° 49' 25"	F-48-44-D-c
thôn Nà Cà	DC	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 01' 44"	105° 49' 30"					F-48-44-D-c
thôn Nà Nguộc	DC	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 01' 23"	105° 51' 40"					F-48-44-D-c
khuổi Nghẹn	TV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới			22° 01' 45"	105° 48' 41"	22° 01' 30"	105° 49' 29"	F-48-44-D-c
khau Pau	SV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 01' 36"	105° 48' 24"					F-48-44-D-c
núi Phe Đeng	SV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 01' 16"	105° 50' 23"					F-48-44-D-c
thôn Phiêng Câm (Phjêng Câm)	DC	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 00' 22"	105° 52' 48"					F-48-44-D-d
núi Pù Khóa	SV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 02' 18"	105° 48' 22"					F-48-44-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Púng	TV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới			22° 02' 43"	105° 49' 35"	22° 02' 07"	105° 49' 59"	F-48-44-D-c
thôn Tân Minh	DC	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 01' 23"	105° 49' 01"					F-48-44-D-c
khuổi Tàng	TV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới			22° 00' 13"	105° 51' 02"	22° 00' 34"	105° 49' 52"	F-48-44-D-c
suối Tắt Kéo	TV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới			22° 00' 35"	105° 54' 48"	22° 01' 30"	105° 54' 39"	F-48-44-D-d
chùa Thạch Long	KX	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 02' 26"	105° 50' 38"					F-48-44-D-c
khuổi Thếu	TV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới			22° 01' 26"	105° 52' 11"	22° 01' 56"	105° 49' 50"	F-48-44-D-c
thôn Tổng Slâu	DC	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 00' 50"	105° 49' 30"					F-48-44-D-c
thôn Tổng Tàng	DC	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 00' 47"	105° 49' 52"					F-48-44-D-c
quốc lộ 3	KX	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới			22° 04' 31"	105° 52' 49"	22° 02' 27"	105° 50' 50"	F-48-44-D-d F-48-44-D-c
thôn Bản Vọt	DC	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới	22° 04' 48"	105° 50' 31"					F-48-44-D-c
khuổi Cải	TV	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới			22° 03' 42"	105° 49' 10"	22° 03' 38"	105° 49' 40"	F-48-44-D-c
sông Cầu	TV	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới			22° 04' 32"	105° 52' 51"	22° 02' 37"	105° 51' 12"	F-48-44-D-d F-48-44-D-c
thôn Chang	DC	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới	22° 03' 00"	105° 50' 28"					F-48-44-D-c
núi Cốc Lùng	SV	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới	22° 03' 37"	105° 53' 20"					F-48-44-D-d
khuổi Cuồng	TV	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới			22° 03' 50"	105° 49' 36"	22° 03' 06"	105° 50' 20"	F-48-44-D-c
thôn Giác	DC	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới	22° 02' 42"	105° 51' 36"					F-48-44-D-c
thôn Hòa Mục	DC	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới	22° 02' 53"	105° 50' 56"					F-48-44-D-c
núi Khuổi Giác	SV	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới	22° 02' 38"	105° 52' 30"					F-48-44-D-d
thôn Khuổi Nhang	DC	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới	22° 03' 50"	105° 49' 41"					F-48-44-D-c
núi Lủng Duốc	SV	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới	22° 03' 46"	105° 50' 28"					F-48-44-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lủng Kim	SV	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới	22° 02' 52"	105° 53' 02"					F-48-44-D-d
khuổi Mịch	TV	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới			22° 02' 58"	105° 49' 25"	22° 03' 13"	105° 49' 54"	F-48-44-D-c
thôn Mỏ Khang	DC	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới	22° 02' 28"	105° 54' 50"					F-48-44-D-d
núi Mu Vồm	SV	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới	22° 03' 39"	105° 52' 56"					F-48-44-D-d
thôn Nà Tôm	DC	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới	22° 03' 50"	105° 50' 53"					F-48-44-D-c
khuổi Noòng	TV	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới			22° 03' 12"	105° 50' 36"	22° 02' 56"	105° 50' 40"	F-48-44-D-c
khuổi Phải	TV	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới			22° 04' 35"	105° 49' 43"	22° 04' 28"	105° 50' 52"	F-48-44-D-c
núi Phiêng Khảo (Phjêng Khảo)	SV	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới	22° 03' 49"	105° 48' 55"					F-48-44-D-c
khuổi Tác	TV	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới			22° 03' 18"	105° 48' 59"	22° 03' 17"	105° 49' 53"	F-48-44-D-c
thôn Tân Khang	DC	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới	22° 02' 38"	105° 51' 58"					F-48-44-D-c
suối Tát Mèo	TV	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới			22° 04' 59"	105° 49' 45"	22° 02' 29"	105° 50' 56"	F-48-44-D-c
đền Thác Giềng	KX	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới	22° 04' 30"	105° 52' 48"					F-48-44-D-d
núi Toòng Quấy	SV	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới	22° 02' 42"	105° 54' 47"					F-48-44-D-d
thôn Bản Pá	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 04' 05"	105° 43' 30"					F-48-44-C
thôn Bản Rả	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 04' 26"	105° 44' 46"					F-48-44-C
thôn Bản Ruộc	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 02' 46"	105° 43' 08"					F-48-44-C
khuổi Chiếng	TV	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới			22° 03' 49"	105° 43' 39"	22° 03' 52"	105° 44' 07"	F-48-44-C
khuổi Dần	TV	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới			22° 02' 58"	105° 44' 22"	22° 03' 54"	105° 44' 45"	F-48-44-C
khuổi Đon	TV	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới			22° 03' 08"	105° 42' 37"		105° 43' 17"	F-48-44-C
khuổi Kang	TV	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới			22° 04' 37"	105° 42' 14"	22° 04' 14"	105° 43' 35"	F-48-44-C
đèo Kéo Ký	SV	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 03' 20"	105° 41' 54"					F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khau Mu	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 03' 00"	105° 42' 04"					F-48-44-C
thôn Khau Ràng	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 04' 19"	105° 43' 55"					F-48-44-C
khuổi Ký	TV	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới			22° 03' 46"	105° 43' 05"	22° 04' 12"	105° 43' 35"	F-48-44-C
thôn Nà Chán	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 03' 58"	105° 43' 19"					F-48-44-C
thôn Nà Điếng	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 03' 43"	105° 44' 38"					F-48-44-C
thôn Nà Hắm	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 04' 16"	105° 44' 02"					F-48-44-C
khuổi Nà My	TV	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới			22° 04' 18"	105° 43' 41"	22° 03' 54"	105° 44' 43"	F-48-44-C
thôn Nà Tổng	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 04' 05"	105° 44' 13"					F-48-44-C
thôn Nà Tuống	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 04' 19"	105° 44' 10"					F-48-44-C
khuổi Nọt	TV	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới			22° 05' 44"	105° 43' 39"	22° 04' 49"	105° 43' 26"	F-48-44-C
thôn Pác Cốp	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 04' 23"	105° 43' 16"					F-48-44-C
thôn Pác Rả	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 04' 08"	105° 44' 35"					F-48-44-C
khuổi Pạu	TV	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới			22° 05' 21"	105° 44' 46"	22° 03' 56"	105° 44' 43"	F-48-44-C
thôn Phiêng Van (Phjêng Van)	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 04' 12"	105° 43' 30"					F-48-44-C
khuổi Rầu	TV	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới			22° 05' 21"	105° 42' 58"	22° 04' 24"	105° 43' 39"	F-48-44-C
khuổi Tâu	TV	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới			22° 04' 59"	105° 42' 55"	22° 04' 23"	105° 43' 37"	F-48-44-C
thôn Thố Hào	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 03' 54"	105° 43' 08"					F-48-44-C
khuổi Vai	TV	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới			22° 02' 37"	105° 41' 47"	22° 02' 35"	105° 43' 17"	F-48-44-C
cầu Bắc Rạt	KX	xã Như Cố	H. Chợ Mới	21° 53' 19"	105° 51' 08"					F-48-56-B-a
thôn Bản Cầy	DC	xã Như Cố	H. Chợ Mới	21° 53' 02"	105° 51' 54"					F-A-56-B-a
thôn Bản Quất	DC	xã Như Cố	H. Chợ Mới	21° 53' 20"	105° 51' 07"					F-A-56-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Bụt	SV	xã Như Cố	H. Chợ Mới	21° 52' 52"	105° 50' 43"					F-48-56-B-a
núi Hin Lùng	SV	xã Như Cố	H. Chợ Mới	21° 54' 41"	105° 48' 38"					F-48-56-B-a
thôn Khôn Bang	DC	xã Như Cố	H. Chợ Mới	21° 54' 07"	105° 49' 34"					F-A-56-B-a
thôn Khôn Tèng	DC	xã Như Cố	H. Chợ Mới	21° 55' 01"	105° 51' 22"					F-A-56-B-a
thôn Khuổi Chủ	DC	xã Như Cố	H. Chợ Mới	21° 53' 38"	105° 48' 40"					F-A-56-B-a
thôn Khuổi Hóp	DC	xã Như Cố	H. Chợ Mới	21° 53' 06"	105° 53' 13"					F-A-56-B-b
cầu Khuổi Nòn	KX	xã Như Cố	H. Chợ Mới	21° 52' 55"	105° 49' 42"					F-48-56-B-a
núi Khuôn Slao	SV	xã Như Cố	H. Chợ Mới	21° 53' 12"	105° 48' 35"					F-48-56-B-a
thôn Nà Chào	DC	xã Như Cố	H. Chợ Mới	21° 53' 02"	105° 49' 08"					F-A-56-B-a
thôn Nà Luống	DC	xã Như Cố	H. Chợ Mới	21° 54' 00"	105° 51' 18"					F-A-56-B-a
suối Nà Ngàn	TV	xã Như Cố	H. Chợ Mới			21° 55' 43"	105° 52' 35"	21° 55' 17"	105° 51' 30"	F-48-56-B-b F-48-56-B-a
thôn Nà Roòng	DC	xã Như Cố	H. Chợ Mới	21° 53' 13"	105° 49' 01"					F-A-56-B-a
thôn Nà Tào	DC	xã Như Cố	H. Chợ Mới	21° 53' 17"	105° 49' 16"					F-A-56-B-a
suối Nhì Ca	TV	xã Như Cố	H. Chợ Mới			21° 53' 43"	105° 50' 54"	21° 53' 40"	105° 48' 17"	F-48-56-B-a
núi Tát Loóng	SV	xã Như Cố	H. Chợ Mới	21° 55' 57"	105° 52' 11"					F-48-56-B-a
cầu Trắng	KX	xã Như Cố	H. Chợ Mới	21° 53' 12"	105° 49' 06"					F-48-56-B-a
quốc lộ 3	KX	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới			22° 00' 18"	105° 49' 43"	21° 58' 25"	105° 48' 45"	F-48-44-D-c F-48-56-B-a
thôn Bản Tết	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 58' 48"	105° 48' 54"					F-A-56-B-a
thôn Cao Thánh	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	22° 00' 07"	105° 48' 36"					F-48-44-D-c
sông Cầu	TV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới			22° 00' 18"	105° 49' 46"	21° 58' 34"	105° 49' 06"	F-48-56-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Họ	SV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 21"	105° 46' 34"					F-48-56-B-a
thôn Khe Thỉ 1	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 46"	105° 46' 30"					F-A-56-B-a
thôn Khe Thỉ 2	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 49"	105° 45' 50"					F-A-56-B-a
thôn Khe Thuổng	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 02"	105° 49' 55"					F-A-56-B-a
núi Khuổi Riềng	SV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 38"	105° 47' 09"					F-48-56-B-a
thôn Leo Dài	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 46"	105° 49' 05"					F-A-56-B-a
núi Mây	SV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 20"	105° 48' 13"					F-48-56-B-a
thôn Nà Bản	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 28"	105° 48' 54"					F-A-56-B-a
thôn Nà Bia	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 06"	105° 49' 12"					F-A-56-B-a
thôn Nà Cắn	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 17"	105° 49' 30"					F-A-56-B-a
thôn Nà Chang	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 58' 19"	105° 50' 46"					F-A-56-B-a
núi Nà Chang	SV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 58' 30"	105° 51' 06"					F-48-56-B-a
núi Nà Chang	SV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 58' 17"	105° 49' 50"					F-48-56-B-a
thôn Nà Cù	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 46"	105° 49' 30"					F-A-56-B-a
núi Nà Đon	SV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 56' 48"	105° 51' 57"					F-48-56-B-a
thôn Nà Mảy	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 10"	105° 48' 54"					F-A-56-B-a
thôn Nà Pén	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	22° 00' 00"	105° 49' 34"					F-A-56-B-a
thôn Nà Quang	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 58' 48"	105° 50' 38"					F-A-56-B-a
núi Noóc Mò	SV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 24"	105° 50' 28"					F-48-56-B-a
núi Pai Than	SV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 58' 20"	105° 49' 22"					F-48-56-B-a
đèo Pụt	SV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 34"	105° 45' 33"					F-48-56-B-a
suối Quận	TV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới			22° 00' 12"	105° 48' 14"	21° 59' 54"	105° 49' 02"	F-48-56-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Sáu Hai	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 24"	105° 49' 05"					F-A-56-B-a
cầu Sáu Hai	KX	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 39"	105° 49' 10"					F-48-56-B-a
khau Tang	SV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 47"	105° 47' 42"					F-48-56-B-a
thôn Thẳm Ca	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 58' 55"	105° 52' 48"					F-A-56-B-b
núi Tham Chom	SV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 13"	105° 51' 58"					F-48-56-B-a
khe Thỉ	TV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới			21° 59' 49"	105° 46' 24"	21° 58' 25"	105° 48' 44"	F-48-56-B-a
khe Thuổng	TV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới			21° 57' 47"	105° 51' 30"	21° 59' 26"	105° 49' 15"	F-48-56-B-a
núi Tum Bu	SV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 51"	105° 50' 21"					F-48-56-B-a
thôn Bản Còn	DC	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 57' 14"	105° 48' 11"					F-A-56-B-a
thôn Cảm Lẹng	DC	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 58' 16"	105° 48' 40"					F-A-56-B-a
khe Còn	TV	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới			21° 56' 58"	105° 47' 41"	21° 57' 02"	105° 48' 18"	F-48-56-B-a
khau Hương	SV	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 58' 35"	105° 47' 48"					F-48-56-B-a
thôn Khe Lắc	DC	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 58' 12"	105° 48' 04"					F-A-56-B-a
suối Khe Lắc	TV	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới			21° 58' 02"	105° 47' 07"	21° 58' 08"	105° 48' 34"	F-48-56-B-a
suối Khe Pầy	TV	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới			21° 57' 31"	105° 50' 20"	21° 57' 20"	105° 48' 27"	F-48-56-B-a
cầu Khe Thí	KX	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 58' 24"	105° 48' 44"					F-48-56-B-a
cầu Khuổi Lắc	KX	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 58' 09"	105° 48' 34"					F-48-56-B-a
khau Kim	SV	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 57' 41"	105° 45' 57"					F-48-56-B-a
khau Lắc	SV	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 58' 27"	105° 47' 37"					F-48-56-B-a
khe Luông	TV	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới			21° 57' 31"	105° 47' 45"	21° 57' 22"	105° 48' 17"	F-48-56-B-a
thôn Nà Đeo	DC	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 57' 58"	105° 48' 50"					F-A-56-B-a
thôn Nà Giảo	DC	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 57' 04"	105° 48' 25"					F-A-56-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Ngài	DC	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 58' 12"	105° 48' 50"					F-A-56-B-a
thôn Nà Ó	DC	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 57' 36"	105° 48' 32"					F-A-56-B-a
thôn Nà Quang	DC	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 57' 18"	105° 48' 54"					F-A-56-B-a
thôn Bản Đén	DC	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 52' 23"	105° 50' 42"					F-A-56-B-c
thôn Bản Nhuần	DC	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 52' 19"	105° 49' 55"					F-A-56-B-c
núi Bụt	SV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 52' 34"	105° 50' 56"					F-48-56-B-a
sông Cầu	TV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới			21° 52' 11"	105° 47' 39"	21° 50' 50"	105° 49' 06"	F-48-56-B-c
núi Chạy Đũa	SV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 49' 06"	105° 47' 22"					F-48-56-B-c
thôn Con Kiến	DC	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 51' 58"	105° 49' 30"					F-A-56-B-c
núi Con Kiến	SV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 51' 35"	105° 49' 10"					F-48-56-B-c
thôn Cửa Khe	DC	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 51' 32"	105° 48' 00"					F-A-56-B-c
suối Cửa Khe	TV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới			21° 50' 50"	105° 47' 01"	21° 51' 38"	105° 48' 09"	F-48-56-B-c
núi Đất Đồng	SV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 51' 13"	105° 46' 30"					F-48-56-B-c
thôn Đèo Vai	DC	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 50' 53"	105° 48' 04"					F-A-56-B-c
dãy núi Đình	SV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 49' 35"	105° 47' 40"					F-48-56-B-c
thôn Đồng Luông	DC	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 49' 08"	105° 46' 44"					F-A-56-B-c
núi Hang Rắng	SV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 50' 11"	105° 47' 26"					F-48-56-B-c
suối Hang Ty	TV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới			21° 49' 45"	105° 47' 08"	21° 50' 49"	105° 47' 12"	F-48-56-B-c
suối Hang Tỳ	TV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới			21° 48' 44"	105° 46' 33"	21° 50' 47"	105° 47' 10"	F-48-56-B-c
thôn Làng Chẽ	DC	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 50' 38"	105° 46' 34"					F-A-56-B-c
thôn Làng Điền	DC	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 51' 00"	105° 46' 41"					F-A-56-B-c
núi Lùng Bủng	SV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 51' 07"	105° 51' 11"					F-A-56-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Choọng	DC	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 51' 50"	105° 48' 22"					F-A-56-B-c
suối Nà Làng	TV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới			21° 52' 20"	105° 51' 19"	21° 51' 30"	105° 48' 35"	F-48-56-B-c
thôn Nà Lằng	DC	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 51' 07"	105° 49' 01"					F-A-56-B-c
núi Thăm Càng	SV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 50' 16"	105° 45' 28"					F-48-56-B-c
núi Trời Bổ	SV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 51' 31"	105° 51' 21"					F-48-56-B-c
núi Vài Nòn	SV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 51' 02"	105° 47' 48"					F-48-56-B-c
quốc lộ 3B	KX	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới			22° 06' 03"	105° 58' 14"	22° 06' 20"	105° 55' 12"	F-48-44-D-d
đèo Áng Toòng	SV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 05' 23"	105° 56' 39"					F-48-44-D-d
thôn Bản Lù	DC	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 05' 35"	105° 58' 34"					F-48-44-D-d
suối Bản Lù	TV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới			22° 05' 29"	105° 58' 48"	22° 04' 08"	105° 56' 12"	F-48-44-D-d
khau Dạ	SV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 03' 31"	105° 55' 29"					F-48-44-D-d
nặm Dắt	TV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới			22° 06' 31"	105° 56' 14"	22° 06' 21"	105° 55' 41"	F-48-44-D-d
khuổi Đeng	TV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới			22° 04' 12"	105° 55' 50"	22° 04' 46"	105° 53' 50"	F-48-44-D-d
thôn Gốc Thị	DC	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 07' 37"	105° 55' 44"					F-48-44-D-b
khuổi Hồng	TV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới			22° 07' 28"	105° 55' 39"	22° 06' 22"	105° 55' 13"	F-48-44-D-d
núi Khau Đại	SV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 04' 37"	105° 56' 22"					F-48-44-D-d
núi Khuổi Đấy	SV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 06' 56"	105° 56' 22"					F-48-44-D-d
thôn Khuổi Đeng	DC	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 04' 12"	105° 55' 08"					F-48-44-D-d
thôn Khuổi Luông	DC	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 03' 25"	105° 57' 07"					F-48-44-D-d
núi Khuổi Nấy	SV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 05' 09"	105° 58' 24"					F-48-44-D-d
thôn Khuổi Phầy	DC	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 04' 01"	105° 57' 47"					F-48-44-D-d
núi Lùng Đắc	SV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 05' 47"	105° 58' 29"					F-48-44-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Lủng Kim	TV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới			22° 02' 26"	105° 56' 29"	22° 04' 12"	105° 55' 52"	F-48-44-D-d
núi Lũng Vài	SV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 03' 38"	105° 54' 20"					F-48-44-D-d
khuổi Luông	TV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới			22° 03' 23"	105° 57' 22"	22° 03' 39"	105° 56' 37"	F-48-44-D-d
suối Mỏ Khang	TV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới			22° 03' 12"	105° 54' 24"	22° 04' 07"	105° 54' 57"	F-48-44-D-d
thôn Nà Khu	DC	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 04' 41"	105° 55' 19"					F-48-44-D-d
suối Nà Khu	TV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới			22° 05' 19"	105° 56' 29"	22° 04' 24"	105° 55' 31"	F-48-44-D-d
thôn Nậm Dắt	DC	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 05' 53"	105° 55' 48"					F-48-44-D-d
thôn Pha Rạ	DC	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 01' 52"	105° 57' 22"					F-48-44-D-d
thôn Phia Đeng (Phya Đeng)	DC	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 02' 49"	105° 57' 47"					F-48-44-D-d
thôn Phiêng Kham (Phjêng Kham)	DC	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 02' 28"	105° 57' 25"					F-48-44-D-d
quốc lộ 3	KX	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới			21° 56' 47"	105° 48' 18"	21° 54' 35"	105° 47' 30"	F-A-56-B-a
thôn Bản Áng	DC	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 56' 49"	105° 48' 00"					F-A-56-B-a
thôn Bản Chàng	DC	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 55' 48"	105° 48' 07"					F-A-56-B-a
sông Cầu	TV	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới			21° 56' 39"	105° 48' 26"	21° 54' 33"	105° 47' 31"	F-48-56-B-a
núi Chả Tao	SV	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 56' 44"	105° 47' 26"					F-48-56-B-a
núi Cốc Dứa	SV	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 56' 54"	105° 50' 12"					F-48-56-B-a
thôn Cốc Po	DC	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 55' 55"	105° 47' 42"					F-A-56-B-a
Khuổi Bốc	DC	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 56' 17"	105° 48' 36"					F-A-56-B-a
thôn Khuổi Lót	DC	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 55' 41"	105° 47' 35"					F-A-56-B-a
núi Khuổi Lót	SV	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 55' 59"	105° 47' 10"					F-48-56-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khuổi Nhầu	DC	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 55' 05"	105° 47' 31"					F-A-56-B-a
thôn Khuổi Tai	DC	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 56' 24"	105° 48' 18"					F-A-56-B-a
Khuổi Tràng	DC	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 55' 05"	105° 49' 08"					F-A-56-B-a
núi Lệp Mèo	SV	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 54' 23"	105° 48' 02"					F-48-56-B-a
thôn Nà Ba	DC	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 55' 19"	105° 47' 46"					F-A-56-B-a
thôn Nà Chiêm	DC	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 56' 28"	105° 49' 19"					F-A-56-B-a
thôn Nà Nâm	DC	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 56' 10"	105° 47' 53"					F-A-56-B-a
thôn Nà Quang	DC	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 54' 40"	105° 47' 42"					F-A-56-B-a
khau Puồm Pủ	SV	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 55' 46"	105° 49' 59"					F-48-56-B-a
khuổi Tai	TV	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới			21° 56' 29"	105° 49' 49"	21° 56' 24"	105° 47' 52"	F-48-56-B-a
khuổi Tao	TV	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới			21° 57' 11"	105° 46' 42"	21° 56' 25"	105° 47' 50"	F-48-56-B-a
khuổi Tràng	TV	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới			21° 54' 57"	105° 49' 10"	21° 55' 49"	105° 47' 46"	F-48-56-B-a
khau Vai	SV	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 56' 40"	105° 48' 47"					F-48-56-B-a
thôn Bản Kéo	DC	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới	22° 02' 49"	105° 46' 23"					F-48-44-D-c
thôn Bản Pải	DC	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới	22° 02' 31"	105° 45' 29"					F-48-44-D-c
thôn Bản Pén	DC	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới	22° 01' 12"	105° 46' 12"					F-48-44-D-c
khuổi Cúc	TV	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới			22° 01' 25"	105° 45' 30"	22° 01' 31"	105° 45' 52"	F-48-44-D-c
khuổi Dạc	TV	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới			22° 01' 33"	105° 45' 53"	22° 02' 07"	105° 46' 11"	F-48-44-D-c
khuổi Kéo	TV	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới			22° 05' 58"	105° 46' 19"	22° 02' 16"	105° 46' 25"	F-48-44-D-c
núi Kéo Piềng (Kéo Pjềng)	SV	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới	22° 05' 50"	105° 45' 14"					F-48-44-D-c
đèo Kéo Que	SV	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới	22° 01' 17"	105° 43' 34"					F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khuổi Rẹt	DC	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới	22° 04' 19"	105° 45' 50"					F-48-44-D-c
khuổi Lạc	TV	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới			22° 01' 10"	105° 46' 54"	22° 01' 07"	105° 47' 14"	F-48-44-D-c
khuổi Pèn	TV	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới			22° 02' 13"	105° 46' 25"	22° 01' 09"	105° 47' 15"	F-48-44-D-c
khau Phao	SV	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới	22° 00' 54"	105° 45' 25"					F-48-44-D-c
suối Quận	TV	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới			22° 01' 07"	105° 47' 17"	22° 00' 13"	105° 48' 12"	F-48-44-D-c
thôn Thanh Mai	DC	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới	22° 01' 37"	105° 47' 24"					F-48-44-D-c
khuổi Tom	TV	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới			22° 02' 59"	105° 45' 06"	22° 02' 15"	105° 46' 23"	F-48-44-D-c
thôn Trung Tâm	DC	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới	22° 02' 35"	105° 46' 19"					F-48-44-D-c
khau Vạ	SV	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới	22° 05' 26"	105° 46' 34"					F-48-44-D-c
khuổi Vai	TV	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới			22° 04' 37"	105° 48' 03"	22° 04' 08"	105° 48' 22"	F-48-44-D-c
thôn Bản Pia (Bản Pja)	DC	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới	22° 03' 11"	105° 47' 46"					F-48-44-D-c
thôn Chúa Lải	DC	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới	22° 04' 01"	105° 48' 29"					F-48-44-D-c
thôn Có Làng	DC	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới	22° 04' 19"	105° 47' 02"					F-48-44-D-c
khau Củm	SV	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới	22° 05' 52"	105° 46' 51"					F-48-44-D-c
thôn Khau Chủ	DC	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới	22° 03' 18"	105° 47' 02"					F-48-44-D-c
khau Mạt	SV	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới	22° 03' 26"	105° 46' 29"					F-48-44-D-c
thôn Nà Đon	DC	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới	22° 04' 41"	105° 48' 32"					F-48-44-D-c
suối Nà Đon	TV	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới			22° 04' 57"	105° 48' 33"	22° 03' 40"	105° 48' 18"	F-48-44-D-c
thôn Nà Khám	DC	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới	22° 02' 38"	105° 47' 24"					F-48-44-D-c
thôn Nà Rẫy	DC	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới	22° 04' 16"	105° 48' 29"					F-48-44-D-c
suối Nà Rẫy	TV	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới			22° 03' 58"	105° 47' 22"	22° 03' 41"	105° 48' 16"	F-48-44-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phiêng Khảo	DC	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới	22° 03' 36"	105° 48' 18"					F-48-44-D-c
suối Piêng Khảo (Pjêng Khảo)	TV	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới			22° 02' 07"	105° 48' 13"	22° 02' 35"	105° 47' 28"	F-48-44-D-c
suối Quang Làng	TV	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới			22° 04' 46"	105° 47' 04"	22° 02' 45"	105° 47' 32"	F-48-44-D-c
khuổi Riềng	TV	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới			22° 03' 40"	105° 48' 14"	22° 02' 44"	105° 47' 35"	F-48-44-D-c
hồ Tân Minh	TV	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới	22° 04' 48"	105° 47' 07"					F-48-44-D-c
thôn Bản Chằng	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 57' 43"	105° 58' 37"					F-A-56-B-b
suối Bản Chằng	TV	xã Yên Cư	H. Chợ Mới			21° 58' 35"	105° 57' 33"	21° 57' 18"	105° 59' 50"	F-48-56-B-b
thôn Bản Cháo	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 59' 53"	105° 55' 41"					F-A-56-B-b
thôn Bản Rịa	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 57' 04"	105° 59' 38"					F-A-56-B-b
suối Bản Rịa	TV	xã Yên Cư	H. Chợ Mới			21° 56' 46"	105° 57' 26"	21° 57' 32"	105° 59' 52"	F-48-56-B-b
thôn Bản Tám	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 58' 01"	105° 56' 24"					F-A-56-B-b
thôn Đon Nhậu	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 57' 29"	105° 56' 31"					F-A-56-B-b
thôn Đon Qui	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 56' 49"	105° 56' 56"					F-A-56-B-b
núi Khưa Luông	SV	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 59' 08"	105° 55' 53"					F-48-56-B-b
khau Luông	SV	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 58' 47"	105° 57' 42"					F-48-56-B-b
thôn Nà Hoáng	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 56' 35"	105° 57' 25"					F-A-56-B-b
thôn Nà Hoạt	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 58' 44"	105° 55' 34"					F-A-56-B-b
suối Nà Hoạt	TV	xã Yên Cư	H. Chợ Mới			21° 58' 33"	105° 55' 33"	21° 56' 47"	105° 57' 25"	F-48-56-B-b
thôn Nà Lín	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 57' 22"	105° 57' 00"					F-A-56-B-b
thôn Nà Pạn	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 57' 00"	105° 57' 11"					F-A-56-B-b
thôn Nà Riền	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 56' 56"	105° 56' 56"					F-A-56-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nậm Lín	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 57' 36"	105° 56' 13"					F-A-56-B-b
thôn Phiêng Đướng (Phjêng Đướng)	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 57' 43"	105° 56' 31"					F-A-56-B-b
thôn Thái Lao	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 58' 48"	105° 53' 53"					F-A-56-B-b
núi Thăn Chom	SV	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 58' 12"	105° 56' 44"					F-48-56-B-b
khuổi Thây	TV	xã Yên Cư	H. Chợ Mới			22° 57' 58"	106° 01' 17"	21° 57' 19"	106° 59' 51"	F-48-57-A-a F-48-56-B-b
chợ Tình	KX	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 56' 23"	105° 57' 14"					F-A-56-B-b
quốc lộ 3	KX	xã Yên Đĩnh	H. Chợ Mới			21° 54' 30"	105° 47' 30"	21° 53' 16"	105° 46' 59"	F-48-56-B-a
núi Ang Ông	SV	xã Yên Đĩnh	H. Chợ Mới	21° 54' 07"	105° 47' 58"					F-48-56-B-a
sông Cầu	TV	xã Yên Đĩnh	H. Chợ Mới			21° 54' 13"	105° 47' 43"	21° 52' 13"	105° 47' 37"	F-48-56-B-a F-48-56-B-c
núi Cha Cướm	SV	xã Yên Đĩnh	H. Chợ Mới	21° 55' 21"	105° 46' 42"					F-48-56-B-a
núi Hang Chùa	SV	xã Yên Đĩnh	H. Chợ Mới	21° 52' 52"	105° 47' 16"					F-48-56-B-a
thôn Hin Chiêng	DC	xã Yên Đĩnh	H. Chợ Mới	21° 53' 17"	105° 48' 07"					F-A-56-B-a
khuổi Hòn	TV	xã Yên Đĩnh	H. Chợ Mới			21° 54' 43"	105° 46' 37"	21° 53' 28"	105° 46' 58"	F-48-56-B-a
thôn Nà Coóc	DC	xã Yên Đĩnh	H. Chợ Mới	21° 53' 46"	105° 48' 07"					F-A-56-B-a
thôn Nà Hin	DC	xã Yên Đĩnh	H. Chợ Mới	21° 52' 30"	105° 47' 42"					F-A-56-B-c
thôn Nà Khon	DC	xã Yên Đĩnh	H. Chợ Mới	21° 53' 49"	105° 46' 59"					F-A-56-B-a
thôn Nà Mố	DC	xã Yên Đĩnh	H. Chợ Mới	21° 54' 14"	105° 47' 28"					F-A-56-B-a
thôn Nặm Bó	DC	xã Yên Đĩnh	H. Chợ Mới	21° 53' 10"	105° 47' 10"					F-A-56-B-a
thôn Pác Slan	DC	xã Yên Đĩnh	H. Chợ Mới	21° 52' 30"	105° 47' 10"					F-A-56-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Suổi Hón	DC	xã Yên Đĩnh	H. Chợ Mới	21° 54' 29"	105° 46' 59"					F-A-56-B-a
thôn Tát Kheo	DC	xã Yên Đĩnh	H. Chợ Mới	21° 54' 47"	105° 46' 34"					F-A-56-B-a
thôn Teng	DC	xã Yên Đĩnh	H. Chợ Mới	21° 53' 49"	105° 47' 20"					F-A-56-B-a
thôn Tổng Cổ	DC	xã Yên Đĩnh	H. Chợ Mới	21° 53' 28"	105° 47' 28"					F-A-56-B-a
cầu Yên Đĩnh	KX	xã Yên Đĩnh	H. Chợ Mới	21° 53' 52"	105° 47' 36"					F-48-56-B-a
thôn Bản Mộc	DC	xã Yên Hân	H. Chợ Mới	21° 55' 52"	105° 56' 56"					F-A-56-B-b
thôn Bản Trang	DC	xã Yên Hân	H. Chợ Mới	21° 55' 59"	105° 57' 18"					F-A-56-B-b
núi Đán Đeng	SV	xã Yên Hân	H. Chợ Mới	21° 57' 07"	105° 55' 53"					F-48-56-B-b
thôn Nà Đon	DC	xã Yên Hân	H. Chợ Mới	21° 56' 35"	105° 56' 06"					F-A-56-B-b
suối Nà Ha	TV	xã Yên Hân	H. Chợ Mới			21° 57' 00"	105° 53' 50"	21° 55' 59"	105° 57' 01"	F-48-56-B-b
suối Nà Hoáng	TV	xã Yên Hân	H. Chợ Mới			21° 56' 04"	105° 57' 08"	21° 56' 15"	105° 57' 18"	F-48-56-B-b
thôn Nà Xao	DC	xã Yên Hân	H. Chợ Mới	21° 56' 46"	105° 56' 10"					F-A-56-B-b
núi Slìm Kim	SV	xã Yên Hân	H. Chợ Mới	21° 56' 02"	105° 57' 41"					F-48-56-B-b
thôn Thôm Chiều	DC	xã Yên Hân	H. Chợ Mới	21° 56' 06"	105° 56' 20"					F-A-56-B-b
thôn Trà Lấu	DC	xã Yên Hân	H. Chợ Mới	21° 55' 52"	105° 55' 59"					F-A-56-B-b
cầu Tranh	KX	TT. Yên Lạc	H. Na Rì	22° 14' 04"	106° 10' 44"					F-48-45-C-b
quốc lộ 3B	KX	TT. Yên Lạc	H. Na Rì			22° 14' 54"	106° 11' 07"	22° 14' 29"	106° 10' 01"	F-48-45-C-b
sông Bắc Giang	TV	TT. Yên Lạc	H. Na Rì			22° 14' 30"	106° 10' 48"	22° 14' 06"	106° 11' 24"	F-48-45-C-b
thôn Bản Bia	DC	TT. Yên Lạc	H. Na Rì	22° 14' 33"	106° 11' 17"					F-48-45-C-b
thôn Bản Pò	DC	TT. Yên Lạc	H. Na Rì	22° 14' 12"	106° 10' 26"					F-48-45-C-b
thôn Giả Dìa	DC	TT. Yên Lạc	H. Na Rì	22° 13' 18"	106° 10' 21"					F-48-45-C-b
cầu Hát Deng	KX	TT. Yên Lạc	H. Na Rì	22° 14' 27"	106° 11' 04"					F-48-45-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Hon	SV	TT. Yên Lạc	H. Na Rì	22° 13' 38"	106° 10' 06"					F-48-45-C-b
thôn Nà Đăng	DC	TT. Yên Lạc	H. Na Rì	22° 13' 48"	106° 10' 33"					F-48-45-C-b
thôn Pàn Chầu	DC	TT. Yên Lạc	H. Na Rì	22° 14' 05"	106° 10' 55"					F-48-45-C-b
núi Chỉnh Nặm	SV	xã Ân Tỉnh	H. Na Rì	22° 13' 48"	106° 04' 49"					F-48-45-C-a
thôn Cốc Rầy	DC	xã Ân Tỉnh	H. Na Rì	22° 12' 03"	106° 04' 40"					F-48-45-C-a
thôn Khau Ngại	DC	xã Ân Tỉnh	H. Na Rì	22° 13' 18"	106° 05' 16"					F-48-45-C-a
thôn Nà Dường	DC	xã Ân Tỉnh	H. Na Rì	22° 12' 39"	106° 04' 46"					F-48-45-C-a
suối Nà Dường	TV	xã Ân Tỉnh	H. Na Rì			22° 10' 26"	106° 04' 15"	22° 12' 25"	106° 04' 45"	F-48-45-C-a
thôn Nà Lẹng	DC	xã Ân Tỉnh	H. Na Rì	22° 13' 33"	106° 05' 22"					F-48-45-C-a
suối Nà Toàn	TV	xã Ân Tỉnh	H. Na Rì			22° 12' 37"	106° 04' 52"	22° 14' 07"	106° 05' 27"	F-48-45-C-a
khau Ngại	SV	xã Ân Tỉnh	H. Na Rì	22° 13' 42"	106° 05' 51"					F-48-45-C-a
thôn Thẳm Mu	DC	xã Ân Tỉnh	H. Na Rì	22° 11' 37"	106° 04' 04"					F-48-45-C-a
quốc lộ 3B	KX	xã Côn Minh	H. Na Rì			22° 06' 55"	106° 02' 21"	22° 06' 03"	105° 58' 15"	F-48-45-C-c F-48-44-D-d
thôn Bản Cào	DC	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 08' 47"	105° 59' 54"					F-48-44-D-b
thôn Bản Cuôn	DC	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 07' 49"	106° 00' 09"					F-48-45-C-a
khu Bản Đâng	DC	xã Côn Minh	H. Na Rì	2° 20' 74"	105° 58' 43"					F-48-44-D-d
thôn Bản Lài	DC	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 06' 39"	105° 58' 49"					F-48-44-D-d
khau Cằm	SV	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 06' 47"	106° 00' 35"					F-48-45-C-c
núi Cạm Quang	SV	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 09' 07"	106° 00' 19"					F-48-45-C-a
thôn Chè Cọ	DC	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 07' 54"	106° 01' 45"					F-48-45-C-a
thôn Chợ	DC	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 07' 43"	106° 01' 12"					F-48-45-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cốc Keng	DC	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 10' 32"	106° 03' 06"					F-48-45-C-a
núi Cốc Sỏ	SV	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 07' 25"	105° 57' 54"					F-48-44-D-d
Khu Cốc Xa	DC	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 09' 29"	106° 02' 22"					F-48-45-C-a
cầu Côn Minh	KX	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 07' 42"	106° 01' 12"					F-48-45-C-a
khu Khuổi Lẹt	DC	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 07' 03"	106° 00' 42"					F-48-45-C-c
suối Khuổi Pậu	TV	xã Côn Minh	H. Na Rì			22° 09' 35"	105° 58' 32"	22° 08' 45"	106° 00' 06"	F-48-44-D-b F-48-45-C-a
khuổi Lẹt	TV	xã Côn Minh	H. Na Rì			22° 06' 58"	105° 56' 49"	22° 07' 42"	106° 01' 11"	F-48-44-D-b F-48-45-C-a
núi Lủng Pảng	SV	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 11' 06"	106° 03' 03"					F-48-45-C-a
thôn Lủng Vang	DC	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 06' 40"	105° 59' 18"					F-48-44-D-d
thôn Nà Cằm	DC	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 07' 08"	106° 00' 46"					F-48-45-C-c
suối Nà Cằm	TV	xã Côn Minh	H. Na Rì			22° 08' 15"	105° 58' 42"	22° 07' 59"	105° 59' 45"	F-48-44-D-b
cầu Nà Cằm	KX	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 07' 04"	106° 00' 18"					F-48-45-C-c
thôn Nà Làng	DC	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 07' 51"	106° 00' 36"					F-48-45-C-a
thôn Nà Ngoàn	DC	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 07' 18"	106° 01' 59"					F-48-45-C-c
thôn Nà Thỏa	DC	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 06' 54"	105° 59' 33"					F-48-44-D-d
khu Nà Tiệu	DC	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 07' 52"	106° 00' 56"					F-48-45-C-a
suối Nà Tiệu	TV	xã Côn Minh	H. Na Rì			22° 08' 00"	105° 59' 46"	22° 07' 41"	106° 01' 09"	F-48-44-D-b
núi Phia Ca Vặn (Phja Ca Vặn)	SV	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 07' 24"	106° 00' 00"					F-48-45-C-c
núi Phia Giường (Phja Giường)	SV	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 08' 19"	106° 01' 46"					F-48-45-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Phia Húc (Phja Húc)	SV	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 09' 36"	106° 02' 39"					F-48-45-C-a
sông Phong	TV	xã Côn Minh	H. Na Rì			22° 07' 41"	106° 01' 09"	22° 06' 52"	106° 02' 20"	F-48-44-C-a F-48-45-C-c
núi Thôm Pục	SV	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 09' 27"	105° 59' 42"					F-48-44-D-b
đường tỉnh 256	KX	xã Cư Lễ	H. Na Rì			22° 09' 43"	106° 07' 51"	22° 08' 24"	106° 07' 18"	F-48-45-C-b F-48-45-C-a
quốc lộ 279	KX	xã Cư Lễ	H. Na Rì			22° 10' 19"	106° 08' 22"	22° 05' 04"	106° 08' 22"	F-48-45-C-b F-48-45-C-d
suối Cư Lễ	TV	xã Cư Lễ	H. Na Rì			22° 05' 03"	106° 08' 20"	22° 10' 33"	106° 07' 32"	F-48-45-C-d F-48-45-C-b
khuổi Cuồng	TV	xã Cư Lễ	H. Na Rì			22° 07' 37"	106° 08' 02"	22° 07' 57"	106° 08' 58"	F-48-45-C-b
khuổi Hang Tát	TV	xã Cư Lễ	H. Na Rì			22° 09' 21"	106° 10' 54"	22° 09' 47"	106° 09' 21"	F-48-45-C-b
khuổi Phàn	TV	xã Cư Lễ	H. Na Rì			22° 08' 37"	106° 10' 20"	22° 09' 42"	106° 09' 42"	F-48-45-C-b
khuổi Quăn	TV	xã Cư Lễ	H. Na Rì			22° 07' 17"	106° 10' 41"	22° 07' 45"	106° 09' 03"	F-48-45-C-d F-48-45-C-b
quốc lộ 3B	KX	xã Cư Lễ	H. Na Rì			22° 10' 55"	106° 08' 44"	22° 08' 24"	106° 07' 18"	F-48-45-C-b F-48-45-C-a
thôn Bản Pò	DC	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 09' 26"	106° 09' 30"					F-48-45-C-b
cầu Bản Pò	KX	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 08' 53"	106° 09' 15"					F-48-45-C-b
cầu Cư Lễ 1	KX	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 09' 48"	106° 07' 57"					F-48-45-C-b
cầu Cư Lễ 2	KX	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 10' 07"	106° 08' 11"					F-48-45-C-b
núi Đông Khoáp	SV	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 08' 07"	106° 07' 45"					F-48-45-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Kéo Đeng	DC	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 10' 27"	106° 07' 58"					F-48-45-C-b
thôn Khau An	DC	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 10' 21"	106° 08' 19"					F-48-45-C-b
thôn Khau Pần	DC	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 09' 38"	106° 07' 47"					F-48-45-C-b
thôn Khuổi Quân	DC	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 09' 56"	106° 10' 30"					F-48-45-C-b
thôn Nà Dài	DC	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 08' 30"	106° 07' 23"					F-48-45-C-a
thôn Nà Lẹng	DC	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 08' 57"	106° 09' 15"					F-48-45-C-b
thôn Pác Phàn	DC	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 09' 49"	106° 09' 15"					F-48-45-C-b
cầu Pác Phàn	KX	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 09' 48"	106° 09' 25"					F-48-45-C-b
thôn Phia Khao (Phja Khao)	DC	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 09' 50"	106° 08' 08"					F-48-45-C-b
núi Phia Ngần (Phja Ngầm)	SV	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 07' 39"	106° 10' 40"					F-48-45-C-b
núi Pò Chè	SV	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 10' 55"	106° 07' 54"					F-48-45-C-b
thôn Pò Pái	DC	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 09' 58"	106° 08' 45"					F-48-45-C-b
thôn Pò Rì	DC	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 10' 41"	106° 08' 33"					F-48-45-C-b
thôn Sắc Sái	DC	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 07' 13"	106° 08' 50"					F-48-45-C-d
quốc lộ 3B	KX	xã Cường Lợi	H. Na Rì			22° 17' 28"	106° 13' 06"	22° 16' 01"	106° 11' 48"	F-48-45-A-d
suối Cường Lợi	TV	xã Cường Lợi	H. Na Rì			22° 16' 05"	106° 14' 12"	22° 16' 52"	106° 10' 58"	F-48-45-A-d
khau Giàng	SV	xã Cường Lợi	H. Na Rì	22° 16' 23"	106° 13' 32"					F-48-45-A-d
khau Hoi	SV	xã Cường Lợi	H. Na Rì	22° 17' 42"	106° 12' 15"					F-48-45-A-d
thôn Khau Vang	DC	xã Cường Lợi	H. Na Rì	22° 16' 48"	106° 13' 59"					F-A-45-A-d
thôn Nà Chè	DC	xã Cường Lợi	H. Na Rì	22° 16' 58"	106° 12' 15"					F-A-45-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Nà Chè	KX	xã Cường Lợi	H. Na Rì	22° 16' 46"	106° 12' 18"					F-48-45-A-d
thôn Nà Đeng	DC	xã Cường Lợi	H. Na Rì	22° 16' 52"	106° 12' 34"					F-A-45-A-d
thôn Nà Khưa	DC	xã Cường Lợi	H. Na Rì	22° 16' 53"	106° 11' 45"					F-A-45-A-d
thôn Nà Nưa	DC	xã Cường Lợi	H. Na Rì	22° 16' 25"	106° 13' 25"					F-A-45-A-d
thôn Nà Sla	DC	xã Cường Lợi	H. Na Rì	22° 16' 31"	106° 12' 03"					F-A-45-A-d
thôn Nặm Dắm	DC	xã Cường Lợi	H. Na Rì	22° 15' 54"	106° 14' 33"					F-A-45-A-d
đèo Nóc Mò	SV	xã Cường Lợi	H. Na Rì	22° 17' 11"	106° 12' 34"					F-48-45-A-d
thôn Phia Đén (Phja Đén)	DC	xã Cường Lợi	H. Na Rì	22° 16' 11"	106° 13' 20"					F-A-45-A-d
thôn Pò Nim	DC	xã Cường Lợi	H. Na Rì	22° 15' 55"	106° 12' 32"					F-A-45-A-d
khau Ruộng	SV	xã Cường Lợi	H. Na Rì	22° 17' 18"	106° 11' 03"					F-48-45-A-d
suối Slọ Giàng	TV	xã Cường Lợi	H. Na Rì			22° 17' 25"	106° 11' 59"	22° 16' 53"	106° 11' 01"	F-48-45-A-d
nậm Giàng	TV	xã Đồng Xá	H. Na Rì			22° 02' 12"	106° 00' 44"	22° 00' 11"	106° 02' 19"	F-48-45-C-c
thôn Chợ Chùa	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 02' 19"	106° 00' 46"					F-48-45-C-c
thôn Kẹn Cò	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 01' 08"	106° 01' 39"					F-48-45-C-c
suối Khuổi Cáy	TV	xã Đồng Xá	H. Na Rì			21° 57' 33"	105° 59' 52"	22° 00' 11"	106° 01' 09"	F-48-56-B-b F-48-57-A-a
khu Khuổi Duốc	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 00' 23"	105° 57' 53"					F-48-44-D-d
núi Khuổi Hoi	SV	xã Đồng Xá	H. Na Rì	21° 59' 47"	105° 59' 39"					F-48-56-B-b
thôn Khuổi Nà	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	21° 59' 36"	105° 59' 08"					F-48-56-B-b
khu Khuổi Tè	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 00' 44"	105° 58' 19"					F-48-44-D-d
khu Khuổi Trác	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 01' 36"	106° 01' 42"					F-48-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Lòn	TV	xã Đồng Xá	H. Na Rì			22° 02' 58"	106° 00' 58"	22° 01' 59"	106° 00' 53"	F-48-45-C-c
khu Lũng Hản	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 02' 10"	105° 58' 41"					F-48-44-D-d
thôn Lũng Tao	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	21° 59' 24"	105° 57' 09"					F-48-56-B-b
khau Luông	SV	xã Đồng Xá	H. Na Rì	21° 59' 58"	105° 57' 56"					F-48-56-B-b
khau Mẹc	SV	xã Đồng Xá	H. Na Rì	21° 59' 39"	105° 57' 40"					F-48-56-B-b
khau Mẹo	SV	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 00' 46"	105° 57' 48"					F-48-44-D-d
suối Nà Cà	TV	xã Đồng Xá	H. Na Rì			22° 01' 48"	105° 58' 11"	22° 02' 12"	106° 00' 44"	F-48-44-D-d F-48-45-C-c
thôn Nà Khanh	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 01' 38"	106° 00' 35"					F-48-45-C-c
thôn Nà Quản	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 02' 02"	106° 00' 58"					F-48-45-C-c
thôn Nà Thác	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 00' 12"	105° 58' 46"					F-48-44-D-d
núi Nà Thác	SV	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 01' 33"	105° 59' 06"					F-48-44-D-d
suối Nà Thác	TV	xã Đồng Xá	H. Na Rì			22° 00' 52"	105° 59' 58"	22° 00' 11"	106° 01' 09"	F-48-44-D-d F-48-45-C-c
thôn Nà Vạng	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 02' 31"	106° 02' 03"					F-48-45-C-c
thôn Nặm Giàng	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 00' 36"	106° 02' 01"					F-48-45-C-c
sông Nặm Giàng	TV	xã Đồng Xá	H. Na Rì			21° 59' 54"	106° 01' 50"	22° 00' 12"	106° 02' 27"	F-48-57-A-a F-48-45-C-c
khu Pắc Cham	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	21° 59' 29"	106° 00' 45"					F-48-57-A-a
khu Phiêng Nằn (Phjêng Nằn)	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	21° 59' 15"	105° 58' 31"					F-48-56-B-b
núi Phiêng Nằn (Phjêng Nằn)	SV	xã Đồng Xá	H. Na Rì	21° 58' 50"	105° 58' 45"					F-48-56-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Pia Ràng (Pja Ràng)	SV	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 02' 56"	106° 00' 24"					F-48-45-C-c
núi Thác Riềng	SV	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 00' 10"	105° 59' 12"					F-48-44-D-d
khu Vàng Nọi	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 02' 17"	106° 02' 21"					F-48-45-C-c
khu Xoi Mòn	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	21° 59' 36"	105° 58' 14"					F-48-56-B-b
khuổi Kheo	TV	xã Dương Sơn	H. Na Rì			22° 03' 28"	106° 01' 36"	22° 03' 57"	106° 04' 31"	F-48-45-C-c
thôn Khung Xa	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 04' 37"	106° 05' 09"					F-48-45-C-c
khu Khuổi A	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 02' 57"	106° 05' 12"					F-48-45-C-c
khu Khuổi Húng	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 04' 11"	106° 02' 12"					F-48-45-C-c
thôn Khuổi Kheo	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 03' 39"	106° 01' 38"					F-48-45-C-c
khu Khuổi Ròn	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 03' 20"	106° 01' 26"					F-48-45-C-c
thôn Khuổi Sluôn	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 03' 20"	106° 04' 12"					F-48-45-C-c
thôn Khuổi Trang	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 03' 21"	106° 04' 42"					F-48-45-C-c
cầu Khuổi Trang	KX	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 03' 20"	106° 04' 40"					F-48-45-C-c
núi Lẩy Bường	SV	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 04' 27"	106° 02' 14"					F-48-45-C-c
thôn Lủng Chanh	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 03' 59"	106° 02' 00"					F-48-45-C-c
khau Mu	SV	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 04' 36"	106° 03' 40"					F-48-45-C-c
thôn Nà Cà	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 05' 02"	106° 05' 19"					F-48-45-C-c
thôn Nà Cai	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 03' 01"	106° 04' 34"					F-48-45-C-c
khu Nà Củn	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 04' 19"	106° 04' 55"					F-48-45-C-c
thôn Nà Khoa	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 03' 12"	106° 02' 36"					F-48-45-C-c
thôn Nà Mình	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 04' 03"	106° 04' 12"					F-48-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Nen	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 03' 35"	106° 02' 12"					F-48-45-C-c
thôn Nà Ngăm	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 04' 02"	106° 03' 03"					F-48-45-C-c
thôn Nà Ngần	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 04' 53"	106° 05' 09"					F-48-45-C-c
thôn Nà Phai	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 03' 59"	106° 02' 29"					F-48-45-C-c
sông Nà Rì	TV	xã Dương Sơn	H. Na Rì			22° 03' 06"	106° 04' 32"	22° 05' 17"	106° 05' 15"	F-48-45-C-c
thôn Phiêng Nen (Phjêng Nen)	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 03' 23"	106° 00' 48"					F-48-45-C-c
thôn Rầy Ơi	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 03' 48"	106° 04' 42"					F-48-45-C-c
cầu Rầy Ơi	KX	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 04' 27"	106° 05' 06"					F-48-45-C-c
thôn Rẩy Ơi	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 04' 22"	106° 05' 06"					F-48-45-C-c
khuổi Sluôn	TV	xã Dương Sơn	H. Na Rì			22° 04' 27"	106° 03' 31"	22° 04' 08"	106° 03' 42"	F-48-45-C-c
núi Vài Cà	SV	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 03' 35"	105° 05' 53"					F-48-45-C-c
núi Xa Chao	SV	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 04' 46"	106° 05' 44"					F-48-45-C-c
quốc lộ 3B	KX	xã Hảo Nghĩa	H. Na Rì			22° 07' 23"	106° 06' 28"	22° 06' 45"	106° 03' 45"	F-48-45-C-c
khuổi Căng	TV	xã Hảo Nghĩa	H. Na Rì			22° 05' 19"	106° 03' 15"	22° 06' 37"	106° 03' 41"	F-48-45-C-c
khau Dà Tạo	SV	xã Hảo Nghĩa	H. Na Rì	22° 06' 50"	106° 04' 13"					F-48-45-C-c
cầu Hảo Nghĩa	KX	xã Hảo Nghĩa	H. Na Rì	22° 06' 28"	106° 06' 07"					F-48-45-C-c
thôn Khuổi A	DC	xã Hảo Nghĩa	H. Na Rì	22° 06' 17"	106° 06' 28"					F-A-45-C-c
khu Khuổi Thán	DC	xã Hảo Nghĩa	H. Na Rì	22° 05' 28"	106° 05' 17"					F-A-45-C-c
thôn Nà Coòng	DC	xã Hảo Nghĩa	H. Na Rì	22° 05' 46"	106° 05' 29"					F-A-45-C-c
thôn Nà Đấu	DC	xã Hảo Nghĩa	H. Na Rì	22° 06' 01"	106° 05' 33"					F-A-45-C-c
thôn Nà Liềng	DC	xã Hảo Nghĩa	H. Na Rì	22° 06' 29"	106° 05' 32"					F-A-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Nà Rì	TV	xã Hảo Nghĩa	H. Na Rì			22° 05' 16"	106° 05' 21"	22° 06' 40"	106° 06' 08"	F-48-45-C-c
thôn Nà Sát	DC	xã Hảo Nghĩa	H. Na Rì	22° 06' 48"	106° 06' 20"					F-A-45-C-c
thôn Nà Tảng	DC	xã Hảo Nghĩa	H. Na Rì	22° 06' 39"	106° 04' 42"					F-A-45-C-c
khu Nà Viện	DC	xã Hảo Nghĩa	H. Na Rì	22° 06' 33"	106° 04' 20"					F-A-45-C-c
cầu Pác A	KX	xã Hảo Nghĩa	H. Na Rì	22° 06' 23"	106° 06' 11"					F-48-45-C-c
núi Phia Lèm (Phja Lèm)	SV	xã Hảo Nghĩa	H. Na Rì	22° 05' 39"	106° 03' 26"					F-48-45-C-c
núi Phia Van (Phja Van)	SV	xã Hảo Nghĩa	H. Na Rì	22° 07' 22"	106° 07' 00"					F-48-45-C-c
núi Slam Lải	SV	xã Hảo Nghĩa	H. Na Rì	22° 06' 50"	106° 04' 13"					F-48-45-C-c
thôn Vằng Mười	DC	xã Hảo Nghĩa	H. Na Rì	22° 07' 11"	106° 06' 24"					F-A-45-C-c
quốc lộ 3B	KX	xã Hữu Thác	H. Na Rì			22° 08' 24"	106° 07' 18"	22° 07' 23"	106° 06' 28"	F-48-45-C-a F-48-44-C-c
thôn Bản Đâng	DC	xã Hữu Thác	H. Na Rì	22° 08' 11"	106° 04' 43"					F-A-45-C-a
thôn Cung Năm	DC	xã Hữu Thác	H. Na Rì	22° 07' 56"	106° 06' 44"					F-A-45-C-a
thôn Khau Moóc	DC	xã Hữu Thác	H. Na Rì	22° 08' 02"	106° 05' 52"					F-A-45-C-a
thôn Khuổi Khiếu	DC	xã Hữu Thác	H. Na Rì	22° 08' 13"	106° 06' 40"					F-A-45-C-a
thôn Khuổi Mí	DC	xã Hữu Thác	H. Na Rì	22° 07' 17"	106° 05' 29"					F-A-45-C-c
khuổi Mí	TV	xã Hữu Thác	H. Na Rì			22° 07' 18"	106° 03' 56"	22° 07' 25"	106° 06' 26"	F-A-45-C-c
thôn Nà Coóc	DC	xã Hữu Thác	H. Na Rì	22° 08' 10"	106° 05' 23"					F-A-45-C-a
khuổi Nà Coóc	TV	xã Hữu Thác	H. Na Rì			22° 08' 40"	106° 03' 11"	22° 08' 12"	106° 06' 26"	F-48-45-C-a
thôn Nà Mển	DC	xã Hữu Thác	H. Na Rì	22° 08' 14"	106° 04' 41"					F-A-45-C-a
thôn Nà Mới	DC	xã Hữu Thác	H. Na Rì	22° 08' 32"	106° 06' 12"					F-A-45-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Noọng	DC	xã Hữu Thác	H. Na Rì	22° 08' 06"	106° 06' 13"					F-A-45-C-a
sông Nà Rì	TV	xã Hữu Thác	H. Na Rì			22° 07' 17"	106° 06' 02"	22° 08' 49"	106° 06' 00"	F-48-45-C-a F-48-44-C-c
thôn Nà Vèn	DC	xã Hữu Thác	H. Na Rì	22° 07' 24"	106° 05' 45"					F-A-45-C-c
thôn Pá Phấy	DC	xã Hữu Thác	H. Na Rì	22° 07' 39"	106° 06' 02"					F-A-45-C-a
thôn Phiêng Pựt (Phjêng Pựt)	DC	xã Hữu Thác	H. Na Rì	22° 08' 24"	106° 03' 43"					F-A-45-C-a
núi Pò Cút	SV	xã Hữu Thác	H. Na Rì	22° 09' 41"	106° 03' 39"					F-48-45-C-a
khu Thôm Pằng	DC	xã Hữu Thác	H. Na Rì	22° 08' 51"	106° 03' 58"					F-A-45-C-a
khau Trạng	SV	xã Hữu Thác	H. Na Rì	22° 08' 04"	106° 06' 26"					F-48-45-C-a
núi Trạng Phồm	SV	xã Hữu Thác	H. Na Rì	22° 07' 55"	106° 03' 40"					F-48-45-C-a
quốc lộ 279	KX	xã Kim Hỷ	H. Na Rì			22° 18' 53"	106° 02' 04"	22° 17' 09"	106° 03' 27"	F-48-45-A-c
thôn Bản Kẹ	DC	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 16' 18"	106° 02' 39"					F-48-45-A-c
thôn Bản Vèn	DC	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 16' 18"	106° 02' 24"					F-48-45-A-c
thôn Bản Vin	DC	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 15' 54"	106° 01' 31"					F-48-45-A-c
núi Cốc Lồm	SV	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 14' 53"	105° 59' 11"					F-48-44-D-b
khuổi Hát	TV	xã Kim Hỷ	H. Na Rì			22° 18' 18"	106° 02' 17"	22° 17' 07"	106° 03' 26"	F-48-45-A-c
núi Keng Than	SV	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 16' 44"	106° 03' 04"					F-48-45-A-c
đèo Khau Pi	SV	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 18' 52"	106° 01' 57"					F-48-45-A-c
núi Khưa Pảo	SV	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 16' 49"	106° 02' 10"					F-48-45-A-c
thôn Khuổi Còi	DC	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 17' 29"	105° 59' 01"					F-48-44-B-d
khu Khuổi Đeng	DC	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 17' 58"	105° 58' 34"					F-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Khuổi Hát	DC	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 18' 03"	106° 02' 33"					F-48-45-A-c
thôn Khuổi Khêm	DC	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 18' 10"	106° 01' 05"					F-48-45-A-c
thôn Khuổi Phầy	DC	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 17' 10"	105° 59' 44"					F-48-44-B-d
thôn Kim Vân	DC	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 15' 28"	105° 59' 50"					F-48-44-B-d
suối Kim Vân	TV	xã Kim Hỷ	H. Na Rì			22° 16' 05"	105° 59' 34"	22° 14' 43"	106° 00' 21"	F-48-45-A-c F-48-44-B-d
thôn Nà Ản	DC	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 17' 23"	106° 03' 09"					F-48-45-A-c
thôn Nà Lác	DC	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 16' 30"	106° 02' 03"					F-48-45-A-c
thôn Nà Mỏ	DC	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 16' 41"	106° 02' 38"					F-48-45-A-c
núi Phia Cắm (Phja Cắm)	SV	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 16' 01"	106° 02' 30"					F-48-45-A-c
núi Quẩy Chòi	SV	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 16' 07"	106° 01' 04"					F-48-45-A-c
núi Slam Lái	SV	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 17' 34"	106° 00' 49"					F-48-45-A-c
khuổi Tấu	TV	xã Kim Hỷ	H. Na Rì			22° 17' 04"	106° 02' 12"	22° 17' 23"	106° 03' 04"	F-48-45-A-c
khuổi Than	TV	xã Kim Hỷ	H. Na Rì			22° 16' 40"	106° 01' 37"	22° 16' 33"	106° 03' 04"	F-48-45-A-c
sông Bắc Giang	TV	xã Kim Lư	H. Na Rì			22° 14' 06"	106° 11' 25"	22° 13' 17"	106° 13' 57"	F-48-45-C-b
thôn Bản Cháng	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 14' 54"	106° 12' 56"					F-48-45-C-b
thôn Bản Đâng	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 13' 20"	106° 11' 01"					F-48-45-C-b
khuổi Bảng	TV	xã Kim Lư	H. Na Rì			22° 12' 44"	106° 12' 58"	22° 13' 25"	106° 13' 19"	F-48-45-C-b
khuổi Bú	TV	xã Kim Lư	H. Na Rì			22° 11' 37"	106° 10' 30"	22° 12' 13"	106° 11' 30"	F-48-45-C-b
khuổi Cháng	TV	xã Kim Lư	H. Na Rì			22° 15' 10"	106° 13' 24"	22° 14' 02"	106° 12' 46"	F-48-45-A-d F-48-45-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Chìn	TV	xã Kim Lư	H. Na Rì			22° 14' 27"	106° 14' 15"	22° 13' 19"	106° 13' 58"	F-48-45-C-b
thôn Đồng Tâm	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 14' 27"	106° 12' 37"					F-48-45-C-b
thôn Háng Cáu	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 14' 18"	106° 11' 39"					F-48-45-C-b
thôn Hát Luông	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 13' 55"	106° 12' 00"					F-48-45-C-b
khuổi Kẻn	TV	xã Kim Lư	H. Na Rì			22° 14' 15"	106° 13' 56"	22° 13' 22"	106° 13' 36"	F-48-45-C-b
khuổi Khe	TV	xã Kim Lư	H. Na Rì			22° 09' 10"	106° 11' 55"	22° 12' 39"	106° 11' 56"	F-48-45-C-b
khau Khỉ Ma	SV	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 14' 42"	106° 14' 02"					F-48-45-C-b
thôn Khum Mằn	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 12' 17"	106° 10' 46"					F-48-45-C-b
thôn Khuổi Ít	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 13' 18"	106° 11' 43"					F-48-45-C-b
khu Khuổi Khe	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 10' 30"	106° 11' 54"					F-48-45-C-b
thôn Lủng Cào	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 14' 47"	106° 12' 22"					F-48-45-C-b
thôn Lủng Tao	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 14' 35"	106° 11' 41"					F-48-45-C-b
thôn Nà Đon	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 13' 40"	106° 11' 33"					F-48-45-C-b
thôn Nà Pài	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 13' 32"	106° 10' 50"					F-48-45-C-b
núi Phia Chì (Phja Chì)	SV	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 13' 11"	106° 11' 14"					F-48-45-C-b
núi Phia Mu (Phja Mu)	SV	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 12' 30"	106° 10' 31"					F-48-45-C-b
thôn Phiêng Đốc (Phjêng Đốc)	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 14' 20"	106° 12' 04"					F-48-45-C-b
thôn Pò Khiển	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 13' 54"	106° 11' 14"					F-48-45-C-b
núi Slọ Khau	SV	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 14' 26"	106° 13' 57"					F-48-45-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 3B	KX	xã Lam Sơn	H. Na Rì			2° 21' 31"	106° 10' 13"	22° 10' 56"	106° 08' 44"	F-48-45-C-b
thôn Bản Diếu	DC	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 11' 36"	106° 09' 30"					F-18-45-C-b
khau Cải	SV	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 10' 35"	106° 10' 37"					F-48-45-C-b
thôn Hát Lài	DC	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 13' 43"	106° 09' 19"					F-18-45-C-b
thôn Hợp Thành	DC	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 12' 37"	106° 08' 46"					F-18-45-C-b
thôn Khuổi Luông	DC	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 11' 17"	106° 09' 49"					F-18-45-C-b
khau Khuổi Om	SV	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 14' 20"	106° 09' 17"					F-48-45-C-b
khu Khuổi Pục	DC	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 13' 35"	106° 09' 36"					F-18-45-C-b
thôn Nà Nôm	DC	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 14' 02"	106° 09' 44"					F-18-45-C-b
khu Nà Slưa	DC	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 13' 13"	106° 08' 59"					F-18-45-C-b
thôn Pan Khe	DC	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 12' 03"	106° 09' 19"					F-18-45-C-b
núi Phia Càng (Phja Càng)	SV	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 12' 00"	106° 08' 46"					F-48-45-C-b
núi Phia Đeng (Phja Đeng)	SV	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 12' 24"	106° 08' 59"					F-48-45-C-b
khuổi Pò (Pjò)	TV	xã Lam Sơn	H. Na Rì			22° 10' 41"	106° 10' 38"	22° 11' 40"	106° 08' 31"	F-48-45-C-b
thôn Pò Chẹt	DC	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 12' 36"	106° 09' 46"					F-18-45-C-b
khu Rọ Điểng	DC	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 11' 33"	106° 08' 57"					F-18-45-C-b
cầu Tả Pải	KX	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 11' 41"	106° 09' 02"					F-48-45-C-b
thôn Thanh Sơn	DC	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 11' 06"	106° 08' 45"					F-18-45-C-b
thôn Thôm Pục	DC	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 13' 19"	106° 10' 02"					F-18-45-C-b
đường tỉnh 279	KX	xã Lạng San	H. Na Rì			22° 15' 39"	106° 05' 42"	22° 14' 42"	106° 07' 00"	F-48-45-A-c F-48-45-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Bắc Giang	TV	xã Lạng San	H. Na Rì			22° 17' 45"	106° 06' 21"	22° 17' 48"	106° 06' 47"	F-48-45-A-c F-48-45-C-a
thôn Bản Kén	DC	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 15' 22"	106° 05' 56"					F-48-45-A-c
thôn Bản Sảng	DC	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 15' 24"	106° 08' 24"					F-48-45-A-d
thôn Chợ Mới	DC	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 15' 06"	106° 06' 05"					F-48-45-A-c
thôn Khau Lạ	DC	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 15' 33"	106° 06' 15"					F-48-45-A-c
thôn Khuổi Sláp	DC	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 17' 59"	106° 06' 47"					F-48-45-A-c
cầu Lạng San	KX	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 15' 00"	106° 06' 11"					F-48-45-A-c
khu Nà Chặp	DC	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 15' 27"	106° 06' 28"					F-48-45-A-c
thôn Nà Diệc	DC	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 14' 47"	106° 06' 27"					F-48-45-C-a
thôn Nà Hưu	DC	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 16' 15"	106° 06' 16"					F-48-45-A-c
khuổi Nà Toàn	TV	xã Lạng San	H. Na Rì			22° 15' 23"	106° 05' 03"	22° 14' 38"	106° 07' 00"	F-48-45-C-a
thôn Nặm Cà	DC	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 17' 37"	106° 07' 08"					F-48-45-A-c
thôn Phiêng Bang (Phjêng Bang)	DC	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 15' 17"	106° 05' 16"					F-48-45-A-c
khu Phiêng Đét (Phjêng Đét)	DC	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 15' 14"	106° 07' 16"					F-48-45-A-c
núi Pia Khỉ Mu	SV	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 15' 08"	106° 05' 54"					F-48-45-A-c
núi Pia Nà Mười	SV	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 14' 45"	106° 04' 55"					F-48-45-C-a
khuổi Sláp	TV	xã Lạng San	H. Na Rì			22° 14' 09"	106° 05' 28"	22° 14' 45"	106° 05' 45"	F-48-45-A-c
khuổi Slúng	TV	xã Lạng San	H. Na Rì			22° 18' 22"	106° 06' 32"	22° 14' 56"	106° 06' 08"	F-48-45-A-c F-48-45-C-a
thôn To Đoóc	DC	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 14' 46"	106° 06' 50"					F-48-45-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Bó Ngần	DC	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 58' 05"	106° 04' 06"					F-A-57-A-a
khu Buốc	DC	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 57' 38"	106° 03' 48"					F-A-57-A-a
cầu Chùng Chè	KX	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 58' 13"	106° 03' 44"					F-48-57-A-a
cầu Khuổi Dân	KX	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 58' 06"	106° 03' 45"					F-48-57-A-a
thôn Khuổi Lỷ	DC	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 59' 04"	106° 04' 09"					F-A-57-A-a
thôn Khuổi Tấy	DC	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 59' 22"	106° 02' 20"					F-A-57-A-a
khau Khuổi Vài	SV	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 58' 17"	106° 04' 45"					F-48-57-A-a
cầu Khuổi Vài	KX	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 57' 57"	106° 03' 40"					F-48-57-A-a
khu Kim Pao	DC	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 58' 41"	106° 01' 57"					F-A-57-A-a
thôn Lũng Danh	DC	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 59' 04"	106° 05' 43"					F-A-57-A-a
thôn Lũng Deng	DC	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 58' 41"	106° 05' 31"					F-A-57-A-a
núi Lùng Phạ	SV	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 58' 32"	106° 06' 28"					F-48-57-A-a
núi Lủng Qua	SV	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 59' 02"	106° 06' 22"					F-48-57-A-a
thôn Nà Bó	DC	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 57' 39"	106° 04' 22"					F-A-57-A-a
thôn Nà Pì	DC	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 58' 26"	106° 03' 56"					F-A-57-A-a
suối Nà Rì	TV	xã Liêm Thủy	H. Na Rì			21° 57' 06"	106° 03' 23"	21° 58' 22"	106° 03' 57"	F-48-57-A-a
khu Nặm Cắt	DC	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 59' 54"	106° 02' 54"					F-A-57-A-a
khuổi Tấy	TV	xã Liêm Thủy	H. Na Rì			21° 58' 16"	106° 01' 49"	22° 58' 16"	106° 02' 32"	F-48-57-A-c F-48-45-C-c
suối Vài Pải	TV	xã Liêm Thủy	H. Na Rì			21° 58' 22"	106° 03' 59"	21° 59' 44"	106° 03' 59"	F-48-57-A-a
khau Vàng Kheo	SV	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 59' 19"	106° 01' 39"					F-48-57-A-a
cầu Vàng Kheo	KX	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 57' 52"	106° 03' 43"					F-48-57-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Xa Đeo	SV	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 57' 13"	106° 03' 24"					F-48-57-A-a
núi Xa Toọc	SV	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 57' 26"	106° 03' 57"					F-48-57-A-a
cầu Xa Xe	KX	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 59' 27"	106° 03' 58"					F-48-57-A-a
quốc lộ 3B	KX	xã Lương Hạ	H. Na Rì			22° 16' 01"	106° 11' 48"	22° 14' 54"	106° 11' 07"	F-48-45-A-d F-48-45-C-b
sông Bắc Giang	TV	xã Lương Hạ	H. Na Rì			22° 14' 08"	106° 09' 45"	22° 14' 09"	106° 10' 15"	F-48-45-C-b
khu Đốc Kén	DC	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 15' 31"	106° 11' 07"					F-48-45-A-d
khuổi Hai	TV	xã Lương Hạ	H. Na Rì			22° 15' 33"	106° 10' 00"	22° 15' 28"	106° 10' 56"	F-48-45-A-d
khu Hát Mèo	DC	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 16' 06"	106° 10' 55"					F-48-45-A-d
thôn Khuổi Nằn	DC	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 14' 34"	106° 09' 53"					F-48-45-C-b
thôn Khuổi Nằn 1	DC	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 15' 21"	106° 09' 20"					F-48-45-A-d
thôn Khuổi Nằn 2	DC	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 15' 39"	106° 10' 08"					F-48-45-A-d
thôn Nà Hin	DC	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 14' 51"	106° 11' 03"					F-48-45-C-b
thôn Nà Khun	DC	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 15' 40"	106° 11' 36"					F-48-45-A-d
thôn Nà Lẹng	DC	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 15' 20"	106° 11' 24"					F-48-45-A-d
núi Nà Lưa	SV	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 16' 30"	106° 11' 10"					F-48-45-A-d
khu Nà Mò	DC	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 15' 10"	106° 10' 58"					F-48-45-A-d
khu Nà Ỏ	DC	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 15' 07"	106° 11' 19"					F-48-45-A-d
thôn Nà Slang	DC	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 16' 16"	106° 10' 43"					F-48-45-A-d
núi Phia Trạng (Phja Trạng)	SV	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 16' 16"	106° 10' 04"					F-48-45-A-d
khu Phiêng Trang (Phjêng Trang)	DC	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 14' 39"	106° 10' 46"					F-48-45-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pia A Nằn (Pja A Nằn)	SV	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 14' 39"	106° 09' 21"					F-48-45-C-b
núi Pia Nằn (Pja Nằn)	SV	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 14' 48"	106° 08' 37"					F-48-45-C-b
khuổi Slang	TV	xã Lương Hạ	H. Na Rì			22° 15' 16"	106° 09' 15"	22° 14' 27"	106° 10' 27"	F-48-45-A-d F-48-45-C-b
suối Tả Pìn	TV	xã Lương Hạ	H. Na Rì			22° 16' 48"	106° 10' 49"	22° 14' 38"	106° 10' 54"	F-48-45-A-d
quốc lộ 279	KX	xã Lương Thành	H. Na Rì			22° 14' 42"	106° 07' 01"	22° 12' 22"	106° 07' 58"	F-48-45-C-a F-48-45-C-b
sông Bắc Giang	TV	xã Lương Thành	H. Na Rì			22° 14' 39"	106° 07' 03"	22° 12' 31"	106° 08' 32"	F-48-45-C-a F-48-45-C-b
thôn Bản Chang	DC	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 13' 32"	106° 06' 53"					F-48-45-C-a
khuổi Đẳng	TV	xã Lương Thành	H. Na Rì			22° 14' 42"	106° 08' 08"	22° 14' 21"	106° 07' 42"	F-48-45-C-b
thôn Khuổi Kháp	DC	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 13' 02"	106° 07' 12"					F-48-45-C-a
khu Khuổi Tát	DC	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 13' 26"	106° 07' 55"					F-48-45-C-b
núi Lủng Queng	SV	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 13' 59"	106° 07' 00"					F-48-45-C-a
khu Nà Đăng	DC	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 14' 32"	106° 07' 33"					F-48-45-C-b
cầu Nà Đăng	KX	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 14' 24"	106° 07' 43"					F-48-45-C-b
thôn Nà Kèn	DC	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 13' 11"	106° 08' 15"					F-48-45-C-b
thôn Nà Khon	DC	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 13' 27"	106° 07' 33"					F-48-45-C-b
thôn Nà Pàn	DC	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 13' 13"	106° 06' 15"					F-48-45-C-a
thôn Pác Cáp	DC	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 13' 00"	106° 07' 51"					F-48-45-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Pác Cáp	KX	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 12' 48"	106° 07' 55"					F-48-45-C-b
núi Phia Slầy (Phja Slầy)	SV	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 14' 22"	106° 08' 12"					F-48-45-C-b
thôn Phiêng Cuôn (Phjêng Cuôn)	DC	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 13' 56"	106° 08' 20"					F-48-45-C-b
khu Phiêng Hẩu (Phjêng Hẩu)	DC	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 14' 16"	106° 08' 30"					F-48-45-C-b
khuổi Po	TV	xã Lương Thành	H. Na Rì			22° 12' 21"	106° 05' 36"	22° 13' 33"	106° 07' 24"	F-48-45-C-a
thôn Thôm Quặng	DC	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 13' 27"	106° 07' 19"					F-48-45-C-a
thôn Xói Cải	DC	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 13' 58"	106° 07' 25"					F-48-45-C-a
đường tỉnh 279	KX	xã Lương Thượng	H. Na Rì			22° 17' 09"	106° 03' 27"	22° 15' 39"	106° 05' 42"	F-48-45-A-c
sông Bắc Giang	TV	xã Lương Thượng	H. Na Rì			22° 19' 16"	106° 04' 18"	22° 15' 23"	106° 05' 03"	F-48-45-A-c
thôn Bản Giang	DC	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 15' 41"	106° 04' 57"					F-48-45-A-c
khu Hang Cáu	DC	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 15' 41"	106° 04' 50"					F-48-45-A-c
khuổi Hát	TV	xã Lương Thượng	H. Na Rì			22° 17' 08"	106° 03' 27"	22° 16' 47"	106° 03' 58"	F-48-45-A-c
khau Khá	SV	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 16' 04"	106° 04' 39"					F-48-45-A-c
suối Khuổi Can	TV	xã Lương Thượng	H. Na Rì			22° 16' 56"	106° 04' 44"	22° 16' 41"	106° 03' 57"	F-48-45-A-c
suối Khuổi Giang	TV	xã Lương Thượng	H. Na Rì			22° 16' 05"	106° 05' 33"	22° 15' 24"	106° 05' 04"	F-48-45-A-c
suối Khuổi Lịa	TV	xã Lương Thượng	H. Na Rì			22° 17' 32"	106° 05' 34"	22° 15' 39"	106° 04' 46"	F-48-45-A-c
cầu Khuổi Lịa	KX	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 15' 46"	106° 04' 52"					F-48-45-A-c
thôn Khuổi Nộc	DC	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 18' 21"	106° 04' 36"					F-48-45-A-c
khu Khuổi Phấy	DC	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 18' 58"	106° 04' 04"					F-48-45-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Lịa	SV	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 16' 26"	106° 05' 25"					F-48-45-A-c
núi Lùng Phắc (Lùng Phjắc)	SV	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 15' 33"	106° 03' 28"					F-48-45-A-c
khu Nà Choóng	DC	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 17' 03"	106° 04' 07"					F-48-45-A-c
thôn Nà Làng	DC	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 16' 14"	106° 04' 12"					F-48-45-A-c
núi Nà Mừn	SV	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 15' 28"	106° 05' 22"					F-48-45-A-c
núi Nặm Nộc	SV	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 15' 58"	106° 03' 07"					F-48-45-A-c
khu Pác Pạng	DC	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 19' 06"	106° 04' 55"					F-48-45-A-c
thôn Pàn Xả	DC	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 15' 52"	106° 04' 35"					F-48-45-A-c
núi Phia Cò Nọi (Phja Cò Nọi)	SV	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 15' 08"	106° 04' 40"					F-48-45-A-c
núi Phia Đeng (Phja Đeng)	SV	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 16' 08"	106° 03' 24"					F-48-45-A-c
núi Slam Slẩu	SV	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 15' 17"	106° 03' 44"					F-48-45-A-c
cầu Vằng Đeng	KX	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 16' 46"	106° 04' 00"					F-48-45-A-c
thôn Vằng Khít	DC	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 15' 31"	106° 04' 18"					F-48-45-A-c
quốc lộ 3B	KX	xã Quang Phong	H. Na Rì			22° 06' 46"	106° 03' 45"	22° 06' 55"	106° 02' 23"	F-48-45-C-c
thôn Ca Đoỏng	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 05' 33"	106° 01' 50"					F-48-45-C-c
khuổi Can	TV	xã Quang Phong	H. Na Rì			22° 08' 41"	106° 02' 44"	22° 07' 03"	106° 02' 49"	F-48-45-C-a F-48-45-C-c
khau Đình	SV	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 05' 23"	106° 00' 08"					F-48-45-C-c
khau Hin	SV	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 04' 54"	106° 01' 31"					F-48-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hin Toọc	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 05' 03"	106° 01' 51"					F-48-45-C-c
thôn Khuổi Căng	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 05' 19"	106° 03' 08"					F-48-45-C-c
thôn Khuổi Cảng	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 08' 08"	106° 03' 01"					F-48-45-C-a
khau Mèn	SV	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 08' 28"	106° 02' 21"					F-48-45-C-a
thôn Nà Buốc	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 06' 57"	106° 02' 51"					F-48-45-C-c
thôn Nà Chiêng	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 04' 12"	106° 00' 21"					F-48-45-C-c
thôn Nà Đán	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 06' 53"	106° 03' 10"					F-48-45-C-c
khu Nà Giàng	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 04' 12"	106° 00' 53"					F-48-45-C-c
thôn Nà Lay	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 06' 09"	106° 02' 23"					F-48-45-C-c
thôn Nà Mạ	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 04' 43"	106° 00' 32"					F-48-45-C-c
thôn Na Rẩy	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 05' 22"	106° 01' 49"					F-48-45-C-c
núi Nà Tảng	SV	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 04' 51"	106° 01' 05"					F-48-45-C-c
khu Nà Tha	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 04' 22"	106° 00' 29"					F-48-45-C-c
suối Nà Tha	TV	xã Quang Phong	H. Na Rì			22° 03' 46"	105° 58' 19"	22° 05' 29"	106° 01' 56"	F-48-44-D-d F-48-45-C-c
khu Nà Thẳm	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 08' 41"	106° 02' 47"					F-48-45-C-a
thôn Nà Vả	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 06' 10"	106° 01' 32"					F-48-45-C-c
khuổi Nen	TV	xã Quang Phong	H. Na Rì			22° 04' 39"	106° 01' 56"	22° 05' 29"	106° 01' 56"	F-48-45-C-c
suối Pác Cáp	TV	xã Quang Phong	H. Na Rì			22° 05' 29"	106° 01' 56"	22° 06' 54"	106° 02' 36"	F-48-45-C-c
núi Phia Khuốc (Phja Khuốc)	SV	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 04' 21"	106° 00' 45"					F-48-45-C-c
thôn Phiêng Quân (Phjêng Quân)	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 06' 23"	106° 00' 41"					F-48-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Quan Làng	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 06' 19"	106° 02' 15"					F-48-45-C-c
suối Quang Phong	TV	xã Quang Phong	H. Na Rì			22° 06' 52"	106° 02' 20"	22° 06' 59"	106° 03' 37"	F-48-45-C-c
cầu Quang Phong	KX	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 07' 04"	106° 02' 49"					F-48-45-C-c
núi Quang Quỷnh	SV	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 04' 25"	106° 00' 14"					F-48-45-C-c
thôn Tham Không	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 06' 03"	106° 01' 19"					F-48-45-C-c
suối Tham Không	TV	xã Quang Phong	H. Na Rì			22° 06' 19"	106° 00' 07"	22° 05' 59"	106° 02' 09"	F-48-45-C-c
lũng Đeng	SV	xã Văn Học	H. Na Rì	22° 15' 50"	106° 09' 03"					F-48-45-A-d
khau Hung	SV	xã Văn Học	H. Na Rì	22° 18' 10"	106° 08' 19"					F-48-45-A-d
thôn Nà Ca	DC	xã Văn Học	H. Na Rì	22° 16' 49"	106° 07' 35"					F-48-45-A-d
thôn Nà Cằm	DC	xã Văn Học	H. Na Rì	22° 17' 23"	106° 09' 05"					F-48-45-A-d
thôn Nà Tát	DC	xã Văn Học	H. Na Rì	22° 16' 55"	106° 09' 38"					F-48-45-A-d
suối Nà Tát	TV	xã Văn Học	H. Na Rì			22° 16' 32"	106° 07' 39"	22° 16' 33"	106° 10' 21"	F-48-45-A-d
thôn Pò Cạu	DC	xã Văn Học	H. Na Rì	22° 17' 40"	106° 08' 45"					F-48-45-A-d
thôn Pò Lải	DC	xã Văn Học	H. Na Rì	22° 17' 28"	106° 08' 45"					F-48-45-A-d
thôn Pò Pheo	DC	xã Văn Học	H. Na Rì	22° 17' 17"	106° 07' 48"					F-48-45-A-d
thôn Pò Rản	DC	xã Văn Học	H. Na Rì	22° 17' 35"	106° 08' 02"					F-48-45-A-d
thôn Thôm Bả	DC	xã Văn Học	H. Na Rì	22° 17' 01"	106° 08' 13"					F-48-45-A-d
quốc lộ 279	KX	xã Văn Minh	H. Na Rì			22° 12' 20"	106° 07' 57"	22° 11' 33"	106° 08' 39"	F-48-45-C-b
thôn Khuổi Liềng	DC	xã Văn Minh	H. Na Rì	22° 11' 16"	106° 06' 24"					F-48-45-C-a
thôn Khuổi Tục	DC	xã Văn Minh	H. Na Rì	22° 09' 48"	106° 05' 58"					F-48-45-C-a
khuổi Liềng	TV	xã Văn Minh	H. Na Rì			22° 10' 41"	106° 04' 58"	22° 11' 07"	106° 07' 24"	F-48-45-C-a
núi Lũng Đàm	SV	xã Văn Minh	H. Na Rì	22° 10' 48"	106° 05' 33"					F-48-45-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Nà Đang	DC	xã Văn Minh	H. Na Rì	22° 10' 29"	106° 06' 54"					F-48-45-C-a
thôn Nà Deng	DC	xã Văn Minh	H. Na Rì	22° 10' 17"	106° 07' 01"					F-48-45-C-a
thôn Nà Dụ	DC	xã Văn Minh	H. Na Rì	22° 11' 33"	106° 07' 41"					F-48-45-C-b
thôn Nà Mực	DC	xã Văn Minh	H. Na Rì	22° 09' 45"	106° 06' 30"					F-48-45-C-a
thôn Nà Ngòa	DC	xã Văn Minh	H. Na Rì	22° 10' 28"	106° 06' 47"					F-48-45-C-a
thôn Nà Piẹt	DC	xã Văn Minh	H. Na Rì	22° 09' 11"	106° 06' 07"					F-48-45-C-a
thôn Nà Rèng	DC	xã Văn Minh	H. Na Rì	22° 10' 12"	106° 06' 52"					F-48-45-C-a
sông Nà Rì	TV	xã Văn Minh	H. Na Rì			22° 08' 51"	106° 05' 59"	22° 12' 22"	106° 07' 56"	F-48-45-C-a F-48-45-C-b
thôn Nà Ro	DC	xã Văn Minh	H. Na Rì	22° 09' 17"	106° 06' 31"					F-48-45-C-a
thôn Pác Ban	DC	xã Văn Minh	H. Na Rì	22° 10' 54"	106° 07' 17"					F-48-45-C-a
núi Phia Cang (Phja Cang)	SV	xã Văn Minh	H. Na Rì	22° 11' 16"	106° 08' 17"					F-48-45-C-b
núi Phia Liềng (Phja Liềng)	SV	xã Văn Minh	H. Na Rì	22° 11' 58"	106° 06' 48"					F-48-45-C-a
núi Pia Lũng Sao (Pja Lũng Sao)	SV	xã Văn Minh	H. Na Rì	22° 12' 25"	106° 06' 07"					F-48-45-C-a
khuổi Piệt (Pjệt)	TV	xã Văn Minh	H. Na Rì			22° 09' 12"	106° 04' 07"	22° 09' 00"	106° 06' 04"	F-48-45-C-a
khuổi Pio	TV	xã Văn Minh	H. Na Rì			22° 11' 45"	106° 08' 41"	22° 12' 15"	106° 07' 52"	F-48-45-C-b
cầu Pio	KX	xã Văn Minh	H. Na Rì	22° 12' 01"	106° 08' 07"					F-48-45-C-b
thôn Tồng Kạng	DC	xã Văn Minh	H. Na Rì	22° 08' 55"	106° 06' 16"					F-48-45-C-a
khuổi Tục	TV	xã Văn Minh	H. Na Rì			22° 10' 00"	106° 03' 32"	22° 09' 34"	106° 06' 19"	F-48-45-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Xiên	KX	xã Văn Minh	H. Na Rì	22° 11' 33"	106° 08' 39"					F-48-45-C-b
thôn Bản Đâng	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 17' 52"	106° 10' 23"					F-48-45-A-d
khu Bản Pìn	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 18' 01"	106° 10' 11"					F-48-45-A-d
suối Bản Pìn	TV	xã Vũ Loan	H. Na Rì			22° 23' 04"	106° 09' 55"	22° 18' 47"	106° 09' 43"	F-48-45-A-b
khuổi Cạn	TV	xã Vũ Loan	H. Na Rì			22° 22' 29"	106° 11' 30"	22° 21' 21"	106° 11' 09"	F-48-45-A-d
thôn Chang Ngòa	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 20' 32"	106° 10' 35"					F-48-45-A-d
khu Cốc Tào	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 18' 37"	106° 06' 55"					F-48-45-A-c
khau Đanh	SV	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 20' 55"	106° 11' 57"					F-48-45-A-d
khau Đin	SV	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 21' 46"	106° 10' 02"					F-48-45-A-d
khuổi Hủ	TV	xã Vũ Loan	H. Na Rì			22° 19' 19"	106° 10' 52"	22° 19' 09"	106° 08' 52"	F-48-45-A-c F-48-45-A-d
khu Khau Đin	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 21' 28"	106° 09' 04"					F-48-45-A-d
khu Khau Nóc	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 22' 39"	105° 09' 32"					F-48-45-A-b
khu Khau Riểm	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 23' 07"	106° 11' 09"					F-48-45-A-b
thôn Khuổi Mụ	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 18' 05"	106° 11' 21"					F-48-45-A-d
thôn Khuổi Vạc	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 19' 07"	106° 09' 16"					F-48-45-A-d
khuổi Khuông	TV	xã Vũ Loan	H. Na Rì			22° 19' 03"	106° 11' 48"	22° 18' 29"	106° 10' 03"	F-48-45-A-d
khuổi Mụ	TV	xã Vũ Loan	H. Na Rì			22° 17' 54"	106° 12' 16"	22° 17' 49"	106° 10' 13"	F-48-45-A-d
khu Nà Mài	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 19' 22"	106° 09' 56"					F-48-45-A-d
thôn Nà Quáng	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 17' 41"	106° 10' 37"					F-48-45-A-d
khu Nà Rặng	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 20' 13"	106° 10' 26"					F-48-45-A-d
khu Nà Tùm	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 19' 17"	106° 08' 46"					F-48-45-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Nà Ván	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 18' 42"	106° 09' 51"					F-48-45-A-d
khau Nghiềng	SV	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 17' 10"	106° 10' 29"					F-48-45-A-d
khau Nóc	SV	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 22' 39"	106° 09' 32"					F-48-45-A-b
khau Rãnh	SV	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 19' 41"	106° 07' 54"					F-48-45-A-d
khuổi Rịa	TV	xã Vũ Loan	H. Na Rì			22° 20' 58"	106° 09' 42"	22° 19' 17"	106° 09' 02"	F-48-45-A-d
khau Riểm	SV	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 23' 07"	106° 11' 09"					F-48-45-A-b
khuổi Slặc	TV	xã Vũ Loan	H. Na Rì			22° 20' 26"	106° 06' 57"	22° 18' 47"	106° 09' 43"	F-48-45-A-c F-48-45-A-d
thôn Thôm Eng	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 19' 55"	106° 08' 19"					F-48-45-A-d
thôn Thôm Khinh	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 19' 06"	106° 09' 54"					F-48-45-A-d
thôn Thôm Khon	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 21' 12"	106° 11' 05"					F-48-45-A-d
khau Vài Nèo	SV	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 19' 20"	106° 07' 00"					F-48-45-A-c
khau Làng Ca	SV	xã Xuân Dương	H. Na Rì	22° 01' 39"	106° 05' 25"					F-48-45-C-c
thôn Bắc Sen	DC	xã Xuân Dương	H. Na Rì	22° 01' 06"	106° 03' 18"					F-A-45-C-c
khu Bản Trắng	DC	xã Xuân Dương	H. Na Rì	22° 02' 00"	106° 04' 58"					F-A-45-C-c
thôn Cốc Càng	DC	xã Xuân Dương	H. Na Rì	22° 02' 11"	106° 04' 49"					F-A-45-C-c
cầu Cốc Càng	KX	xã Xuân Dương	H. Na Rì	22° 01' 53"	106° 04' 29"					F-48-45-C-c
thôn Cốc Duống	DC	xã Xuân Dương	H. Na Rì	22° 01' 45"	106° 04' 28"					F-A-45-C-c
nậm Giàng	TV	xã Xuân Dương	H. Na Rì			22° 00' 24"	106° 02' 50"	22° 01' 37"	106° 05' 00"	F-48-45-C-c
thôn Nà Dăm	DC	xã Xuân Dương	H. Na Rì	22° 00' 57"	106° 04' 44"					F-A-45-C-c
cầu Nà Khum	KX	xã Xuân Dương	H. Na Rì	22° 00' 15"	106° 04' 00"					F-48-45-C-c
thôn Nà Nhạc	DC	xã Xuân Dương	H. Na Rì	22° 02' 24"	106° 04' 05"					F-A-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Nhàng	DC	xã Xuân Dương	H. Na Rì	22° 01' 30"	106° 03' 50"					F-A-45-C-c
sông Nà Rì	TV	xã Xuân Dương	H. Na Rì			22° 01' 37"	106° 05' 00"	22° 03' 06"	106° 04' 32"	F-48-45-C-c
thôn Nà Trang	DC	xã Xuân Dương	H. Na Rì	22° 00' 42"	106° 05' 45"					F-A-45-C-c
suối Nà Trang	TV	xã Xuân Dương	H. Na Rì			22° 00' 33"	106° 06' 18"	22° 01' 00"	106° 04' 22"	F-48-45-C-c
cầu Pác A	KX	xã Xuân Dương	H. Na Rì	22° 02' 52"	106° 04' 38"					F-48-45-C-c
khau Thẳm Mạ	SV	xã Xuân Dương	H. Na Rì	22° 02' 27"	106° 02' 49"					F-48-45-C-c
khu Thâm San	DC	xã Xuân Dương	H. Na Rì	22° 00' 36"	106° 04' 11"					F-A-45-C-c
cầu Thâm Slan	KX	xã Xuân Dương	H. Na Rì	22° 01' 00"	106° 04' 26"					F-48-45-C-c
suối Thang Nà	TV	xã Xuân Dương	H. Na Rì			22° 02' 00"	106° 04' 15"	22° 01' 53"	106° 05' 15"	F-48-45-C-c
suối Thôm San	TV	xã Xuân Dương	H. Na Rì			21° 59' 44"	106° 03' 59"	22° 01' 36"	106° 05' 00"	F-48-57-A-a F-48-45-C-c
núi Xa Khao	SV	xã Xuân Dương	H. Na Rì	22° 01' 03"	106° 05' 11"					F-48-45-C-c
tiểu khu 1	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 22' 32"	105° 53' 26"					F-48-44-B-b
tiểu khu 2	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 22' 45"	105° 53' 28"					F-48-44-B-b
tiểu khu 3	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 22' 58"	105° 53' 49"					F-48-44-B-b
mỏ Đá Cây Si	KX	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 23' 59"	105° 55' 53"					F-48-44-B-b
thôn Bản Cầy	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 21' 25"	105° 53' 19"					F-48-44-B-d
thôn Bản Hùa	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 20' 50"	105° 53' 19"					F-48-44-B-d
cầu Bản Hùa	KX	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 20' 29"	105° 53' 22"					F-48-44-B-d
thôn Bản Mạch	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 23' 46"	105° 55' 30"					F-48-44-B-b
cầu Bản Mạch	KX	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 23' 38"	105° 55' 29"					F-48-44-B-b
thôn Cốc Pái	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 24' 15"	105° 52' 24"					F-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cốc Tào	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 21' 42"	105° 53' 30"					F-48-44-B-d
thôn Cốc Xá	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 24' 18"	105° 56' 10"					F-48-44-B-b
thôn Công Quản	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 23' 09"	105° 55' 02"					F-48-44-B-b
công ty Đường 132	KX	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 20' 33"	105° 53' 14"					F-48-44-B-d
suối Hà Hiệu	TV	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn			22° 23' 39"	105° 53' 03"	22° 24' 30"	105° 52' 00"	F-48-44-B-a F-48-44-B-b
suối Khuổi Chù	TV	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn			22° 22' 05"	105° 52' 38"	22° 21' 58"	105° 53' 14"	F-48-44-B-d
cầu Khuổi Thây	KX	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 22' 17"	105° 53' 16"					F-48-44-B-d
thôn Lũng Lịa	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 24' 13"	105° 54' 57"					F-48-44-B-b
cầu Lũng Lịa	KX	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 23' 26"	105° 54' 19"					F-48-44-B-b
thôn Lùng Nhá	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 22' 20"	105° 54' 19"					F-48-44-B-d
cầu Nà Coóc	KX	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 24' 18"	105° 52' 31"					F-48-44-B-b
thôn Nà Duồng	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 23' 08"	105° 53' 24"					F-48-44-B-b
suối Nà Duồng	TV	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn			22° 23' 12"	105° 51' 48"	22° 23' 39"	105° 53' 02"	F-48-44-B-a F-48-44-B-b
cầu Nà Ha	KX	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 21' 14"	105° 53' 14"					F-48-44-B-d
thôn Nà Kèng	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 23' 51"	105° 52' 56"					F-48-44-B-b
thôn Nà Khoang	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 22' 51"	105° 54' 50"					F-48-44-B-b
khu du lịch Nà Khoang	KX	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 23' 04"	105° 55' 36"					F-48-44-B-b
thôn Nà Này	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 22' 42"	105° 53' 51"					F-48-44-B-b
thôn Nà Nọi	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 23' 28"	105° 55' 34"					F-48-44-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Pán	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 22' 34"	105° 53' 38"					F-48-44-B-b
suối Nà Phặc	TV	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn			22° 20' 24"	105° 53' 45"	22° 23' 39"	105° 53' 03"	F-48-44-B-b F-48-44-B-d
suối Nà Phặc	TV	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn			22° 22' 58"	105° 55' 31"	22° 22' 38"	105° 53' 42"	F-48-44-B-b
cầu Nà Phặc	KX	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 22' 45"	105° 53' 27"					F-48-44-B-b
thôn Nà Tò	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 24' 01"	105° 52' 38"					F-48-44-B-b
suối Nà Tò	TV	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn			22° 23' 18"	105° 51' 32"	22° 23' 55"	105° 52' 44"	F-48-44-B-a F-48-44-B-b
thôn Phia Chang (Phja Chang)	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 22' 09"	105° 55' 46"					F-48-44-B-d
núi Vẹ Chánh	SV	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 20' 45"	105° 52' 50"					F-48-44-B-d
suối Bằng Khẩu	TV	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn			22° 28' 58"	106° 03' 19"	22° 27' 36"	106° 03' 19"	F-48-45-A-a
thôn Bể Lê	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 33' 07"	106° 04' 51"					F-48-33-C-c
núi Bể Lê	SV	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 32' 57"	106° 05' 21"					F-48-33-C-c
thôn Cốc Lải	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 28' 50"	106° 02' 52"					F-48-45-A-a
thôn Đông Chót	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 28' 35"	106° 02' 55"					F-48-45-A-a
suối Đông Chót	TV	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn			22° 28' 25"	106° 01' 36"	22° 29' 15"	106° 04' 10"	F-48-45-A-a
núi Kéo Cột	SV	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 30' 37"	106° 06' 31"					F-48-33-C-c
núi Khau Bồ	SV	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 32' 34"	106° 04' 51"					F-48-33-C-c
khau Khau Khom	SV	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 27' 58"	106° 04' 24"					F-48-45-A-a
thôn Khau Phoòng	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 29' 51"	106° 06' 15"					F-48-45-A-a
suối Khau Phoòng	TV	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn			22° 29' 51"	106° 04' 49"	22° 30' 10"	106° 07' 01"	F-48-45-A-a F-48-33-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khau Slạo	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 28' 42"	106° 04' 03"					F-48-45-A-a
thôn Khinh Héo	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 29' 36"	106° 05' 54"					F-48-45-A-a
suối Khinh Héo	TV	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn			22° 27' 17"	106° 05' 36"	22° 29' 56"	106° 06' 22"	F-48-45-A-a
thôn Khu C	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 27' 59"	106° 03' 17"					F-48-45-A-a
thôn Khu Chợ	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 28' 22"	106° 03' 00"					F-48-45-A-a
thôn Khu Chợ AB	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 28' 15"	106° 03' 12"					F-48-45-A-a
thôn Khuổi Ngọa	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 30' 58"	106° 04' 32"					F-48-33-C-c
thôn Khuổi Pục	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 28' 35"	106° 05' 16"					F-48-45-A-a
thôn Khuổi Sặt	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 30' 31"	106° 03' 59"					F-48-33-C-c
thôn Khuổi Sli	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 31' 11"	106° 05' 20"					F-48-33-C-c
thôn Lủng Slao	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 30' 22"	106° 03' 25"					F-48-33-C-c
thôn Lũng Vài	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 27' 36"	106° 04' 38"					F-48-45-A-a
cầu Nà Slú	KX	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 29' 17"	106° 03' 32"					F-48-45-A-a
thôn Nặm Nộc	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 30' 03"	106° 04' 20"					F-48-33-C-c
nậm Nộc	TV	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn			22° 29' 15"	106° 04' 10"	22° 29' 51"	106° 04' 49"	F-48-45-A-a
thôn Nưa Phia (Nưa Phja)	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 28' 01"	106° 01' 36"					F-48-45-A-a
thôn Pác Nạn	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 29' 49"	106° 05' 07"					F-48-45-A-a
núi Phia Đen (Phja Đen)	SV	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 31' 09"	106° 04' 39"					F-48-33-C-c
thôn Pù Mò	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 29' 07"	106° 03' 23"					F-48-45-A-a
thôn Bản Páu	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 30' 31"	105° 57' 58"					F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bản Pồm	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 29' 12"	105° 56' 47"					F-48-44-B-b
suối Bản Pồm	TV	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn			22° 28' 58"	105° 55' 09"	22° 30' 06"	105° 57' 25"	F48-44-B-b F-48-32-D
thôn Bản Sù	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 30' 22"	105° 57' 15"					F-48-32-D
thôn Cốc Phia (Cốc Phja)	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 29' 30"	105° 57' 08"					F-48-44-B-b
thôn Hoàng Phài	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 29' 59"	105° 58' 18"					F-48-44-B-b
khau Kẹt	SV	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 29' 40"	105° 54' 52"					F-48-44-B-b
thôn Khuổi Diến	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 30' 33"	105° 59' 07"					F-48-32-D
thôn Khuổi Hẻo	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 28' 14"	105° 54' 57"					F-48-44-B-b
thôn Khuổi Ngoài	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 31' 08"	105° 55' 45"					F-48-32-D
thôn Khuổi Xương	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 31' 31"	105° 56' 22"					F-48-32-D
núi Khuổi Xương	SV	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 31' 39"	105° 56' 04"					F-48-32-D
thôn Lủng Viền	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 27' 58"	105° 55' 17"					F-48-44-B-b
thôn Nà Cha	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 29' 55"	105° 58' 35"					F-48-44-B-b
thôn Nà Coọt	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 30' 20"	105° 58' 19"					F-48-32-D
thôn Nà Ngàn	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 29' 16"	105° 58' 05"					F-48-44-B-b
thôn Phia Cao (Phja Cao)	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 31' 09"	105° 58' 40"					F-48-32-D
thôn Phiêng Lèng (Phjêng Lèng)	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 28' 54"	105° 54' 23"					F-48-44-B-b
núi Phiêng Nà (Phjêng Nà)	SV	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 31' 34"	105° 57' 24"					F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phiêng Sloỏng (Phjêng Sloỏng)	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 27' 25"	105° 55' 55"					F-48-44-B-b
thôn Pù Có	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 29' 09"	105° 55' 53"					F-48-44-B-b
núi Sloỏng	SV	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 29' 37"	105° 55' 33"					F-48-44-B-b
suối Ta Cáy	TV	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn			22° 30' 06"	105° 57' 25"	22° 30' 33"	105° 59' 23"	F-48-32-D
thôn Tát Sịa	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 28' 14"	105° 57' 23"					F-48-44-B-b
thôn Thôm Sinh	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 28' 36"	105° 56' 19"					F-48-44-B-b
khau Xiểm	SV	xã Đức Vân	H. Ngân Sơn	22° 26' 53"	106° 05' 01"					F-48-45-A-a
thôn Bản Chang	DC	xã Đức Vân	H. Ngân Sơn	22° 26' 52"	106° 01' 05"					F-48-45-A-a
hồ Bản Chang	TV	xã Đức Vân	H. Ngân Sơn	22° 27' 15"	106° 01' 27"					F-48-45-A-a
suối Bản Chang	TV	xã Đức Vân	H. Ngân Sơn			22° 27' 23"	106° 01' 38"	22° 28' 16"	106° 02' 32"	F-48-45-A-a
thôn Bản Đăm	DC	xã Đức Vân	H. Ngân Sơn	22° 26' 43"	106° 02' 11"					F-48-45-A-a
thôn Bản Duồi	DC	xã Đức Vân	H. Ngân Sơn	22° 27' 30"	106° 03' 35"					F-48-45-A-a
thôn Bản Tặc	DC	xã Đức Vân	H. Ngân Sơn	22° 27' 20"	106° 02' 54"					F-48-45-A-a
mỏ đá Bản Tặc	KX	xã Đức Vân	H. Ngân Sơn	22° 27' 20"	106° 02' 15"					F-48-45-A-a
thôn Nậm Làng	DC	xã Đức Vân	H. Ngân Sơn	22° 26' 06"	106° 05' 20"					F-48-45-A-a
thôn Phiêng Dượng (Phjêng Dượng)	DC	xã Đức Vân	H. Ngân Sơn	22° 26' 22"	106° 03' 26"					F-48-45-A-a
thôn Quan Làng	DC	xã Đức Vân	H. Ngân Sơn	22° 27' 40"	106° 01' 55"					F-48-45-A-a
thôn Bản Cấu	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 18' 28"	105° 57' 07"					F-48-44-B-d
thôn Bản Quản	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 18' 44"	105° 56' 47"					F-48-44-B-d
thôn Cốc Duốc	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 17' 45"	105° 57' 51"					F-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khuổi Ôn	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 18' 36"	105° 57' 57"					F-48-44-B-d
thôn Lủng Ngù	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 17' 55"	105° 56' 49"					F-48-44-B-d
thôn Nà Bản	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 19' 24"	105° 57' 11"					F-48-44-B-d
thôn Nà Cà Ngoài	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 18' 52"	105° 56' 02"					F-48-44-B-d
thôn Nà Cà Trong	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 18' 31"	105° 55' 57"					F-48-44-B-d
thôn Nà Càng	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 18' 36"	105° 57' 16"					F-48-44-B-d
thôn Nà Mò	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 18' 45"	105° 56' 20"					F-48-44-B-d
thôn Nà Nặc 1	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 19' 48"	105° 58' 12"					F-48-44-B-d
thôn Nà Nặc 2	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 19' 31"	105° 57' 53"					F-48-44-B-d
thôn Nặm Dân	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 18' 28"	105° 58' 23"					F-48-44-B-d
thôn Nặm Nầu	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 19' 02"	105° 55' 42"					F-48-44-B-d
thôn Phia Giang (Phja Giang)	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 17' 27"	106° 57' 32"					F-48-44-B-d
thôn Phiêng Pục (Phjêng Pục)	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 18' 50"	105° 57' 03"					F-48-44-B-d
núi Slam Lái	SV	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 18' 05"	105° 56' 04"					F-48-44-B-d
đường tỉnh 279	KX	xã Lãng Ngâm	H. Ngân Sơn			22° 18' 43"	105° 54' 04"	22° 19' 04"	105° 54' 25"	F-48-44-B-d
thôn Bản Khét	DC	xã Lãng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 20' 30"	105° 54' 14"					F-48-44-B-d
thôn Bó Lếch	DC	xã Lãng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 20' 07"	105° 54' 05"					F-48-44-B-d
thôn Bó Tình	DC	xã Lãng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 17' 55"	105° 54' 35"					F-48-44-B-d
thôn Củm Nhá	DC	xã Lãng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 21' 11"	105° 54' 22"					F-48-44-B-d
khuổi Dà	TV	xã Lãng Ngâm	H. Ngân Sơn			22° 19' 12"	105° 54' 20"	22° 20' 24"	105° 53' 44"	F-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Đuống	TV	xã Lãng Ngâm	H. Ngân Sơn			22° 19' 05"	105° 55' 25"	22° 19' 12"	105° 54' 20"	F-48-44-B-d
đèo Giàng	SV	xã Lãng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 17' 52"	105° 54' 14"					F-48-44-B-d
đèo Khau Keng	SV	xã Lãng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 18' 57"	105° 55' 08"					F-48-44-B-d
thôn Khuổi Bốc	DC	xã Lãng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 19' 48"	105° 54' 02"					F-48-44-B-d
núi Lủng Ruốc	SV	xã Lãng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 20' 34"	105° 55' 48"					F-48-44-B-d
núi Lủng Vài	SV	xã Lãng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 19' 38"	105° 54' 51"					F-48-44-B-d
thôn Lũng Vài	DC	xã Lãng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 19' 40"	105° 55' 25"					F-48-44-B-d
khuổi My	TV	xã Lãng Ngâm	H. Ngân Sơn			22° 19' 31"	105° 54' 07"	22° 20' 03"	105° 54' 05"	F-48-44-B-d
thôn Nà Lạn	DC	xã Lãng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 19' 35"	105° 54' 15"					F-48-44-B-d
thôn Nà Toòng	DC	xã Lãng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 18' 22"	105° 55' 10"					F-48-44-B-d
thôn Nà Vài	DC	xã Lãng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 18' 46"	105° 05' 40"					F-48-44-B-d
cầu Nà Vài	KX	xã Lãng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 18' 29"	105° 54' 28"					F-48-44-B-d
thôn Phặc Lốm	DC	xã Lãng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 19' 56"	105° 54' 28"					F-48-44-B-d
thôn Phia Khao (Phja Khao)	DC	xã Lãng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 21' 01"	105° 55' 08"					F-48-44-B-d
khau Phung	SV	xã Lãng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 19' 08"	105° 53' 08"					F-48-44-B-d
thôn Pù Cà	DC	xã Lãng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 19' 09"	105° 54' 08"					F-48-44-B-d
thôn Slam Pác	DC	xã Lãng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 19' 09"	105° 54' 27"					F-48-44-B-d
đường tỉnh 279	KX	xã Thuần Mang	H. Ngân Sơn			22° 20' 00"	105° 58' 40"	22° 18' 52"	106° 01' 57"	F-48-44-B-d F-48-45-A-c
thôn Bản Băng	DC	xã Thuần Mang	H. Ngân Sơn	22° 20' 44"	106° 00' 02"					F-48-45-A-c
thôn Bản Giang	DC	xã Thuần Mang	H. Ngân Sơn	22° 20' 25"	106° 00' 44"					F-48-45-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bản Giang	TV	xã Thuần Mang	H. Ngân Sơn			22° 21' 12"	106° 00' 13"	22° 19' 21"	106° 01' 11"	F-48-45-A-c
thôn Bản Lìm	DC	xã Thuần Mang	H. Ngân Sơn	22° 19' 02"	106° 00' 29"					F-48-45-A-c
suối Bản Lìm	TV	xã Thuần Mang	H. Ngân Sơn			22° 18' 32"	105° 58' 40"	22° 19' 21"	106° 01' 11"	F-48-44-B-d F-48-45-A-c
thôn Củm Nhương	DC	xã Thuần Mang	H. Ngân Sơn	22° 21' 28"	105° 57' 24"					F-48-44-B-d
thôn Đông Tạc	DC	xã Thuần Mang	H. Ngân Sơn	22° 21' 02"	105° 57' 12"					F-48-44-B-d
thôn Khau Thốc	DC	xã Thuần Mang	H. Ngân Sơn	22° 20' 15"	106° 01' 54"					F-48-45-A-c
thôn Khon Đoóc	DC	xã Thuần Mang	H. Ngân Sơn	22° 20' 06"	105° 59' 22"					F-48-44-B-d
thôn Khu Chợ	DC	xã Thuần Mang	H. Ngân Sơn	22° 20' 28"	106° 00' 20"					F-48-45-A-c
thôn Khuổi Cháp	DC	xã Thuần Mang	H. Ngân Sơn	22° 18' 54"	105° 59' 32"					F-48-44-B-d
thôn Khuổi Lầy	DC	xã Thuần Mang	H. Ngân Sơn	22° 18' 54"	106° 03' 00"					F-48-45-A-c
thôn Khuổi Phấy	DC	xã Thuần Mang	H. Ngân Sơn	22° 18' 58"	106° 03' 58"					F-48-45-A-c
thôn Khuổi Tục	DC	xã Thuần Mang	H. Ngân Sơn	22° 20' 24"	105° 59' 04"					F-48-44-B-d
thôn Lũng Miệng	DC	xã Thuần Mang	H. Ngân Sơn	22° 20' 44"	105° 56' 34"					F-48-44-B-d
thôn Nà Chúa	DC	xã Thuần Mang	H. Ngân Sơn	22° 19' 23"	106° 01' 16"					F-48-45-A-c
suối Nà Chúa	TV	xã Thuần Mang	H. Ngân Sơn			22° 19' 21"	106° 01' 11"	22° 19' 32"	106° 04' 25"	F-48-45-A-c
thôn Nà Coóc	DC	xã Thuần Mang	H. Ngân Sơn	22° 19' 46"	106° 03' 00"					F-48-45-A-c
thôn Nà Mu	DC	xã Thuần Mang	H. Ngân Sơn	22° 20' 22"	105° 59' 44"					F-48-44-B-d
khau Phạ	SV	xã Thuần Mang	H. Ngân Sơn	22° 20' 54"	106° 01' 21"					F-48-45-A-c
khau Tán	SV	xã Thuần Mang	H. Ngân Sơn	22° 20' 13"	105° 57' 37"					F-48-44-B-d
thôn Tàng Vài	DC	xã Thuần Mang	H. Ngân Sơn	22° 19' 06"	106° 00' 14"					F-48-45-A-c
thôn Thôm Án	DC	xã Thuần Mang	H. Ngân Sơn	22° 20' 35"	105° 56' 38"					F-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thôm Tà	DC	xã Thuần Mang	H. Ngân Sơn	22° 21' 07"	105° 57' 55"					F-48-44-B-d
thôn Bản É	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 32' 37"	106° 01' 38"					F-48-33-C-c
thôn Bản Luộc	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 29' 25"	106° 01' 22"					F-48-45-A-a
thôn Bản Slành	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 30' 48"	106° 01' 23"					F-48-33-C-c
thôn Cắn Pèo	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 28' 45"	105° 59' 40"					F-48-44-B-b
thôn Cốc Mặn	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 31' 39"	106° 00' 56"					F-48-33-C-c
thôn Duồm A	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 29' 34"	106° 00' 21"					F-48-45-A-a
thôn Duồm B	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 29' 26"	105° 59' 57"					F-48-44-B-b
thôn Khưa Nam	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 30' 42"	106° 02' 31"					F-48-33-C-c
thôn Khuổi Coóc	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 32' 58"	106° 02' 47"					F-48-33-C-c
thôn Khuổi Pán	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 28' 21"	105° 59' 54"					F-48-44-B-b
thôn Khuổi Slảo	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 32' 27"	106° 00' 47"					F-48-33-C-c
thôn Nà Bưa	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 30' 02"	106° 01' 41"					F-48-33-C-c
thôn Nà Choán	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 30' 12"	106° 01' 38"					F-48-33-C-c
thôn Nà Hin	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 30' 21"	106° 01' 20"					F-48-33-C-c
thôn Nà Pài	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 31' 05"	106° 01' 18"					F-48-33-C-c
thôn Nà Sáng	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 30' 52"	106° 00' 32"					F-48-33-C-c
thôn Nà Y	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 30' 41"	106° 00' 45"					F-48-33-C-c
thôn Phiêng Cháo (Phjêng Cháo)	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 34' 14"	106° 03' 37"					F-48-33-C-c
thôn Phiêng Khít (Phjêng Khít)	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 28' 40"	106° 01' 29"					F-48-45-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Roỏng Tặc	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 29' 55"	106° 00' 18"					F-48-45-A-a
thôn Roỏng Thù	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 31' 07"	106° 00' 28"					F-48-33-C-c
suối Tà Cáy	TV	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn			22° 28' 49"	105° 59' 18"	22° 34' 14"	106° 03' 48"	F-48-32-D F-48-33-C-c
thôn Thẳm Ông	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 30' 41"	106° 01' 42"					F-48-33-C-c
thôn Bản Hòa	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 26' 15"	105° 53' 05"					F-48-44-B-b
thôn Bản Phạc	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 24' 54"	105° 53' 34"					F-48-44-B-b
suối Bản Phạc	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 24' 50"	105° 53' 54"	22° 24' 27"	105° 52' 50"	F-48-44-B-b
thôn Bản Phắng	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 24' 58"	105° 54' 44"					F-48-44-B-b
suối Bản Phắng	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 25' 46"	105° 55' 13"	22° 24' 50"	105° 53' 54"	F-48-44-B-b
thôn Bằng Lãng	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 24' 13"	106° 00' 34"					F-48-45-A-a
thôn Bó Mòn	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 26' 06"	105° 55' 43"					F-48-44-B-b
thôn Cảng Cào	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 28' 06"	105° 53' 32"					F-48-44-B-b
nậm Chang	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 21' 03"	106° 06' 53"	22° 19' 33"	106° 04' 24"	F-48-45-A-c
nậm Chảng	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 23' 56"	106° 07' 19"	22° 21' 03"	106° 06' 53"	F-48-45-A-a F-48-45-A-a
khuổi Cho	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			2° 22' 15"	105° 59' 12"	22° 21' 23"	106° 00' 14"	F-48-45-B-d
thôn Cò Luồng	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 22' 19"	106° 00' 16"					F-48-45-A-c
thôn Cốc Lùng	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 21' 23"	106° 02' 02"					F-48-45-A-c
suối Cốc Lùng	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 21' 11"	106° 01' 24"	22° 21' 26"	106° 03' 11"	F-48-45-A-c
thôn Đông Van	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 22' 31"	105° 59' 51"					F-48-44-B-b
núi Khao Con	SV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 25' 49"	106° 02' 16"					F-48-45-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khôn Pì	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 22' 57"	106° 01' 11"					F-48-45-A-a
thôn Khuổi Đăm	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 24' 44"	106° 02' 23"					F-48-45-A-a
thôn Khuổi Đoảng	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 24' 38"	106° 05' 18"					F-48-45-A-a
thôn Khuổi Khương	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 24' 00"	106° 01' 42"					F-48-45-A-a
núi Khuổi Moọng	SV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 23' 59"	106° 06' 27"					F-48-45-A-a
thôn Khuổi Sầu	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 21' 05"	106° 03' 26"					F-48-45-A-c
thôn Khuổi Tro	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 21' 20"	106° 00' 08"					F-48-45-A-c
thôn Ma Nòn	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 24' 15"	106° 03' 07"					F-48-45-A-a
mỏ vàng Ma Nu	KX	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 25' 14"	106° 04' 20"					F-48-45-A-a
thôn Nà Chúa	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 25' 00"	105° 52' 38"					F-48-44-B-b
suối Nà Chúa	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 26' 28"	105° 53' 10"	22° 24' 27"	105° 52' 50"	F-48-44-B-b
thôn Nà Dảo	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 23' 07"	106° 00' 39"					F-48-45-A-a
thôn Nà Đi	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 24' 34"	105° 53' 03"					F-48-44-B-b
thôn Nà Kéo	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 22' 56"	105° 59' 05"					F-48-44-B-b
suối Nà Kéo	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 22' 23"	105° 57' 43"	22° 22' 46"	105° 59' 04"	F-48-44-B-d F-48-44-B-b
thôn Nà Kịt	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 23' 42"	106° 02' 50"					F-48-45-A-a
suối Nà Mòn	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 22' 14"	106° 01' 32"	22° 21' 45"	106° 00' 25"	F-48-45-A-c
núi Nà Nạo	SV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 26' 17"	105° 55' 10"					F-48-44-B-b
thôn Nà Pán	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 26' 47"	105° 54' 01"					F-48-44-B-b
thôn Nà Pao (Nà Pjao)	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 20' 06"	106° 06' 22"					F-48-45-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nà Pò	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 23' 19"	105° 02' 32"	22° 19' 33"	106° 04' 25"	F-48-45-A-c
thôn Nà Ránh	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 22' 02"	106° 03' 10"					F-48-45-A-c
suối Ngân Sơn	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 23' 59"	105° 59' 09"	22° 21' 12"	106° 00' 13"	F-48-44-B-b F-48-45-A-c
thôn Pác Đa	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 21' 39"	106° 04' 31"					F-48-45-A-c
núi Phia Khau (Phja Khau)	SV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 27' 48"	105° 54' 56"					F-48-44-B-b
thôn Pù Áng	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 21' 59"	106° 00' 34"					F-48-45-A-c
thôn Pù Poòng	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 22' 56"	106° 04' 57"					F-48-45-A-a
thôn Pù Pót (Pù Pjót)	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 22' 22"	106° 06' 35"					F-48-45-A-c
suối Pù Pót (Pù Pjót)	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 23' 19"	106° 06' 42"	22° 19' 51"	106° 05' 20"	F-48-45-A-a F-48-45-A-c
khuổi Roòng	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 02' 50"	105° 05' 12"	22° 23' 19"	105° 02' 32"	F-48-45-A-a
khau Roou	SV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 22' 34"	106° 06' 58"					F-48-45-A-a
thôn Sam Coóc	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 22' 00"	106° 07' 56"					F-48-45-A-d
suối Slam Coóc	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 23' 30"	106° 10' 50"	22° 24' 34"	106° 09' 44"	F-48-44-A-b
thôn Tềnh Kiết	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 23' 30"	105° 57' 21"					F-48-44-B-b
khau Thấm Tàng	SV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 23' 56"	106° 09' 37"					F-48-45-A-a
thôn Vườn Cam	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 25' 23"	106° 04' 56"					F-48-45-A-a
thôn Vuồng	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 27' 02"	105° 54' 30"					F-48-44-B-b
thôn Bản Liềng	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 25' 18"	106° 00' 50"					F-48-45-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bản Mới	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 25' 07"	105° 59' 46"					F-48-44-B-b
thôn Bản Phiêng (Bản Phjêng)	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 26' 39"	105° 59' 12"					F-48-44-B-b
suối Bản Piêng	TV	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn			22° 26' 56"	105° 58' 07"	22° 24' 44"	106° 00' 52"	F-48-44-B-b
thôn Bản Slung	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 25' 27"	105° 59' 55"					F-48-44-B-b
thôn Cốc Lùng	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 24' 43"	105° 58' 11"					F-48-44-B-b
suối Cốc Lùng	TV	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn			22° 25' 16"	105° 56' 46"	22° 23' 58"	105° 59' 09"	F-48-44-B-b
thôn Đèo Gió	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 24' 58"	105° 56' 50"					F-48-44-B-b
thôn Đông Pầu (Đông Pjầu)	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 27' 05"	105° 59' 21"					F-48-44-B-b
suối Đông Pầu (Đông Pjầu)	TV	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn			22° 27' 12"	105° 59' 37"	22° 26' 58"	105° 59' 10"	F-48-44-B-b
núi Lăm Củn	SV	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 26' 11"	106° 00' 33"					F-48-45-A-a
thôn Lủng Mò	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 27' 29"	105° 58' 43"					F-48-44-B-b
thôn Nà Bốc	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 27' 38"	105° 59' 29"					F-48-44-B-b
thôn Nà Nghè	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 26' 35"	105° 58' 56"					F-48-44-B-b
thôn Nà Pài	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 25' 08"	106° 00' 14"					F-48-45-A-a
thôn Nà Pẻn	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 25' 46"	106° 00' 53"					F-48-45-A-a
thôn Nà Xáng	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 26' 55"	105° 58' 43"					F-48-44-B-b
cầu Nam Sách	KX	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 25' 07"	105° 56' 57"					F-48-44-B-b
thôn Ngân Sơn	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 25' 43"	105° 59' 28"					F-48-44-B-b
cầu Ngân Sơn	KX	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 25' 54"	105° 59' 41"					F-48-44-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phia Khao (Phja Khao)	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 26' 11"	105° 58' 29"					F-48-44-B-b
thôn Tiểu Khu 1	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 26' 04"	105° 59' 46"					F-48-44-B-b
thôn Tốc Lù	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 25' 48"	105° 58' 33"					F-48-44-B-b
suối Tốc Lù	TV	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn			22° 25' 41"	105° 58' 40"	22° 25' 49"	105° 59' 20"	F-48-44-B-b
thôn Khuê Tum	DC	xã An Thắng	H. Pác Nặm	22° 35' 06"	105° 43' 59"					F-48-32-C
thôn Lồng	DC	xã An Thắng	H. Pác Nặm	22° 34' 59"	105° 45' 50"					F-48-32-D
thôn Mồng	DC	xã An Thắng	H. Pác Nặm	22° 34' 34"	105° 45' 22"					F-48-32-D
thôn Nà Chủ	DC	xã An Thắng	H. Pác Nặm	22° 33' 47"	105° 45' 25"					F-48-32-D
thôn Nà Mòn	DC	xã An Thắng	H. Pác Nặm	22° 34' 02"	105° 45' 39"					F-48-32-D
núi Nặm Mòn	SV	xã An Thắng	H. Pác Nặm	22° 34' 40"	105° 45' 50"					F-48-32-D
sông Năng	TV	xã An Thắng	H. Pác Nặm			22° 37' 47"	105° 44' 09"	22° 34' 25"	105° 46' 38"	F-48-32-C
núi Tam Ho	SV	xã An Thắng	H. Pác Nặm	22° 32' 26"	105° 45' 21"					F-48-32-D
thôn Bản Khúa	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 40' 26"	105° 43' 23"					F-48-32-C
thôn Bản Mạn	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 43' 19"	105° 41' 42"					F-48-32-C
thôn Cốc Lùng	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 40' 37"	105° 41' 53"					F-48-32-C
núi Còi Chí	SV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 43' 48"	105° 41' 41"					F-48-32-C
núi Đin Đeng	SV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 41' 00"	105° 43' 27"					F-48-32-C
núi Kéo Cạch	SV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 37' 44"	105° 42' 49"					F-48-32-C
thôn Khau Bang	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 43' 01"	105° 43' 23"					F-48-32-C
suối Khau Bang	TV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm			22° 43' 24"	105° 43' 11"	22° 42' 20"	105° 42' 26"	F-48-32-C
thôn Khuổi Danh	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 40' 59"	105° 42' 54"					F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khuổi Lạn	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 42' 07"	105° 41' 56"					F-48-32-C
thôn Khuổi Lính	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 39' 58"	105° 43' 53"					F-48-32-C
thôn Khuổi Mạn	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 42' 08"	105° 39' 58"					F-48-32-C
thôn Khuổi Phong	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 41' 13"	105° 46' 01"					F-48-32-D
thôn Khuổi Sảm	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 40' 55"	105° 41' 38"					F-48-32-C
thôn Khuổi Slưn	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 40' 26"	105° 43' 05"					F-48-32-C
thôn Khuổi Viềng	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 41' 54"	105° 41' 52"					F-48-32-C
khuổi Lạn	TV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm			22° 40' 51"	105° 40' 25"	22° 42' 25"	105° 42' 16"	F-48-32-C
khuổi Lĩnh	TV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm			22° 41' 01"	105° 45' 25"	22° 39' 23"	105° 43' 34"	F-48-32-D F-48-32-C
thôn Lủng Mít	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 40' 52"	105° 41' 20"					F-48-32-C
núi Luộng Còi	SV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 43' 34"	105° 40' 16"					F-48-32-C
khuổi Mạn	TV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm			22° 42' 07"	105° 38' 49"	22° 43' 09"	105° 41' 45"	F-48-32-C
thôn Nà Lại	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 41' 38"	105° 43' 41"					F-48-32-C
suối Nà Lại	TV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm			22° 42' 08"	105° 45' 17"	22° 41' 12"	105° 43' 02"	F-48-32-D F-48-32-C
thôn Nà Vài	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 41' 24"	105° 43' 05"					F-48-32-C
núi Nặm Kim	SV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 42' 13"	105° 43' 45"					F-48-32-C
sông Năng	TV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm			22° 43' 21"	105° 41' 23"	22° 38' 12"	105° 43' 30"	F-48-32-C
sông Năng	TV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm			22° 37' 58"	105° 42' 25"	22° 38' 12"	105° 43' 30"	F-48-32-C
núi Pác Lả	SV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 41' 23"	105° 39' 03"					F-48-32-C
thôn Pác Nặm	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 38' 28"	105° 43' 37"					F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phia Théc (Phja Théc)	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 43' 37"	105° 42' 43"					F-48-32-C
núi Pù Cải	SV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 40' 24"	105° 42' 14"					F-48-32-C
núi Pù Pình	SV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 41' 10"	105° 39' 18"					F-48-32-C
thôn Tát Lào	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 42' 29"	105° 43' 41"					F-48-32-C
khuổi Viềng	TV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm			22° 41' 09"	105° 41' 22"	22° 41' 57"	105° 42' 37"	F-48-32-C
núi Kéo Cạch	SV	xã Bộc Bố	H. Pác Nặm	22° 37' 52"	105° 42' 19"					F-48-32-C
thôn Khau Đấng	DC	xã Bộc Bố	H. Pác Nặm	22° 36' 43"	105° 40' 55"					F-48-32-C
thôn Khau Phảng	DC	xã Bộc Bố	H. Pác Nặm	22° 35' 24"	105° 38' 06"					F-48-32-C
thôn Khau Vai	DC	xã Bộc Bố	H. Pác Nặm	22° 35' 06"	105° 37' 12"					F-48-32-C
thôn Khuổi Bẻ	DC	xã Bộc Bố	H. Pác Nặm	22° 38' 31"	105° 41' 24"					F-48-32-C
thôn Lủng Pảng	DC	xã Bộc Bố	H. Pác Nặm	22° 39' 54"	105° 41' 06"					F-48-32-C
thôn Nà Càng	DC	xã Bộc Bố	H. Pác Nặm	22° 36' 29"	105° 39' 47"					F-48-32-C
thôn Nà Lẩy	DC	xã Bộc Bố	H. Pác Nặm	22° 37' 48"	105° 42' 07"					F-48-32-C
thôn Nà Lẹng	DC	xã Bộc Bố	H. Pác Nặm	22° 36' 58"	105° 40' 01"					F-48-32-C
thôn Nà Rẩu	DC	xã Bộc Bố	H. Pác Nặm	22° 36' 50"	105° 38' 42"					F-48-32-C
thôn Nà Sha	DC	xã Bộc Bố	H. Pác Nặm	22° 37' 26"	105° 40' 26"					F-48-32-C
thôn Nặm Mây	DC	xã Bộc Bố	H. Pác Nặm	22° 36' 07"	105° 38' 17"					F-48-32-C
thôn Phiêng Lủng (Phjêng Lủng)	DC	xã Bộc Bố	H. Pác Nặm	22° 35' 41"	105° 40' 07"					F-48-32-C
thôn Bản Bón	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 31' 01"	105° 38' 35"					F-48-32-C
thôn Bản Cảm	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 32' 53"	105° 39' 29"					F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bản Cảm	TV	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm			22° 34' 09"	105° 39' 28"	22° 32' 20"	105° 38' 26"	F-48-32-C
thôn Bản Nghè	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 33' 25"	105° 38' 35"					F-48-32-C
thôn Bản Nhàm	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 31' 12"	105° 40' 08"					F-48-32-C
suối Bản Nhàm	TV	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm			22° 31' 23"	105° 39' 53"	22° 30' 18"	105° 39' 27"	F-48-32-C
thôn Bản Sáng	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 34' 05"	105° 38' 06"					F-48-32-C
thôn Chẻ Pang	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 31' 12"	105° 37' 30"					F-48-32-C
thôn Cốc Lùng	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 33' 50"	105° 35' 02"					F-48-32-C
thôn Đuông Nưa	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 31' 55"	105° 38' 53"					F-48-32-C
thôn Khuổi Trà	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 34' 01"	105° 35' 49"					F-48-32-C
suối Khuổi Trà	TV	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm			22° 34' 52"	105° 37' 02"	22° 33' 43"	105° 36' 44"	F-48-32-C
thôn Lầu Vài	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 33' 04"	105° 38' 02"					F-48-32-C
thôn Lũng Pạp	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 30' 07"	105° 36' 25"					F-48-32-C
thôn Mạ Khao	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 31' 52"	105° 40' 16"					F-48-32-C
thôn Nà Han	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 30' 07"	105° 39' 36"					F-48-32-C
núi Nà Liềng	SV	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 30' 10"	105° 38' 51"					F-48-32-C
thôn Nà Loỏng	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 33' 44"	105° 38' 48"					F-48-32-C
thôn Nà Pùng	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 33' 29"	105° 34' 59"					F-48-32-C
suối Nà Pùng	TV	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm			22° 33' 42"	105° 34' 52"	22° 33' 42"	105° 36' 48"	F-48-32-C
thôn Nặm Nhì	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 33' 29"	105° 36' 43"					F-48-32-C
thôn Pác Khoang	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 34' 26"	105° 35' 38"					F-48-32-C
thôn Phiêng Nghè (Phjêng Nghè)	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 30' 32"	105° 40' 41"					F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phiêng Puốc (Phjêng Puốc)	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 30' 40"	105° 39' 11"					F-48-32-C
suối Pù Lườn	TV	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm			22° 32' 20"	105° 38' 26"	22° 29' 58"	105° 39' 28"	F-48-32-C F-48-44-A-b
suối Tả Nhì	TV	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm			22° 34' 08"	105° 35' 33"	22° 33' 41"	105° 36' 42"	F-48-32-C
suối Tả Vạc	TV	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm			22° 33' 42"	105° 36' 48"	22° 32' 31"	105° 38' 05"	F-48-32-C
thôn Thôm Then	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 32' 56"	105° 36' 50"					F-48-32-C
khuổi Ý	TV	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm			22° 32' 14"	105° 39' 02"	22° 32' 08"	105° 38' 22"	F-48-32-C
thôn Cốc Nọt	DC	xã Công Bằng	H. Pác Nặm	22° 37' 23"	105° 32' 24"					F-48-32-C
thôn Khên Lền	DC	xã Công Bằng	H. Pác Nặm	22° 39' 11"	105° 34' 41"					F-48-32-C
suối Khên Lền	TV	xã Công Bằng	H. Pác Nặm			22° 38' 24"	105° 34' 22"	22° 37' 30"	105° 33' 56"	F-48-32-C
thôn Nà Bản	DC	xã Công Bằng	H. Pác Nặm	22° 34' 41"	105° 35' 28"					F-48-32-C
thôn Nà Chảo	DC	xã Công Bằng	H. Pác Nặm	22° 35' 56"	105° 34' 52"					F-48-32-C
thôn Nà Dàng	DC	xã Công Bằng	H. Pác Nặm	22° 35' 42"	105° 35' 20"					F-48-32-C
suối Nà Dàng	TV	xã Công Bằng	H. Pác Nặm			22° 36' 03"	105° 33' 11"	22° 35' 26"	105° 34' 52"	F-48-32-C
thôn Nà Tậu	DC	xã Công Bằng	H. Pác Nặm	22° 36' 11"	105° 35' 24"					F-48-32-C
thôn Nặm Slai	DC	xã Công Bằng	H. Pác Nặm	22° 37' 05"	105° 33' 04"					F-48-32-C
sông Năng	TV	xã Công Bằng	H. Pác Nặm			22° 35' 26"	105° 34' 52"	22° 36' 39"	105° 35' 57"	F-48-32-C
thôn Pác Cáp	DC	xã Công Bằng	H. Pác Nặm	22° 35' 24"	105° 34' 26"					F-48-32-C
nặm Slai	TV	xã Công Bằng	H. Pác Nặm			22° 37' 30"	105° 33' 56"	22° 36' 29"	105° 35' 41"	F-48-32-C
suối Tả Cáp	TV	xã Công Bằng	H. Pác Nặm			22° 34' 30"	105° 34' 23"	22° 35' 16"	105° 34' 55"	F-48-32-C
thôn Hồng Mú	DC	xã Giáo Hiệu	H. Pác Nặm	22° 37' 37"	105° 35' 17"					F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khau Slôm	TV	xã Giáo Hiệu	H. Pác Nặm			22° 38' 19"	105° 35' 37"	22° 37' 32"	105° 35' 07"	F-48-32-C
thôn Khuổi Lè	DC	xã Giáo Hiệu	H. Pác Nặm	22° 37' 30"	105° 37' 05"					F-48-32-C
khuổi Lè	TV	xã Giáo Hiệu	H. Pác Nặm			22° 38' 23"	105° 37' 11"	22° 36' 48"	105° 37' 02"	F-48-32-C
thôn Nà My	DC	xã Giáo Hiệu	H. Pác Nặm	22° 36' 40"	105° 37' 08"					F-48-32-C
thôn Nà Thiêm	DC	xã Giáo Hiệu	H. Pác Nặm	22° 36' 58"	105° 38' 20"					F-48-32-C
sông Năng	TV	xã Giáo Hiệu	H. Pác Nặm			22° 36' 39"	105° 35' 57"	22° 36' 45"	105° 38' 23"	F-48-32-C
thôn Bản Đính	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 31' 19"	105° 41' 28"					F-48-32-C
núi Bản Lấp	SV	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 30' 45"	105° 45' 05"					F-48-32-D
thôn Bản Nà	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 29' 46"	105° 44' 49"					F-48-44-A
thôn Chuộc Âu	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 29' 38"	105° 41' 24"					F-48-44-A-b
thôn Cốc Bát	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 29' 42"	105° 44' 28"					F-48-44-A-b
núi Khau Cam	SV	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 29' 37"	105° 42' 41"					F-48-44-A
thôn Khâu Nèn	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 31' 05"	105° 44' 17"					F-48-32-C
thôn Khuổi Muồng	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 29' 28"	105° 44' 42"					F-48-44-A-b
thôn Khuổi Phay	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 33' 07"	105° 42' 22"					F-48-32-C
thôn Khuổi Slưa	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 29' 49"	105° 44' 20"					F-48-44-A-b
thôn Khuổi Thao	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 32' 20"	105° 44' 06"					F-48-32-C
thôn Lủng Pò (Lủng Pjò)	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 29' 42"	105° 43' 41"					F-48-44-A
suối Nà Pàn	TV	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm			22° 31' 57"	105° 44' 55"	22° 30' 00"	105° 44' 21"	F-48-32-C F-48-44-A-b
thôn Nà Vài	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 31' 05"	105° 43' 08"					F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Pác Già	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 29' 53"	105° 44' 42"					F-48-44-A-b
thôn Pác Liền	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 30' 36"	105° 43' 26"					F-48-32-C
suối Pác Liền	TV	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm			22° 30' 39"	105° 43' 11"	22° 30' 00"	105° 44' 20"	F-48-32-C F-48-44-A-b
khuổi Phây	TV	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm			22° 32' 42"	105° 42' 14"	22° 31' 50"	105° 43' 25"	F-48-32-C
thôn Phia Đeng (Phja Đeng)	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 32' 02"	105° 40' 48"					F-48-32-C
khuổi Thao	TV	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm			22° 32' 17"	105° 44' 01"	22° 31' 50"	105° 43' 25"	F-48-32-C
khuổi Ún	TV	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm			22° 31' 38"	105° 40' 53"	22° 30' 39"	105° 43' 11"	F-48-32-C
khuổi Vỉ	TV	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm			22° 32' 12"	105° 41' 06"	22° 30' 54"	105° 42' 14"	F-48-32-C
suối Bản Slấng	TV	xã Nhan Môn	H. Pác Nặm			22° 39' 39"	105° 38' 35"	22° 38' 22"	10° 54' 04"	F-48-32-C
thôn Khuổi Ổ	DC	xã Nhan Môn	H. Pác Nặm	22° 38' 10"	105° 39' 43"					F-48-32-C
thôn Nà Bẻ	DC	xã Nhan Môn	H. Pác Nặm	22° 39' 22"	105° 38' 20"					F-48-32-C
thôn Nà Mèo	DC	xã Nhan Môn	H. Pác Nặm	22° 38' 13"	105° 39' 14"					F-48-32-C
thôn Phai Khỉm	DC	xã Nhan Môn	H. Pác Nặm	22° 39' 04"	105° 38' 53"					F-48-32-C
thôn Phiêng Đẩy (Phjêng Đẩy)	DC	xã Nhan Môn	H. Pác Nặm	22° 40' 55"	105° 36' 40"					F-48-32-C
núi Phiêng Đẩy (Phjêng Đẩy)	SV	xã Nhan Môn	H. Pác Nặm	22° 41' 45"	105° 36' 40"					F-48-32-C
thôn Phiêng Tạc (Phjêng Tạc)	DC	xã Nhan Môn	H. Pác Nặm	22° 40' 37"	105° 37' 52"					F-48-32-C
núi Pù Cốc Ít	SV	xã Nhan Môn	H. Pác Nặm	22° 40' 14"	105° 39' 51"					F-48-32-C
thôn Vi Lạp	DC	xã Nhan Môn	H. Pác Nặm	22° 39' 54"	105° 38' 31"					F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bản Sláp	DC	xã Xuân La	H. Pác Nặm	22° 36' 32"	105° 41' 53"					F-48-32-C
thôn Cọn Luông	DC	xã Xuân La	H. Pác Nặm	22° 35' 20"	105° 41' 10"					F-48-32-C
đèo Kéo Pảo (Kéo Pjảo)	SV	xã Xuân La	H. Pác Nặm	22° 35' 43"	105° 41' 10"					F-48-32-C
thôn Lủng Muổng	DC	xã Xuân La	H. Pác Nặm	22° 35' 56"	105° 42' 04"					F-48-32-C
thôn Nà Án	DC	xã Xuân La	H. Pác Nặm	22° 34' 52"	105° 41' 53"					F-48-32-C
thôn Nà Vài	DC	xã Xuân La	H. Pác Nặm	22° 36' 58"	105° 41' 38"					F-48-32-C
núi Phia Đeng (Phja Đeng)	SV	xã Xuân La	H. Pác Nặm	22° 32' 39"	105° 40' 26"					F-48-32-C
thôn Thôm Mèo	DC	xã Xuân La	H. Pác Nặm	22° 33' 54"	105° 42' 07"					F-48-32-C

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc